

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ 2/2024-2025
 CÁC CTĐT BẬC ĐẠI HỌC

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1	21020702	K66E-EC2	19.900.000		19.900.000		19.900.000	0		39.800.000	Nợ K1/24-25
2	21021518	K66I-CS2	0		36.700.000		36.700.000	0		36.700.000	
3	22024179	K67M-EM	14.040.000		21.420.000		21.420.000	0		35.460.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
4	21021520	K66I-CS2	0		34.300.000		34.300.000	0		34.300.000	
5	24021337	K69S-AE	13.585.650		20.000.000		20.000.000	0		33.585.650	Nợ K1/24-25
6	21020245	K66I-CS1	0		32.700.000		32.700.000	0		32.700.000	
7	21020695	K66E-EC1	0		32.700.000		32.700.000	0		32.700.000	
8	22023182	K67P-EP	19.525.000		13.005.000		13.005.000	0		32.530.000	Nợ K1/24-25
9	22026150	K67M-MT	600.000		31.900.000		31.900.000	0		32.500.000	Nợ 1 phần K1/24-25
10	22025171	K67C-CE1	30.059.000		2.164.000		2.164.000	0		32.223.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
11	21020594	K66M-MT1	0		31.900.000		31.900.000	0		31.900.000	
12	22028208	K67I-CS4	0		31.900.000		31.900.000	0		31.900.000	
13	23020561	K68I-IS	0		31.836.000		31.836.000	0		31.836.000	
14	21021503	K66I-CS2	0		31.100.000		31.100.000	0		31.100.000	
15	21021530	K66I-CS3	0		31.100.000		31.100.000	0		31.100.000	
16	23020647	K68I-CN	0		30.760.000		30.760.000	0		30.760.000	
17	21021471	K66I-IS	0		30.300.000		30.300.000	0		30.300.000	
18	22028099	K67I-CS3	0		30.300.000		30.300.000	0		30.300.000	
19	23021149	K68C-CE1	13.702.300		16.000.000		16.000.000	0		29.702.300	Nợ K1/24-25
20	23021588	K68I-CS2	0		29.684.000		29.684.000	0		29.684.000	
21	23021822	K68E-EC1	0		29.684.000		29.684.000	0		29.684.000	
22	21021305	K66M-MT3	0		29.500.000		29.500.000	0		29.500.000	
23	21021541	K66I-CN	0		29.500.000		29.500.000	0		29.500.000	
24	21020244	K66I-CS1	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
25	21020688	K66E-EC2	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
26	21021608	K66E-EC2	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
27	21021626	K66E-EC1	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
28	22024534	K67I-IS	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
29	22024565	K67I-IS	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
30	22025527	K67I-CN	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
31	22025533	K67I-CN	0		28.700.000		28.700.000	0		28.700.000	
32	23021292	K68M-MT1	0		28.608.000		28.608.000	0		28.608.000	
33	23021371	K68M-MT2	0		28.608.000		28.608.000	0		28.608.000	
34	23021604	K68I-CS2	0		28.608.000		28.608.000	0		28.608.000	
35	23020721	K68E-RE	0		28.166.000		28.166.000	0		28.166.000	
36	21020628	K66I-CS1	0		27.900.000		27.900.000	0		27.900.000	
37	21021524	K66I-CS3	0		27.900.000		27.900.000	0		27.900.000	
38	21021595	K66E-EC2	0		27.900.000		27.900.000	0		27.900.000	
39	22029016	K67E-EC	0		27.900.000		27.900.000	0		27.900.000	
40	23020179	K68G-AT	11.659.900		16.000.000		16.000.000	0		27.659.900	Nợ K1/24-25
41	23021244	K68M-MT1	1.128.000		26.456.000		26.456.000	0		27.584.000	Nợ 1 phần K1/24-25
42	23021222	K68M-MT1	0		27.532.000		27.532.000	0		27.532.000	
43	23021914	K68E-EC1	0		27.532.000		27.532.000	0		27.532.000	
44	23021916	K68E-EC1	0		27.532.000		27.532.000	0		27.532.000	
45	21021468	K66I-CS1	0		27.100.000		27.100.000	0		27.100.000	
46	21021509	K66I-CN	0		27.100.000		27.100.000	0		27.100.000	
47	21021569	K66E-EC1	0		27.100.000		27.100.000	0		27.100.000	
48	22029072	K67E-EC	0		27.100.000		27.100.000	0		27.100.000	
49	22028270	K67I-CS4	0		26.960.000		26.960.000	0		26.960.000	
50	22023149	K67P-EP	24.585.000		2.295.000		2.295.000	0		26.880.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
51	23020528	K68I-IS	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
52	23020550	K68I-IS	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
53	23020559	K68I-IS	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
54	23021216	K68M-MT1	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
55	23021314	K68M-MT1	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
56	23021468	K68I-CS2	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
57	23021805	K68E-EC2	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
58	23021828	K68E-EC1	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
59	23021846	K68E-EC1	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
60	23021898	K68E-EC1	0		26.456.000		26.456.000	0		26.456.000	
61	21020164	K66I-CS2	1.350.000	-1.350.000	26.300.000		24.950.000	0		26.300.000	Nợ HP theo QĐ 64
62	21020173	K66I-CS2	0		26.300.000		26.300.000	0		26.300.000	
63	21020475	K66I-CS1	0		26.300.000		26.300.000	0		26.300.000	
64	21020677	K66E-EC1	0		26.300.000		26.300.000	0		26.300.000	
65	21021281	K66M-MT1	0		26.300.000		26.300.000	0		26.300.000	
66	21021360	K66M-MT2	0		26.300.000		26.300.000	0		26.300.000	
67	21020684	K66E-EC2	-108.920		26.300.000		26.300.000	0		26.191.080	
68	21020110	K66I-CS3	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
69	21020697	K66E-EC1	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
70	21021322	K66M-MT2	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
71	21021493	K66I-CS3	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
72	22024538	K67I-IS	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
73	22028260	K67I-CS3	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
74	22028323	K67I-CS4	0		25.500.000		25.500.000	0		25.500.000	
75	21020616	K66I-CS1	-3.200.000		28.700.000		28.700.000	0		25.500.000	
76	23020603	K68I-CN	0		25.380.000		25.380.000	0		25.380.000	
77	23021531	K68I-CS1	0		25.380.000		25.380.000	0		25.380.000	
78	23021583	K68I-CS1	0		25.380.000		25.380.000	0		25.380.000	
79	23021775	K68E-EC2	0		25.380.000		25.380.000	0		25.380.000	
80	23021819	K68E-EC2	0		25.380.000		25.380.000	0		25.380.000	
81	24020967	K69C-CE	5.000.000		20.000.000		20.000.000	0		25.000.000	Nợ K1/24-25
82	21021558	K66E-EC2	2.400.000		22.300.000		22.300.000	0		24.700.000	Nợ 1 phần K1/24-25
83	21020210	K66I-IS	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
84	21020610	K66I-CS2	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
85	21021274	K66M-MT1	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
86	21021350	K66M-MT2	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
87	21021467	K66I-CS3	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
88	21021627	K66E-EC2	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
89	22024526	K67I-IS	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
90	22028062	K67I-CS1	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
91	22028133	K67I-CS1	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
92	22029027	K67E-EC	0		24.700.000		24.700.000	0		24.700.000	
93	23021081	K68C-CE2	6.808.000		17.738.000		17.738.000	0		24.546.000	Nợ HP GDQP n/h 23-24
94	21021313	K66M-MT3	0		24.385.000		24.385.000	0		24.385.000	
95	23020533	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
96	23020534	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
97	23020538	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
98	23020539	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
99	23020543	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
100	23020545	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
101	23020564	K68I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
102	23020594	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
103	23020625	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
104	23020633	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
105	23020634	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
106	23020637	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
107	23020642	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
108	23021208	K68M-MT1	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
109	23021282	K68M-MT1	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
110	23021331	K68M-MT2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
111	23021357	K68M-MT2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
112	23021581	K68I-CS3	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
113	23021595	K68I-CS1	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
114	23021601	K68I-CS3	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
115	23021630	K68I-CS4	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
116	23021631	K68I-CS1	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
117	23021680	K68I-CS2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
118	23021736	K68I-CS2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
119	23021773	K68E-EC2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
120	23021830	K68E-EC1	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
121	23021849	K68E-EC2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
122	23021893	K68E-EC2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
123	23021909	K68E-EC2	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
124	24020411	K69E-CE	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
125	24020433	K69E-CE	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
126	24021110	K69M-MT	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
127	24021114	K69M-MT	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
128	24022706	K69I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
129	24022731	K69I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
130	24022748	K69I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0		24.304.000	
131	24020513	K69E-CE	-273.000		24.304.000		24.304.000	0		24.031.000	
132	21020181	K66I-CS1	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
133	21020519	K66I-CS1	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
134	21020521	K66I-CS1	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
135	21020609	K66I-CS2	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
136	21020648	K66I-CS2	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
137	21020655	K66I-CS1	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
138	21020675	K66E-EC1	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
139	21021337	K66M-MT3	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
140	21021364	K66M-MT2	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
141	21021510	K66I-CS2	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
142	21021653	K66E-EC2	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
143	22025534	K67I-CN	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
144	22028029	K67I-CS2	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
145	22028105	K67I-CS3	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
146	22029097	K67E-EC	0		23.900.000		23.900.000	0		23.900.000	
147	22029003	K67E-EC	-600		23.900.000		23.900.000	0		23.899.400	
148	23020284	K68M-AT	0		23.821.000		23.821.000	0		23.821.000	
149	23020779	K68E-CE1	0		23.821.000		23.821.000	0		23.821.000	
150	22028297	K67I-CS4	680.400		23.100.000		23.100.000	0		23.780.400	Thiếu BHYT năm 2024
151	22023183	K67P-EP	6.120.000		17.595.000		17.595.000	0		23.715.000	GDQP
152	23020557	K68I-IS	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
153	23020610	K68I-CN	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
154	23021220	K68M-MT1	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
155	23021639	K68I-CS1	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
156	23021735	K68I-CS1	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
157	23021758	K68E-EC1	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
158	23021817	K68E-EC2	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
159	23021832	K68E-EC1	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
160	23021882	K68E-EC1	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
161	23021889	K68E-EC2	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
162	23021907	K68E-EC2	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
163	24020190	K69I-IT	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
164	24021401	K69I-CS	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
165	24021513	K69I-CS	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
166	24021558	K69I-CS	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
167	24021930	K69E-EC	0		23.228.000		23.228.000	0		23.228.000	
168	23021698	K68I-CS4	-72.000		23.228.000		23.228.000	0		23.156.000	
169	21020172	K66I-CS1	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
170	21020703	K66E-EC1	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
171	21021375	K66M-MT3	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
172	21021499	K66I-CS2	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
173	21021547	K66I-CS2	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
174	21021600	K66E-EC2	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
175	21021604	K66E-EC2	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
176	21021643	K66E-EC1	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
177	21021647	K66E-EC2	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
178	22028050	K67I-CS1	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
179	22028054	K67I-CS2	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
180	22028311	K67I-CS4	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
181	22029004	K67E-EC	0		23.100.000		23.100.000	0		23.100.000	
182	23020473	K68P-EE	0		22.952.000		22.952.000	0		22.952.000	
183	23021064	K68C-CE3	0		22.952.000		22.952.000	0		22.952.000	
184	23021101	K68C-CE1	0		22.952.000		22.952.000	0		22.952.000	
185	23021431	K68S-AE	0		22.952.000		22.952.000	0		22.952.000	
186	22023175	K67P-EP	-15.000		22.950.000		22.950.000	0		22.935.000	
187	20021066	K65C-CE1	10.638.000		11.700.000		11.700.000	0		22.338.000	Nợ K1/24-25
188	21020049	K66I-CS2	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
189	21020109	K66I-IS	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
190	21020174	K66I-CN	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
191	21020225	K66I-CN	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
192	21021276	K66M-MT1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
193	21021347	K66M-MT3	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
194	21021531	K66I-CS1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
195	21021556	K66E-EC1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
196	21021560	K66E-EC2	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
197	21021571	K66E-EC1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
198	21021650	K66E-EC1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
199	22025511	K67I-CN	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
200	22027166	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
201	22028255	K67I-CS1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
202	22028262	K67I-CS1	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
203	22029049	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
204	22029060	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
205	22029066	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
206	22029101	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
207	22029103	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0		22.300.000	
208	23020777	K68E-RE	4.510.000		17.738.000		17.738.000	0		22.248.000	Nợ 1 phần K1/24-25
209	22023516	K67P-EE	6.145.000		16.065.000		16.065.000	0		22.210.000	Nợ K1/24-25
210	22027144	K67S-AE	10.000.000		10.296.000	1.902.000	12.198.000	0		22.198.000	Nợ K1/24-25
211	23020588	K68I-CN	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
212	23020595	K68I-CN	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
213	23020604	K68I-CN	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
214	23020612	K68I-CN	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
215	23020622	K68I-CN	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
216	23021231	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
217	23021233	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
218	23021246	K68M-MT1	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
219	23021255	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
220	23021257	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
221	23021278	K68M-MT1	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
222	23021290	K68M-MT1	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
223	23021297	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
224	23021305	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
225	23021313	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
226	23021315	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
227	23021354	K68M-MT1	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
228	23021552	K68I-CS2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
229	23021662	K68I-CS4	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
230	23021682	K68I-CS4	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
231	23021694	K68I-CS4	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
232	23021765	K68E-EC2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
233	23021777	K68E-EC2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
234	23021795	K68E-EC2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
235	23021809	K68E-EC2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
236	23021821	K68E-EC2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
237	23021933	K68E-EC2	0		22.152.000		22.152.000	0		22.152.000	
238	23020210	K68G-AT	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
239	23020363	K68A-AI1	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
240	23020711	K68I-IT20	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
241	23021069	K68C-CE2	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
242	23021078	K68C-CE2	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
243	23021084	K68C-CE2	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
244	23021172	K68C-CE3	0		22.083.000		22.083.000	0		22.083.000	
245	22025208	K67C-CE2	7.386.000		14.341.000		14.341.000	0		21.727.000	Nợ 1 phần K1/24-25 và GDQP
246	21021336	K66M-MT2	-663.390		22.300.000		22.300.000	0		21.636.610	
247	21021383	K66M-MT3	1.600.000		19.900.000		19.900.000	0		21.500.000	Nợ 1 phần K1/24-25
248	21020589	K66M-MT1	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
249	22026160	K67M-MT	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
250	22026164	K67M-MT	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
251	22026168	K67M-MT	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
252	22026182	K67M-MT	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
253	22026203	K67M-MT	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
254	22028139	K67I-CS4	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
255	22029035	K67E-EC	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
256	22029037	K67E-EC	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
257	22029047	K67E-EC	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
258	22029081	K67E-EC	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
259	22029100	K67E-EC	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
260	22029102	K67E-EC	0		21.500.000		21.500.000	0		21.500.000	
261	21021489	K66I-CS3	-800.000		22.300.000		22.300.000	0		21.500.000	
262	22028220	K67I-CS1	-20.000		21.500.000		21.500.000	0		21.480.000	
263	23020139	K68I-IT1	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
264	23020224	K68G-AT	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
265	23020469	K68P-EE	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
266	23020472	K68P-EE	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
267	23020741	K68E-RE	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
268	23020886	K68E-CE2	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
269	23021085	K68C-CE3	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
270	23021087	K68C-CE2	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
271	23021387	K68S-AE	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
272	23021395	K68S-AE	0		21.214.000		21.214.000	0		21.214.000	
273	22023134	K67P-EP	4.000.000		16.830.000		16.830.000	0		20.830.000	Nợ 1 phần GDQP
274	20021295	K65I-CS1	0		20.800.000		20.800.000	0		20.800.000	
275	21020042	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
276	21020214	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
277	21020239	K66I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
278	21020240	K66I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
279	21020257	K66E-EC2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
280	21020462	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
281	21020514	K66I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
282	21020515	K66I-CS1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
283	21020576	K66M-MT1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
284	21020597	K66M-MT1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
285	21020626	K66I-IS	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
286	21020636	K66I-CS1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
287	21020642	K66I-CS1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
288	21020662	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
289	21020665	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
290	21020691	K66E-EC1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
291	21020701	K66E-EC1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
292	21021270	K66M-MT1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
293	21021299	K66M-MT3	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
294	21021301	K66M-MT3	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
295	21021354	K66M-MT2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
296	21021384	K66M-MT2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
297	21021385	K66M-MT3	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
298	21021464	K66I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
299	21021485	K66I-CS3	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
300	21021507	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
301	21021511	K66I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
302	21021517	K66I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
303	21021523	K66I-CS1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
304	21021562	K66E-EC2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
305	21021615	K66E-EC2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
306	21021622	K66E-EC2	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
307	21021629	K66E-EC1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
308	21021640	K66E-EC1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
309	22024522	K67I-IS	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
310	22024551	K67I-IS	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
311	22024560	K67I-IS	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
312	22025505	K67I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
313	22025514	K67I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
314	22025539	K67I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
315	22025540	K67I-CN	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
316	22028067	K67I-CS4	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
317	22028100	K67I-CS4	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
318	22028154	K67I-CS4	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
319	22028157	K67I-CS4	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
320	22028194	K67I-CS3	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
321	22028317	K67I-CS1	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
322	22028330	K67I-CS4	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
323	22029088	K67E-EC	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
324	22029092	K67E-EC	0		20.700.000		20.700.000	0		20.700.000	
325	22027501	K67E-RE	0		20.655.000		20.655.000	0		20.655.000	
326	22027143	K67S-AE	0		18.580.000	1.902.000	20.482.000	0		20.482.000	
327	22025203	K67C-CE1	5.200.000		15.237.000		15.237.000	0		20.437.000	Nợ K2/23-24
328	23021166	K68C-CE3	53.450		20.345.000		20.345.000	0		20.398.450	Nợ lẻ
329	23020180	K68G-AT	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
330	23020398	K68A-AI2	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
331	23020452	K68P-EE	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
332	23020477	K68P-EE	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
333	23020478	K68P-EE	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
334	23020739	K68E-RE	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
335	23020900	K68P-EP	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
336	23020902	K68P-EP	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
337	23020955	K68P-EP	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
338	23021002	K68M-EM	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
339	23021130	K68C-CE3	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
340	24022468	K69A-AI	0		20.345.000		20.345.000	0		20.345.000	
341	24021723	K69E-EC	5.650		20.000.000		20.000.000	0		20.005.650	Nợ lẻ
342	24022152	K69M-AT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
343	23020430	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
344	23020507	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
345	23020508	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
346	23020509	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
347	23020510	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
348	23020511	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
349	23020512	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
350	23020513	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
351	23020515	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
352	23020517	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
353	23020518	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
354	23020520	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
355	23020522	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
356	23020523	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
357	23020524	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
358	23020525	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
359	23020526	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
360	23020527	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
361	23020530	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
362	23020535	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
363	23020536	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
364	23020537	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
365	23020540	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
366	23020542	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
367	23020546	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
368	23020547	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
369	23020548	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
370	23020549	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
371	23020553	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
372	23020563	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
373	23020566	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
374	23020567	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
375	23020568	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
376	23020569	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
377	23020570	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
378	23020572	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
379	23020573	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
380	23020574	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
381	23020577	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
382	23020579	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
383	23020580	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
384	23020581	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
385	23020582	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
386	23020583	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
387	23020584	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
388	23020585	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
389	23020587	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
390	23020591	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
391	23020592	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
392	23020598	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
393	23020599	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
394	23020600	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
395	23020601	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
396	23020602	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
397	23020606	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
398	23020608	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
399	23020611	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
400	23020613	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
401	23020614	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
402	23020615	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
403	23020616	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
404	23020618	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
405	23020619	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
406	23020621	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
407	23020623	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
408	23020624	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
409	23020629	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
410	23020630	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
411	23020631	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
412	23020638	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
413	23020639	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
414	23020640	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
415	23020643	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
416	23020644	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
417	23021204	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
418	23021205	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
419	23021206	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
420	23021207	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
421	23021209	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
422	23021211	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
423	23021212	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
424	23021213	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
425	23021214	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
426	23021215	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
427	23021218	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
428	23021219	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
429	23021221	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
430	23021223	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
431	23021224	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
432	23021225	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
433	23021226	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
434	23021227	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
435	23021228	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
436	23021229	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
437	23021232	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
438	23021234	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
439	23021236	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
440	23021237	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
441	23021238	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
442	23021239	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
443	23021240	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
444	23021241	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
445	23021242	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
446	23021243	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
447	23021245	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
448	23021247	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
449	23021248	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
450	23021249	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
451	23021251	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
452	23021252	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
453	23021253	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
454	23021254	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
455	23021256	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
456	23021258	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
457	23021259	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
458	23021260	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
459	23021261	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
460	23021262	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
461	23021263	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
462	23021264	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
463	23021266	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
464	23021267	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
465	23021269	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
466	23021270	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
467	23021271	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
468	23021272	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
469	23021273	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
470	23021274	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
471	23021275	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
472	23021276	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
473	23021277	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
474	23021279	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
475	23021280	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
476	23021281	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
477	23021283	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
478	23021284	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
479	23021285	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
480	23021286	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
481	23021288	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
482	23021289	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
483	23021291	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
484	23021293	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
485	23021294	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
486	23021296	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
487	23021298	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
488	23021299	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
489	23021300	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
490	23021301	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
491	23021302	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
492	23021303	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
493	23021304	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
494	23021306	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
495	23021307	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
496	23021310	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
497	23021312	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
498	23021316	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
499	23021317	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
500	23021318	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
501	23021319	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
502	23021320	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
503	23021322	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
504	23021323	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
505	23021324	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
506	23021325	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
507	23021327	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
508	23021328	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
509	23021329	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
510	23021330	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
511	23021332	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
512	23021333	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
513	23021335	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
514	23021336	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
515	23021337	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
516	23021338	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
517	23021339	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
518	23021340	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
519	23021342	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
520	23021347	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
521	23021348	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
522	23021349	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
523	23021350	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
524	23021351	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
525	23021352	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
526	23021353	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
527	23021355	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
528	23021356	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
529	23021358	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
530	23021359	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
531	23021360	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
532	23021361	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
533	23021362	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
534	23021363	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
535	23021364	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
536	23021365	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
537	23021366	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
538	23021367	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
539	23021368	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
540	23021369	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
541	23021370	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
542	23021372	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
543	23021459	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
544	23021460	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
545	23021462	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
546	23021463	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
547	23021464	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
548	23021465	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
549	23021466	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
550	23021470	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
551	23021472	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
552	23021473	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
553	23021474	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
554	23021475	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
555	23021476	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
556	23021477	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
557	23021478	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
558	23021479	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
559	23021480	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
560	23021481	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
561	23021482	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
562	23021483	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
563	23021485	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
564	23021486	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
565	23021487	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
566	23021489	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
567	23021490	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
568	23021491	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
569	23021492	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
570	23021493	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
571	23021494	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
572	23021495	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
573	23021496	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
574	23021497	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
575	23021498	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
576	23021501	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
577	23021502	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
578	23021504	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
579	23021505	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
580	23021506	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
581	23021507	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
582	23021508	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
583	23021509	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
584	23021510	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
585	23021512	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
586	23021513	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
587	23021515	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
588	23021516	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
589	23021519	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
590	23021520	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
591	23021521	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
592	23021522	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
593	23021524	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
594	23021525	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
595	23021526	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
596	23021527	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
597	23021528	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
598	23021530	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
599	23021532	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
600	23021533	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
601	23021535	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
602	23021536	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
603	23021537	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
604	23021538	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
605	23021539	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
606	23021540	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
607	23021542	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
608	23021543	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
609	23021544	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
610	23021546	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
611	23021548	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
612	23021549	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
613	23021550	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
614	23021551	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
615	23021554	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
616	23021555	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
617	23021556	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
618	23021557	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
619	23021558	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
620	23021560	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
621	23021562	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
622	23021563	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
623	23021564	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
624	23021565	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
625	23021566	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
626	23021567	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
627	23021568	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
628	23021569	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
629	23021572	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
630	23021573	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
631	23021578	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
632	23021582	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
633	23021584	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
634	23021585	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
635	23021586	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
636	23021587	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
637	23021589	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
638	23021590	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
639	23021591	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
640	23021592	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
641	23021593	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
642	23021594	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
643	23021596	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
644	23021598	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
645	23021600	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
646	23021602	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
647	23021603	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
648	23021606	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
649	23021608	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
650	23021609	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
651	23021610	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
652	23021611	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
653	23021612	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
654	23021613	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
655	23021615	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
656	23021616	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
657	23021617	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
658	23021618	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
659	23021619	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
660	23021620	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
661	23021621	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
662	23021623	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
663	23021624	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
664	23021625	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
665	23021627	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
666	23021628	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
667	23021629	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
668	23021632	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
669	23021633	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
670	23021634	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
671	23021635	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
672	23021636	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
673	23021642	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
674	23021643	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
675	23021644	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
676	23021645	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
677	23021646	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
678	23021647	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
679	23021648	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
680	23021649	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
681	23021650	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
682	23021651	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
683	23021656	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
684	23021657	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
685	23021658	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
686	23021660	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
687	23021661	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
688	23021663	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
689	23021664	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
690	23021666	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
691	23021668	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
692	23021669	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
693	23021671	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
694	23021672	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
695	23021673	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
696	23021674	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
697	23021676	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
698	23021677	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
699	23021678	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
700	23021679	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
701	23021683	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
702	23021684	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
703	23021686	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
704	23021687	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
705	23021692	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
706	23021696	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
707	23021700	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
708	23021701	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
709	23021702	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
710	23021703	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
711	23021704	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
712	23021705	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
713	23021706	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
714	23021707	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
715	23021708	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
716	23021710	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
717	23021712	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
718	23021713	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
719	23021714	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
720	23021715	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
721	23021716	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
722	23021717	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
723	23021719	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
724	23021720	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
725	23021721	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
726	23021722	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
727	23021723	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
728	23021725	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
729	23021726	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
730	23021727	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
731	23021733	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
732	23021734	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
733	23021737	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
734	23021739	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
735	23021740	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
736	23021741	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
737	23021743	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
738	23021744	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
739	23021745	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
740	23021746	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
741	23021749	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
742	23021750	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
743	23021751	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
744	23021752	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
745	23021754	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
746	23021755	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
747	23021756	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
748	23021757	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
749	23021759	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
750	23021760	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
751	23021761	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
752	23021762	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
753	23021763	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
754	23021764	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
755	23021766	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
756	23021768	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
757	23021769	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
758	23021770	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
759	23021771	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
760	23021772	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
761	23021774	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
762	23021776	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
763	23021778	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
764	23021779	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
765	23021780	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
766	23021782	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
767	23021783	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
768	23021785	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
769	23021786	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
770	23021787	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
771	23021788	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
772	23021789	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
773	23021791	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
774	23021792	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
775	23021793	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
776	23021796	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
777	23021798	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
778	23021799	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
779	23021802	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
780	23021803	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
781	23021804	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
782	23021806	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
783	23021807	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
784	23021808	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
785	23021811	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
786	23021812	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
787	23021813	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
788	23021814	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
789	23021816	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
790	23021818	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
791	23021823	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
792	23021824	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
793	23021825	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
794	23021826	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
795	23021827	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
796	23021829	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
797	23021831	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
798	23021833	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
799	23021834	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
800	23021835	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
801	23021836	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
802	23021837	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
803	23021838	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
804	23021839	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
805	23021840	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
806	23021841	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
807	23021843	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
808	23021844	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
809	23021845	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
810	23021847	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
811	23021848	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
812	23021850	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
813	23021851	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
814	23021852	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
815	23021853	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
816	23021855	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
817	23021856	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
818	23021857	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
819	23021859	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
820	23021860	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
821	23021861	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
822	23021862	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
823	23021863	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
824	23021864	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
825	23021865	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
826	23021866	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
827	23021867	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
828	23021868	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
829	23021869	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
830	23021870	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
831	23021871	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
832	23021872	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
833	23021873	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
834	23021874	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
835	23021875	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
836	23021876	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
837	23021877	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
838	23021878	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
839	23021879	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
840	23021880	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
841	23021881	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
842	23021883	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
843	23021884	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
844	23021886	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
845	23021887	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
846	23021888	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
847	23021890	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
848	23021891	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
849	23021892	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
850	23021894	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
851	23021895	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
852	23021896	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
853	23021897	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
854	23021899	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
855	23021900	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
856	23021901	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
857	23021902	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
858	23021903	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
859	23021904	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
860	23021905	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
861	23021906	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
862	23021908	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
863	23021911	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
864	23021912	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
865	23021913	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
866	23021915	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
867	23021918	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
868	23021919	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
869	23021920	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
870	23021921	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
871	23021922	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
872	23021923	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
873	23021924	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
874	23021925	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
875	23021927	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
876	23021928	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
877	23021929	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
878	23021931	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
879	23021932	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
880	23021935	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
881	23021937	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
882	24020003	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
883	24020004	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
884	24020005	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
885	24020006	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
886	24020008	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
887	24020009	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
888	24020010	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
889	24020011	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
890	24020012	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
891	24020013	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
892	24020014	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
893	24020015	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
894	24020016	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
895	24020017	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
896	24020018	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
897	24020019	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
898	24020020	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
899	24020021	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
900	24020024	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
901	24020026	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
902	24020027	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
903	24020028	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
904	24020029	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
905	24020030	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
906	24020031	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
907	24020032	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
908	24020034	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
909	24020035	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
910	24020036	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
911	24020037	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
912	24020041	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
913	24020042	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
914	24020044	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
915	24020045	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
916	24020047	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
917	24020048	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
918	24020051	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
919	24020052	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
920	24020053	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
921	24020054	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
922	24020055	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
923	24020058	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
924	24020059	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
925	24020062	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
926	24020063	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
927	24020064	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
928	24020068	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
929	24020069	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
930	24020070	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
931	24020071	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
932	24020072	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
933	24020073	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
934	24020074	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
935	24020075	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
936	24020078	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
937	24020080	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
938	24020081	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
939	24020082	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
940	24020085	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
941	24020086	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
942	24020087	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
943	24020089	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
944	24020090	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
945	24020093	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
946	24020094	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
947	24020095	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
948	24020096	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
949	24020097	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
950	24020098	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
951	24020099	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
952	24020101	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
953	24020102	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
954	24020104	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
955	24020105	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
956	24020108	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
957	24020111	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
958	24020112	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
959	24020113	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
960	24020114	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
961	24020117	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
962	24020118	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
963	24020119	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
964	24020120	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
965	24020122	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
966	24020123	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
967	24020124	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
968	24020126	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
969	24020127	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
970	24020128	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
971	24020129	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
972	24020130	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
973	24020131	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
974	24020132	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
975	24020133	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
976	24020134	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
977	24020135	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
978	24020136	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
979	24020138	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
980	24020140	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
981	24020141	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
982	24020144	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
983	24020145	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
984	24020147	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
985	24020150	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
986	24020152	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
987	24020153	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
988	24020154	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
989	24020155	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
990	24020156	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
991	24020157	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
992	24020158	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
993	24020159	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
994	24020160	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
995	24020161	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
996	24020162	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
997	24020164	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
998	24020165	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
999	24020167	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1000	24020168	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1001	24020170	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1002	24020172	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1003	24020174	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1004	24020176	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1005	24020178	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1006	24020179	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1007	24020180	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1008	24020181	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1009	24020182	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1010	24020185	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1011	24020186	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1012	24020187	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1013	24020188	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1014	24020189	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1015	24020191	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1016	24020192	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1017	24020194	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1018	24020197	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1019	24020198	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1020	24020199	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1021	24020202	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1022	24020204	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1023	24020205	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1024	24020207	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1025	24020209	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1026	24020210	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1027	24020211	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1028	24020212	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1029	24020213	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1030	24020217	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1031	24020218	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1032	24020220	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1033	24020221	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1034	24020222	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1035	24020223	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1036	24020224	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1037	24020225	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1038	24020226	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1039	24020228	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1040	24020230	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1041	24020232	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1042	24020235	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1043	24020236	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1044	24020239	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1045	24020240	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1046	24020241	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1047	24020243	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1048	24020245	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1049	24020246	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1050	24020247	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1051	24020248	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1052	24020250	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1053	24020252	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1054	24020253	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1055	24020255	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1056	24020256	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1057	24020258	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1058	24020259	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1059	24020260	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1060	24020261	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1061	24020262	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1062	24020263	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1063	24020264	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1064	24020266	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1065	24020267	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1066	24020268	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1067	24020269	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1068	24020270	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1069	24020271	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1070	24020272	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1071	24020273	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1072	24020275	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1073	24020276	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1074	24020279	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1075	24020280	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1076	24020281	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1077	24020282	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1078	24020283	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1079	24020287	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1080	24020288	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1081	24020289	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1082	24020290	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1083	24020291	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1084	24020292	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1085	24020293	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1086	24020294	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1087	24020295	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1088	24020299	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1089	24020300	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1090	24020302	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1091	24020303	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1092	24020305	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1093	24020306	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1094	24020308	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1095	24020311	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1096	24020312	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1097	24020313	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1098	24020314	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1099	24020315	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1100	24020317	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1101	24020318	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1102	24020320	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1103	24020321	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1104	24020322	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1105	24020323	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1106	24020324	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1107	24020325	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1108	24020326	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1109	24020327	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1110	24020328	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1111	24020329	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1112	24020330	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1113	24020331	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1114	24020332	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1115	24020333	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1116	24020334	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1117	24020335	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1118	24020336	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1119	24020338	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1120	24020342	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1121	24020343	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1122	24020345	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1123	24020346	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1124	24020347	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1125	24020348	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1126	24020349	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1127	24020350	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1128	24020351	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1129	24020352	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1130	24020353	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1131	24020354	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1132	24020356	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1133	24020357	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1134	24020358	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1135	24020361	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1136	24020362	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1137	24020364	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1138	24020365	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1139	24020366	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1140	24020367	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1141	24020368	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1142	24020369	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1143	24020370	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1144	24020371	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1145	24020372	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1146	24020374	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1147	24020375	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1148	24020376	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1149	24020377	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1150	24020378	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1151	24020379	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1152	24020380	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1153	24020382	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1154	24020383	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1155	24020384	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1156	24020385	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1157	24020386	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1158	24020388	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1159	24020391	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1160	24020392	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1161	24020395	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1162	24020396	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1163	24020397	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1164	24020399	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1165	24020400	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1166	24020401	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1167	24020402	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1168	24020403	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1169	24020404	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1170	24020405	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1171	24020406	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1172	24020407	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1173	24020408	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1174	24020409	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1175	24020410	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1176	24020412	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1177	24020413	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1178	24020414	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1179	24020415	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1180	24020416	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1181	24020418	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1182	24020419	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1183	24020420	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1184	24020421	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1185	24020422	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1186	24020423	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1187	24020424	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1188	24020426	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1189	24020427	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1190	24020428	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1191	24020429	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1192	24020430	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1193	24020431	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1194	24020432	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1195	24020434	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1196	24020435	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1197	24020436	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1198	24020437	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1199	24020438	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1200	24020440	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1201	24020441	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1202	24020442	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1203	24020443	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1204	24020444	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1205	24020445	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1206	24020446	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1207	24020447	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1208	24020448	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1209	24020450	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1210	24020451	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1211	24020452	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1212	24020453	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1213	24020454	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1214	24020456	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1215	24020457	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1216	24020458	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1217	24020459	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1218	24020461	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1219	24020463	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1220	24020465	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1221	24020466	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1222	24020467	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1223	24020468	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1224	24020469	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1225	24020470	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1226	24020471	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1227	24020477	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1228	24020478	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1229	24020479	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1230	24020480	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1231	24020481	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1232	24020483	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1233	24020485	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1234	24020487	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1235	24020488	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1236	24020489	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1237	24020490	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1238	24020492	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1239	24020494	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1240	24020495	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1241	24020496	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1242	24020497	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1243	24020498	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1244	24020499	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1245	24020500	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1246	24020501	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1247	24020502	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1248	24020503	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1249	24020504	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1250	24020505	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1251	24020506	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1252	24020507	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1253	24020510	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1254	24020511	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1255	24020512	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1256	24020515	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1257	24020516	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1258	24020518	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1259	24020519	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1260	24020520	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1261	24020522	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1262	24020524	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1263	24020525	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1264	24020526	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1265	24020528	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1266	24020529	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1267	24020532	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1268	24020534	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1269	24020535	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1270	24020536	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1271	24020537	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1272	24020539	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1273	24020541	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1274	24020542	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1275	24020544	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1276	24020545	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1277	24020546	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1278	24020547	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1279	24020548	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1280	24020549	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1281	24020550	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1282	24020552	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1283	24020553	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1284	24020554	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1285	24020555	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1286	24020556	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1287	24020557	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1288	24020558	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1289	24020559	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1290	24020560	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1291	24020561	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1292	24020563	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1293	24020566	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1294	24020567	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1295	24020568	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1296	24020569	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1297	24020570	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1298	24020571	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1299	24020572	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1300	24020573	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1301	24020574	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1302	24020575	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1303	24020577	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1304	24020578	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1305	24020579	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1306	24020581	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1307	24020582	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1308	24020584	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1309	24020586	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1310	24020587	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1311	24020588	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1312	24020589	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1313	24020590	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1314	24020592	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1315	24020593	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1316	24020594	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1317	24020595	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1318	24020596	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1319	24020597	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1320	24020598	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1321	24020600	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1322	24020602	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1323	24020603	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1324	24020604	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1325	24020605	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1326	24020607	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1327	24020608	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1328	24020609	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1329	24020610	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1330	24020612	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1331	24020613	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1332	24020614	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1333	24020615	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1334	24020617	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1335	24020619	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1336	24020620	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1337	24020621	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1338	24020622	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1339	24020623	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1340	24020624	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1341	24020625	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1342	24020626	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1343	24020627	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1344	24020628	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1345	24020629	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1346	24020631	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1347	24020632	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1348	24020633	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1349	24020634	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1350	24020635	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1351	24020636	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1352	24020637	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1353	24020638	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1354	24020640	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1355	24020641	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1356	24020642	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1357	24020644	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1358	24020645	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1359	24020647	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1360	24020648	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1361	24020650	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1362	24020651	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1363	24020652	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1364	24020653	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1365	24020654	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1366	24020655	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1367	24020656	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1368	24020658	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1369	24020659	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1370	24020661	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1371	24020662	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1372	24020664	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1373	24020666	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1374	24020667	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1375	24020668	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1376	24020669	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1377	24020671	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1378	24020672	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1379	24020673	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1380	24020674	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1381	24020675	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1382	24020676	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1383	24020677	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1384	24020678	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1385	24020679	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1386	24020681	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1387	24020682	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1388	24020683	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1389	24020685	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1390	24020687	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1391	24020688	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1392	24020689	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1393	24020690	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1394	24020691	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1395	24020692	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1396	24020693	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1397	24020694	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1398	24020695	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1399	24020696	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1400	24020697	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1401	24020698	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1402	24020704	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1403	24020716	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1404	24020724	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1405	24020726	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1406	24020738	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1407	24020788	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1408	24020853	K69M-EM	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1409	24020882	K69M-EM	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1410	24020884	K69M-EM	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1411	24020902	K69M-EM	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1412	24020926	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1413	24020932	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1414	24020952	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1415	24020998	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1416	24021001	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1417	24021004	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1418	24021040	K69C-CE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1419	24021059	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1420	24021060	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1421	24021061	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1422	24021062	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1423	24021063	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1424	24021064	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1425	24021065	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1426	24021066	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1427	24021067	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1428	24021068	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1429	24021070	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1430	24021072	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1431	24021074	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1432	24021075	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1433	24021076	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1434	24021077	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1435	24021079	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1436	24021080	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1437	24021081	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1438	24021082	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1439	24021083	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1440	24021084	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1441	24021085	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1442	24021086	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1443	24021087	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1444	24021088	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1445	24021089	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1446	24021090	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1447	24021091	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1448	24021092	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1449	24021093	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1450	24021095	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1451	24021097	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1452	24021098	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1453	24021099	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1454	24021100	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1455	24021101	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1456	24021102	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1457	24021103	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1458	24021105	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1459	24021106	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1460	24021107	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1461	24021108	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1462	24021109	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1463	24021111	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1464	24021113	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1465	24021116	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1466	24021117	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1467	24021118	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1468	24021119	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1469	24021120	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1470	24021121	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1471	24021122	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1472	24021123	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1473	24021124	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1474	24021125	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1475	24021126	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1476	24021128	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1477	24021130	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1478	24021131	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1479	24021132	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1480	24021133	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1481	24021134	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1482	24021135	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1483	24021136	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1484	24021137	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1485	24021138	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1486	24021139	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1487	24021141	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1488	24021142	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1489	24021143	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1490	24021144	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1491	24021145	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1492	24021146	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1493	24021147	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1494	24021148	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1495	24021149	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1496	24021151	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1497	24021152	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1498	24021153	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1499	24021154	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1500	24021155	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1501	24021156	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1502	24021157	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1503	24021158	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1504	24021159	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1505	24021161	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1506	24021163	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1507	24021164	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1508	24021166	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1509	24021167	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1510	24021169	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1511	24021170	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1512	24021171	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1513	24021172	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1514	24021173	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1515	24021174	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1516	24021175	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1517	24021176	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1518	24021177	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1519	24021178	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1520	24021179	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1521	24021180	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1522	24021181	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1523	24021182	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1524	24021183	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1525	24021184	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1526	24021185	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1527	24021186	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1528	24021187	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1529	24021188	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1530	24021189	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1531	24021190	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1532	24021191	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1533	24021192	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1534	24021193	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1535	24021195	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1536	24021197	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1537	24021198	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1538	24021199	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1539	24021201	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1540	24021202	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1541	24021203	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1542	24021204	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1543	24021205	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1544	24021207	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1545	24021208	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1546	24021209	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1547	24021212	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1548	24021213	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1549	24021215	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1550	24021216	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1551	24021217	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1552	24021218	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1553	24021219	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1554	24021220	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1555	24021222	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1556	24021223	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1557	24021226	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1558	24021227	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1559	24021266	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1560	24021274	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1561	24021305	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1562	24021313	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1563	24021318	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1564	24021332	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1565	24021334	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1566	24021349	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1567	24021351	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1568	24021352	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1569	24021353	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1570	24021355	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1571	24021358	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1572	24021359	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1573	24021360	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1574	24021362	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1575	24021364	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1576	24021365	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1577	24021366	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1578	24021367	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1579	24021368	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1580	24021369	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1581	24021370	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1582	24021372	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1583	24021373	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1584	24021374	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1585	24021376	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1586	24021377	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1587	24021378	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1588	24021379	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1589	24021380	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1590	24021381	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1591	24021382	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1592	24021384	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1593	24021385	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1594	24021386	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1595	24021387	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1596	24021388	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1597	24021390	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1598	24021392	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1599	24021395	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1600	24021396	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1601	24021397	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1602	24021398	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1603	24021399	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1604	24021400	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1605	24021402	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1606	24021403	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1607	24021404	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1608	24021405	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1609	24021406	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1610	24021408	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1611	24021409	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1612	24021410	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1613	24021412	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1614	24021414	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1615	24021415	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1616	24021416	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1617	24021417	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1618	24021418	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1619	24021419	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1620	24021420	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1621	24021421	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1622	24021422	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1623	24021424	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1624	24021426	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1625	24021427	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1626	24021428	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1627	24021429	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1628	24021430	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1629	24021432	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1630	24021434	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1631	24021435	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1632	24021436	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1633	24021437	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1634	24021438	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1635	24021439	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1636	24021441	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1637	24021443	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1638	24021444	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1639	24021446	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1640	24021449	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1641	24021450	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1642	24021451	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1643	24021453	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1644	24021455	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1645	24021456	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1646	24021457	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1647	24021458	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1648	24021459	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1649	24021460	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1650	24021461	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1651	24021462	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1652	24021463	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1653	24021466	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1654	24021467	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1655	24021468	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1656	24021469	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1657	24021471	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1658	24021472	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1659	24021473	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1660	24021474	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1661	24021476	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1662	24021477	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1663	24021478	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1664	24021479	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1665	24021481	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1666	24021483	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1667	24021484	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1668	24021486	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1669	24021487	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1670	24021488	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1671	24021490	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1672	24021491	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1673	24021492	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1674	24021493	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1675	24021495	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1676	24021498	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1677	24021500	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1678	24021501	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1679	24021502	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1680	24021503	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1681	24021504	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1682	24021505	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1683	24021507	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1684	24021509	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1685	24021511	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1686	24021514	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1687	24021515	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1688	24021516	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1689	24021518	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1690	24021519	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1691	24021520	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1692	24021521	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1693	24021522	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1694	24021523	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1695	24021525	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1696	24021526	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1697	24021527	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1698	24021528	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1699	24021529	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1700	24021530	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1701	24021531	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1702	24021532	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1703	24021533	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1704	24021535	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1705	24021536	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1706	24021538	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1707	24021539	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1708	24021540	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1709	24021541	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1710	24021544	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1711	24021545	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1712	24021546	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1713	24021547	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1714	24021548	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1715	24021549	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1716	24021551	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1717	24021552	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1718	24021554	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1719	24021555	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1720	24021560	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1721	24021562	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1722	24021563	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1723	24021564	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1724	24021568	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1725	24021569	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1726	24021570	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1727	24021571	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1728	24021572	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1729	24021573	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1730	24021576	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1731	24021578	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1732	24021580	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1733	24021583	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1734	24021584	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1735	24021585	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1736	24021586	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1737	24021587	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1738	24021588	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1739	24021591	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1740	24021592	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1741	24021593	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1742	24021594	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1743	24021595	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1744	24021597	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1745	24021598	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1746	24021600	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1747	24021601	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1748	24021602	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1749	24021604	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1750	24021605	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1751	24021606	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1752	24021607	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1753	24021609	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1754	24021610	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1755	24021611	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1756	24021614	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1757	24021616	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1758	24021618	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1759	24021619	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1760	24021620	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1761	24021621	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1762	24021623	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1763	24021624	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1764	24021625	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1765	24021626	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1766	24021628	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1767	24021629	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1768	24021630	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1769	24021631	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1770	24021632	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1771	24021634	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1772	24021636	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1773	24021637	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1774	24021638	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1775	24021639	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1776	24021641	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1777	24021642	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1778	24021643	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1779	24021644	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1780	24021645	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1781	24021646	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1782	24021647	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1783	24021649	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1784	24021650	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1785	24021651	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1786	24021652	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1787	24021653	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1788	24021655	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1789	24021656	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1790	24021657	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1791	24021658	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1792	24021659	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1793	24021661	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1794	24021663	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1795	24021665	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1796	24021666	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1797	24021667	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1798	24021668	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1799	24021670	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1800	24021672	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1801	24021673	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1802	24021675	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1803	24021676	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1804	24021677	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1805	24021678	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1806	24021681	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1807	24021682	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1808	24021683	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1809	24021684	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1810	24021685	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1811	24021686	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1812	24021687	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1813	24021690	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1814	24021691	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1815	24021692	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1816	24021693	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1817	24021694	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1818	24021695	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1819	24021696	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1820	24021699	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1821	24021700	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1822	24021701	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1823	24021702	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1824	24021703	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1825	24021704	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1826	24021705	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1827	24021708	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1828	24021710	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1829	24021711	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1830	24021712	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1831	24021713	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1832	24021714	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1833	24021716	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1834	24021717	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1835	24021718	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1836	24021719	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1837	24021720	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1838	24021721	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1839	24021722	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1840	24021724	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1841	24021725	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1842	24021726	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1843	24021728	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1844	24021729	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1845	24021730	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1846	24021731	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1847	24021732	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1848	24021734	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1849	24021735	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1850	24021736	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1851	24021737	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1852	24021738	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1853	24021739	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1854	24021740	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1855	24021742	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1856	24021743	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1857	24021744	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1858	24021746	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1859	24021747	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1860	24021748	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1861	24021749	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1862	24021750	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1863	24021751	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1864	24021752	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1865	24021753	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1866	24021754	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1867	24021755	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1868	24021757	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1869	24021758	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1870	24021759	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1871	24021760	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1872	24021762	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1873	24021763	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1874	24021764	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1875	24021765	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1876	24021766	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1877	24021767	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1878	24021768	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1879	24021769	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1880	24021770	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1881	24021771	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1882	24021772	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1883	24021773	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1884	24021774	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1885	24021775	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1886	24021776	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1887	24021778	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1888	24021779	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1889	24021781	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1890	24021783	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1891	24021784	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1892	24021785	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1893	24021786	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1894	24021787	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1895	24021789	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1896	24021790	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1897	24021793	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1898	24021794	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1899	24021796	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1900	24021797	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1901	24021798	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1902	24021800	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1903	24021801	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1904	24021803	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1905	24021804	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1906	24021805	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1907	24021806	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1908	24021807	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1909	24021808	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1910	24021811	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1911	24021812	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1912	24021814	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1913	24021815	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1914	24021817	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1915	24021818	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1916	24021819	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1917	24021820	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1918	24021823	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1919	24021824	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1920	24021825	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1921	24021826	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1922	24021827	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1923	24021828	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1924	24021829	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1925	24021830	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1926	24021831	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1927	24021832	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1928	24021833	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1929	24021835	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1930	24021836	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1931	24021837	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1932	24021838	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1933	24021839	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1934	24021840	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1935	24021841	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1936	24021842	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1937	24021843	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1938	24021845	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1939	24021846	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1940	24021847	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1941	24021848	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1942	24021850	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1943	24021851	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1944	24021852	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1945	24021853	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1946	24021854	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1947	24021855	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1948	24021856	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1949	24021857	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1950	24021858	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1951	24021859	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1952	24021860	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1953	24021861	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1954	24021863	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1955	24021864	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1956	24021865	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1957	24021867	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1958	24021868	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1959	24021869	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1960	24021870	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1961	24021872	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1962	24021873	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1963	24021874	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1964	24021875	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1965	24021876	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1966	24021878	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1967	24021879	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1968	24021881	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1969	24021882	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1970	24021883	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1971	24021884	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1972	24021885	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1973	24021887	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1974	24021888	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1975	24021889	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1976	24021891	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1977	24021892	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1978	24021894	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1979	24021895	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1980	24021896	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1981	24021897	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1982	24021898	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1983	24021899	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1984	24021900	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1985	24021903	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1986	24021904	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1987	24021905	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
1988	24021907	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1989	24021908	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1990	24021909	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1991	24021910	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1992	24021911	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1993	24021912	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1994	24021913	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1995	24021914	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1996	24021915	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1997	24021916	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1998	24021917	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
1999	24021918	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2000	24021919	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2001	24021920	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2002	24021923	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2003	24021924	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2004	24021925	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2005	24021926	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2006	24021927	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2007	24021928	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2008	24021929	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2009	24021933	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2010	24021934	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2011	24021935	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2012	24021936	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2013	24021938	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2014	24021939	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2015	24021940	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2016	24021941	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2017	24021944	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2018	24021945	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2019	24021948	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2020	24021949	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2021	24021950	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2022	24021951	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2023	24021952	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2024	24021953	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2025	24021954	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2026	24021955	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2027	24021956	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2028	24021959	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2029	24021960	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2030	24021961	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2031	24021962	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2032	24021963	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2033	24021965	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2034	24021966	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2035	24021967	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2036	24021969	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2037	24021970	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2038	24021971	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2039	24021972	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2040	24021973	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2041	24021974	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2042	24021975	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2043	24021976	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2044	24021977	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2045	24021978	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2046	24021980	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2047	24021981	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2048	24021982	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2049	24021983	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2050	24021984	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2051	24021985	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2052	24021986	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2053	24021988	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2054	24021991	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2055	24021992	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2056	24021993	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2057	24021994	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2058	24021995	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2059	24021996	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2060	24021997	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2061	24021998	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2062	24021999	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2063	24022001	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2064	24022004	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2065	24022005	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2066	24022006	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2067	24022007	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2068	24022008	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2069	24022010	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2070	24022502	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2071	24022536	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2072	24022572	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2073	24022573	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2074	24022587	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2075	24022596	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2076	24022598	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2077	24022599	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2078	24022601	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2079	24022602	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2080	24022603	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2081	24022604	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2082	24022605	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2083	24022606	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2084	24022607	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2085	24022608	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2086	24022611	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2087	24022612	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2088	24022613	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2089	24022614	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2090	24022615	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2091	24022616	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2092	24022619	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2093	24022620	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2094	24022621	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2095	24022622	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2096	24022624	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2097	24022625	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2098	24022626	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2099	24022627	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2100	24022628	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2101	24022629	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2102	24022630	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2103	24022633	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2104	24022634	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2105	24022635	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2106	24022636	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2107	24022639	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2108	24022641	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2109	24022643	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2110	24022644	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2111	24022645	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2112	24022646	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2113	24022647	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2114	24022648	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2115	24022649	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2116	24022650	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2117	24022651	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2118	24022653	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2119	24022655	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2120	24022656	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2121	24022657	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2122	24022659	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2123	24022660	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2124	24022661	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2125	24022662	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2126	24022663	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2127	24022664	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2128	24022665	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2129	24022666	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2130	24022669	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2131	24022670	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2132	24022671	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2133	24022673	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2134	24022674	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2135	24022675	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2136	24022676	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2137	24022677	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2138	24022678	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2139	24022679	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2140	24022680	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2141	24022681	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2142	24022682	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2143	24022683	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2144	24022684	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2145	24022685	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2146	24022686	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2147	24022687	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2148	24022688	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2149	24022689	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2150	24022692	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2151	24022694	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2152	24022695	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2153	24022696	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2154	24022698	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2155	24022699	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2156	24022700	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2157	24022702	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2158	24022703	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2159	24022704	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2160	24022705	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2161	24022707	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2162	24022709	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2163	24022710	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2164	24022713	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2165	24022714	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2166	24022715	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2167	24022716	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2168	24022717	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2169	24022718	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2170	24022719	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2171	24022720	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2172	24022722	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2173	24022726	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2174	24022727	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2175	24022728	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2176	24022730	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2177	24022732	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2178	24022734	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2179	24022740	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2180	24022741	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2181	24022742	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2182	24022743	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2183	24022744	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2184	24022745	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2185	24022746	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2186	24022750	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2187	24022751	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2188	24022752	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2189	24022753	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2190	24022754	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2191	24022755	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2192	24022756	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2193	24022757	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2194	24022758	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2195	24022759	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2196	24022760	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2197	24022761	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2198	24022762	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2199	24022763	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2200	24022764	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2201	24022765	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2202	24022766	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2203	24022767	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2204	24022768	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2205	24022769	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2206	24022770	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2207	24022771	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2208	24022772	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2209	24022773	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2210	24022774	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2211	24022775	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2212	24022776	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2213	24022777	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2214	24022780	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2215	24022781	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2216	24022785	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2217	24022788	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2218	24022789	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2219	24022790	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2220	24022791	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2221	24022792	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2222	24022794	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2223	24022796	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2224	24022797	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2225	24022798	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2226	24022799	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2227	24022801	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2228	24022802	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2229	24022803	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2230	24022804	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2231	24022806	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2232	24022808	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2233	24022809	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2234	24022811	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2235	24022812	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2236	24022813	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2237	24022814	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2238	24022815	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2239	24022817	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2240	24022819	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2241	24022820	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2242	24022821	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2243	24022822	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2244	24022824	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2245	24022826	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2246	24022828	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2247	24022829	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2248	24022830	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2249	24022832	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2250	24022833	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2251	24022834	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2252	24022835	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2253	24022836	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2254	24022837	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2255	24022840	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2256	24022841	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2257	24022842	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2258	24022843	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2259	24022844	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2260	24022845	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2261	24022846	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2262	24022849	K69E-RE			20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2263	24022851	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2264	24022853	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2265	24022854	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2266	24022855	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2267	24022856	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2268	24022857	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2269	24022858	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2270	24022862	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2271	24022865	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2272	24022868	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2273	24022869	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2274	24022871	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2275	24022873	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2276	24022875	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2277	24022877	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2278	24022878	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2279	24022879	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2280	24022880	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2281	24022881	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2282	24022882	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2283	24022883	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2284	24022884	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2285	24022885	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2286	24022887	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2287	24022888	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2288	24022889	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2289	24022891	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2290	24022892	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2291	24022894	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2292	24022895	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2293	24022896	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2294	24022897	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2295	24022898	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2296	24022900	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2297	24022901	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2298	24022902	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2299	24022903	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2300	24022904	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2301	24022905	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2302	24022906	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2303	24022908	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2304	24022909	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2305	24022911	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2306	24022912	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2307	24022913	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2308	24022914	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2309	24022915	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2310	24022916	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2311	24022920	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2312	24022921	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2313	24022922	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2314	24022924	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2315	24022925	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2316	24022927	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2317	24022928	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2318	24022929	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2319	24022930	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2320	24022931	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2321	24022932	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2322	24023103	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2323	24023104	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2324	24023105	K69S-AE	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2325	19020104	K64I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0		20.000.000	
2326	24021042	K69C-CE	-4.350		20.000.000		20.000.000	0		19.995.650	
2327	24023099	K69P-EE	-4.350		20.000.000		20.000.000	0		19.995.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2328	24022918	K69E-RE	-10.000		20.000.000		20.000.000	0		19.990.000	
2329	24022786	K69I-CN	-14.350		20.000.000		20.000.000	0		19.985.650	
2330	23021287	K68M-MT2	-39.000		20.000.000		20.000.000	0		19.961.000	
2331	24021506	K69I-CS	-50.000		20.000.000		20.000.000	0		19.950.000	
2332	24020806	K69P-EP	-94.350		20.000.000		20.000.000	0		19.905.650	
2333	20021198	K65M-MT1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2334	21020175	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2335	21020199	K66I-CS2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2336	21020204	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2337	21020215	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2338	21020243	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2339	21020248	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2340	21020250	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2341	21020254	K66E-EC1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2342	21020471	K66I-CN	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2343	21020517	K66I-CS2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2344	21020532	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2345	21020560	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2346	21020585	K66M-MT1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2347	21020595	K66M-MT1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2348	21020608	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2349	21020613	K66I-CN	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2350	21020614	K66I-CN	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2351	21020632	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2352	21020640	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2353	21020650	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2354	21020671	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2355	21020678	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2356	21020705	K66E-EC1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2357	21020738	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2358	21021283	K66M-MT1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2359	21021358	K66M-MT2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2360	21021379	K66M-MT3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2361	21021382	K66M-MT2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2362	21021459	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2363	21021480	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2364	21021486	K66I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2365	21021496	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2366	21021502	K66I-CS2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2367	21021553	K66E-EC1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2368	21021564	K66E-EC1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2369	21021577	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2370	21021631	K66E-EC1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2371	21021634	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2372	21021642	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2373	21021649	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2374	22024511	K67I-IS	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2375	22024539	K67I-IS	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2376	22024541	K67I-IS	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2377	22024555	K67I-IS	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2378	22024580	K67I-IS	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2379	22025516	K67I-CN	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2380	22026136	K67M-MT	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2381	22026159	K67M-MT	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2382	22026196	K67M-MT	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2383	22028006	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2384	22028014	K67I-CS2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2385	22028043	K67I-CS2	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2386	22028127	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2387	22028165	K67I-CS4	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2388	22028178	K67I-CS4	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2389	22028187	K67I-CS4	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2390	22028189	K67I-CS4	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2391	22028218	K67I-CS4	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2392	22028247	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2393	22028248	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2394	22028273	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2395	22028275	K67I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2396	22028277	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2397	22028309	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2398	22028327	K67I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2399	22029008	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2400	22029018	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2401	22029026	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2402	22029039	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2403	22029048	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2404	22029050	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2405	22029063	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2406	22029068	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2407	22029074	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2408	22029075	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2409	22029079	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2410	22029096	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2411	22029106	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0		19.900.000	
2412	22024104	K67M-EM	6.120.000		13.770.000		13.770.000	0		19.890.000	GDQP => SV báo ko đăng ký và không học P.Đào tạo báo: đã giải đáp cho SV.
2413	22021101	K67I-IT15	0		19.890.000		19.890.000	0		19.890.000	
2414	22021179	K67I-IT2	0		19.890.000		19.890.000	0		19.890.000	
2415	22024183	K67M-EM	0		19.890.000		19.890.000	0		19.890.000	
2416	24020611	K69E-CE	-114.350		20.000.000		20.000.000	0		19.885.650	
2417	22027132	K67S-AE	0		17.925.000	1.902.000	19.827.000	0		19.827.000	
2418	24020822	K69P-EP	-214.350		20.000.000		20.000.000	0		19.785.650	
2419	24021343	K69S-AE	-304.350		20.000.000		20.000.000	0		19.695.650	
2420	24020703	K69P-EP	-404.350		20.000.000		20.000.000	0		19.595.650	
2421	24020951	K69C-CE	-404.350		20.000.000		20.000.000	0		19.595.650	
2422	24020768	K69P-EP	-413.350		20.000.000		20.000.000	0		19.586.650	
2423	24020576	K69E-CE	-414.350		20.000.000		20.000.000	0		19.585.650	
2424	24021104	K69M-MT	-414.350		20.000.000		20.000.000	0		19.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2425	23020002	K68I-IT2	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2426	23020039	K68I-IT3	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2427	23020094	K68I-IT1	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2428	23020099	K68I-IT3	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2429	23020152	K68I-IT2	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2430	23020158	K68I-IT2	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2431	23020178	K68G-AT	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2432	23020218	K68G-AT	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2433	23020250	K68M-AT	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2434	23020496	K68P-EE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2435	23020704	K68I-IT20	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2436	23020796	K68E-CE2	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2437	23020852	K68E-CE2	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2438	23020930	K68P-EP	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2439	23021080	K68C-CE1	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2440	23021116	K68C-CE1	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2441	23021374	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2442	23021375	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2443	23021377	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2444	23021379	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2445	23021427	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2446	23021438	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0		19.476.000	
2447	23021456	K68S-AE	-9.999		19.476.000		19.476.000	0		19.466.001	
2448	24020297	K69I-IT	-663.390		20.000.000		20.000.000	0		19.336.610	
2449	24021890	K69E-EC	-663.390		20.000.000		20.000.000	0		19.336.610	
2450	24022848	K69E-RE	-663.390		20.000.000		20.000.000	0		19.336.610	
2451	24022866	K69E-RE	-663.390		20.000.000		20.000.000	0		19.336.610	
2452	24022874	K69E-RE	-663.390		20.000.000		20.000.000	0		19.336.610	
2453	24020815	K69P-EP	-704.350		20.000.000		20.000.000	0		19.295.650	
2454	24021015	K69C-CE	-714.350		20.000.000		20.000.000	0		19.285.650	
2455	21020694	K66E-EC2	-663.390		19.900.000		19.900.000	0		19.236.610	
2456	21021516	K66I-CS2	-663.390		19.900.000		19.900.000	0		19.236.610	
2457	24021003	K69C-CE	-804.350		20.000.000		20.000.000	0		19.195.650	
2458	22021136	K67I-IT2	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2459	22021186	K67I-IT1	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2460	22022583	K67A-AI1	0		19.890.000	-765.000	19.125.000	0		19.125.000	
2461	22026509	K67I-IT20	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2462	22026518	K67I-IT20	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2463	22026563	K67I-IT20	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2464	22026564	K67I-IT20	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2465	22027523	K67E-RE	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2466	22027526	K67E-RE	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2467	22027534	K67E-RE	0		19.125.000		19.125.000	0		19.125.000	
2468	24021257	K69S-AE	-879.850		20.000.000		20.000.000	0		19.120.150	
2469	23021265	K68M-MT2	-884.520		20.000.000		20.000.000	0		19.115.480	
2470	23021622	K68I-CS4	-900.000		20.000.000		20.000.000	0		19.100.000	
2471	21021309	K66M-MT3	3.200.000	-1.600.000	17.500.000		15.900.000	0		19.100.000	Nợ 1 phần K1/24-25
2472	21020660	K66I-CN	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2473	21021265	K66M-MT1	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2474	21021268	K66M-MT1	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2475	21021286	K66M-MT2	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2476	21021311	K66M-MT3	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2477	21021312	K66M-MT2	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2478	21021318	K66M-MT2	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2479	21021319	K66M-MT3	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2480	21021321	K66M-MT3	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2481	21021327	K66M-MT3	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2482	21021392	K66M-MT2	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2483	21021537	K66I-IS	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2484	21021575	K66E-EC1	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2485	22025502	K67I-CN	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2486	22025519	K67I-CN	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2487	22025529	K67I-CN	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2488	22026135	K67M-MT	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2489	22026177	K67M-MT	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2490	22026180	K67M-MT	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2491	22026205	K67M-MT	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2492	22028015	K67I-CS2	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2493	22028026	K67I-CS2	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2494	22028083	K67I-CS4	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2495	22028110	K67I-CS3	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2496	22028117	K67I-CS1	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2497	22028257	K67I-CS1	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2498	22028258	K67I-CS4	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2499	22028293	K67I-CS1	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2500	22028300	K67I-CS3	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2501	22028325	K67I-CS4	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2502	22029061	K67E-EC	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2503	22029062	K67E-EC	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2504	22029073	K67E-EC	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2505	22029082	K67E-EC	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2506	22029104	K67E-EC	0		19.100.000		19.100.000	0		19.100.000	
2507	24020919	K69C-CE	-914.350		20.000.000		20.000.000	0		19.085.650	
2508	24020816	K69P-EP	-954.350		20.000.000		20.000.000	0		19.045.650	
2509	24020749	K69P-EP	-963.350		20.000.000		20.000.000	0		19.036.650	
2510	24020996	K69C-CE	-1.004.350		20.000.000		20.000.000	0		18.995.650	
2511	24021300	K69S-AE	-1.004.350		20.000.000		20.000.000	0		18.995.650	
2512	24022544	K69P-EE	-1.004.350		20.000.000		20.000.000	0		18.995.650	
2513	24020737	K69P-EP	-1.074.350		20.000.000		20.000.000	0		18.925.650	
2514	24022558	K69P-EE	-1.084.350		20.000.000		20.000.000	0		18.915.650	
2515	22029014	K67E-EC	0		18.900.000		18.900.000	0		18.900.000	
2516	24021286	K69S-AE	-1.178.850		20.000.000		20.000.000	0		18.821.150	
2517	24021038	K69C-CE	-1.214.350		20.000.000		20.000.000	0		18.785.650	
2518	21021220	K66C-CE1	15.614.000		3.150.000		3.150.000	0		18.764.000	Nợ K1/24-25
2519	24022500	K69P-EE	-1.294.350		20.000.000		20.000.000	0		18.705.650	
2520	24021301	K69S-AE	-1.374.350		20.000.000		20.000.000	0		18.625.650	
2521	23020054	K68I-IT3	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2522	23020100	K68I-IT1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2523	23020111	K68I-IT3	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2524	23020146	K68I-IT2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2525	23020338	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2526	23020346	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2527	23020352	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2528	23020362	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2529	23020391	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2530	23020392	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2531	23020394	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2532	23020395	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2533	23020409	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2534	23020413	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2535	23020423	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2536	23020437	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2537	23020466	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2538	23020468	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2539	23020470	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2540	23020476	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2541	23020480	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2542	23020483	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2543	23020485	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2544	23020487	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2545	23020691	K68I-IT20	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2546	23020724	K68E-RE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2547	23020769	K68E-RE	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2548	23020782	K68E-CE2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2549	23020856	K68E-CE2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2550	23020892	K68E-CE2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2551	23020934	K68P-EP	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2552	23020957	K68P-EP	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2553	23021014	K68M-EM	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2554	23021038	K68M-EM	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2555	23021183	K68C-CE2	0		18.607.000		18.607.000	0		18.607.000	
2556	24020984	K69C-CE	-1.394.350		20.000.000		20.000.000	0		18.605.650	
2557	23020505	K68P-EE	-8.000		18.607.000		18.607.000	0		18.599.000	
2558	24020861	K69M-EM	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0		18.595.650	
2559	24020873	K69M-EM	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0		18.595.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2560	24022593	K69P-EE	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0		18.595.650	
2561	24020699	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2562	24020700	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2563	24020701	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2564	24020702	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2565	24020705	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2566	24020706	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2567	24020707	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2568	24020708	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2569	24020711	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2570	24020712	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2571	24020713	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2572	24020714	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2573	24020715	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2574	24020719	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2575	24020720	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2576	24020725	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2577	24020728	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2578	24020730	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2579	24020732	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2580	24020733	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2581	24020734	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2582	24020735	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2583	24020740	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2584	24020741	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2585	24020742	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2586	24020743	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2587	24020745	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2588	24020746	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2589	24020748	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2590	24020751	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2591	24020752	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2592	24020753	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2593	24020754	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2594	24020755	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2595	24020756	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2596	24020759	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2597	24020760	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2598	24020761	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2599	24020762	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2600	24020763	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2601	24020765	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2602	24020769	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2603	24020770	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2604	24020774	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2605	24020775	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2606	24020777	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2607	24020778	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2608	24020779	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2609	24020780	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2610	24020781	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2611	24020782	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2612	24020783	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2613	24020784	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2614	24020785	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2615	24020786	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2616	24020787	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2617	24020789	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2618	24020790	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2619	24020792	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2620	24020794	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2621	24020795	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2622	24020796	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2623	24020797	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2624	24020799	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2625	24020800	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2626	24020801	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2627	24020803	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2628	24020804	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2629	24020805	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2630	24020808	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2631	24020810	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2632	24020811	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2633	24020813	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2634	24020814	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2635	24020817	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2636	24020818	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2637	24020819	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2638	24020823	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2639	24020824	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2640	24020826	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2641	24020827	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2642	24020830	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2643	24020831	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2644	24020832	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2645	24020834	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2646	24020835	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2647	24020837	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2648	24020838	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2649	24020840	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2650	24020842	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2651	24020843	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2652	24020844	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2653	24020845	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2654	24020846	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2655	24020847	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2656	24020848	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2657	24020849	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2658	24020850	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2659	24020852	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2660	24020854	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2661	24020855	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2662	24020856	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2663	24020858	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2664	24020859	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2665	24020860	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2666	24020862	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2667	24020863	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2668	24020864	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2669	24020865	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2670	24020866	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2671	24020868	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2672	24020869	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2673	24020870	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2674	24020871	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2675	24020874	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2676	24020875	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2677	24020876	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2678	24020877	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2679	24020878	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2680	24020879	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2681	24020880	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2682	24020881	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2683	24020883	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2684	24020886	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2685	24020887	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2686	24020888	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2687	24020889	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2688	24020890	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2689	24020891	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2690	24020892	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2691	24020893	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2692	24020894	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2693	24020895	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2694	24020896	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2695	24020897	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2696	24020898	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2697	24020899	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2698	24020900	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2699	24020904	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2700	24020907	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2701	24020908	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2702	24020909	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2703	24020910	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2704	24020911	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2705	24020913	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2706	24020914	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2707	24020916	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2708	24020917	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2709	24020923	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2710	24020924	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2711	24020925	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2712	24020927	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2713	24020928	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2714	24020929	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2715	24020930	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2716	24020933	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2717	24020934	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2718	24020935	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2719	24020936	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2720	24020937	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2721	24020938	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2722	24020939	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2723	24020940	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2724	24020944	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2725	24020945	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2726	24020946	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2727	24020947	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2728	24020948	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2729	24020949	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2730	24020950	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2731	24020953	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2732	24020954	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2733	24020955	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2734	24020956	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2735	24020957	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2736	24020958	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2737	24020959	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2738	24020960	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2739	24020961	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2740	24020962	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2741	24020963	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2742	24020965	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2743	24020966	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2744	24020968	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2745	24020970	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2746	24020972	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2747	24020973	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2748	24020974	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2749	24020975	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2750	24020976	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2751	24020977	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2752	24020978	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2753	24020979	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2754	24020980	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2755	24020982	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2756	24020983	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2757	24020985	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2758	24020986	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2759	24020988	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2760	24020989	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2761	24020990	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2762	24020991	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2763	24020992	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2764	24020993	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2765	24020994	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2766	24020995	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2767	24020999	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2768	24021000	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2769	24021005	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2770	24021006	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2771	24021007	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2772	24021009	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2773	24021010	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2774	24021012	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2775	24021016	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2776	24021017	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2777	24021018	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2778	24021021	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2779	24021022	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2780	24021023	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2781	24021024	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2782	24021025	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2783	24021026	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2784	24021027	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2785	24021028	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2786	24021029	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2787	24021030	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2788	24021033	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2789	24021034	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2790	24021035	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2791	24021036	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2792	24021037	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2793	24021039	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2794	24021041	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2795	24021045	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2796	24021046	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2797	24021047	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2798	24021050	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2799	24021053	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2800	24021054	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2801	24021055	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2802	24021056	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2803	24021057	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2804	24021229	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2805	24021230	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2806	24021231	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2807	24021232	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2808	24021233	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2809	24021235	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2810	24021236	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2811	24021237	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2812	24021238	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2813	24021240	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2814	24021241	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2815	24021243	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2816	24021244	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2817	24021248	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2818	24021249	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2819	24021250	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2820	24021251	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2821	24021252	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2822	24021253	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2823	24021254	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2824	24021255	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2825	24021258	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2826	24021259	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2827	24021261	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2828	24021263	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2829	24021264	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2830	24021265	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2831	24021268	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2832	24021269	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2833	24021270	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2834	24021273	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2835	24021275	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2836	24021279	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2837	24021280	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2838	24021281	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2839	24021282	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2840	24021284	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2841	24021287	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2842	24021288	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2843	24021290	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2844	24021291	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2845	24021292	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2846	24021293	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2847	24021297	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2848	24021298	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2849	24021302	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2850	24021304	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2851	24021306	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2852	24021308	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2853	24021309	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2854	24021310	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2855	24021311	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2856	24021314	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2857	24021315	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2858	24021316	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2859	24021317	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2860	24021319	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2861	24021323	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2862	24021325	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2863	24021326	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2864	24021328	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2865	24021329	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2866	24021330	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2867	24021331	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2868	24021333	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2869	24021335	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2870	24021336	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2871	24021338	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2872	24021339	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2873	24021340	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2874	24021342	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2875	24021344	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2876	24021345	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2877	24021346	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2878	24021347	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2879	24021348	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2880	24022495	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2881	24022496	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2882	24022498	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2883	24022499	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2884	24022503	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2885	24022504	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2886	24022505	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2887	24022506	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2888	24022507	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2889	24022508	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2890	24022509	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2891	24022510	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2892	24022512	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2893	24022513	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2894	24022514	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2895	24022516	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2896	24022517	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2897	24022518	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2898	24022519	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2899	24022521	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2900	24022522	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2901	24022526	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2902	24022527	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2903	24022528	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2904	24022529	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2905	24022530	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2906	24022531	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2907	24022532	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2908	24022533	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2909	24022534	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2910	24022535	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2911	24022538	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2912	24022539	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2913	24022540	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2914	24022541	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2915	24022543	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2916	24022545	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2917	24022546	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2918	24022548	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2919	24022549	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2920	24022550	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2921	24022551	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2922	24022552	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2923	24022553	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2924	24022555	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2925	24022556	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2926	24022559	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2927	24022561	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2928	24022562	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2929	24022563	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2930	24022565	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2931	24022566	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2932	24022567	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2933	24022568	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2934	24022570	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2935	24022574	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2936	24022575	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2937	24022576	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2938	24022577	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2939	24022579	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2940	24022580	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2941	24022581	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2942	24022583	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2943	24022584	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2944	24022585	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2945	24022586	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2946	24022588	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2947	24022589	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2948	24022592	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2949	24022594	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2950	24022595	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2951	24022597	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0		18.585.650	
2952	23020259	K68M-AT	-34.000		18.607.000		18.607.000	0		18.573.000	
2953	22027181	K67S-AE	0		16.484.000	1.902.000	18.386.000	0		18.386.000	
2954	22021162	K67I-IT2	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2955	22021210	K67I-IT1	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2956	22021225	K67I-IT1	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2957	22023122	K67P-EP	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2958	22023162	K67P-EP	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2959	22023167	K67P-EP	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2960	22023178	K67P-EP	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2961	22023504	K67P-EE	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2962	22024100	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2963	22024106	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2964	22024127	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2965	22024136	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2966	22024149	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2967	22024154	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
2968	22024157	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2969	22024167	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2970	22024186	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2971	22024187	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2972	22024196	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2973	22027531	K67E-RE	0		18.360.000		18.360.000	0		18.360.000	
2974	21020050	K66I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2975	21020182	K66I-CN	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2976	21020185	K66I-CN	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2977	21020580	K66M-MT1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2978	21020591	K66M-MT1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2979	21020617	K66I-IS	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2980	21020667	K66E-EC2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2981	21020680	K66E-EC2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2982	21020732	K66E-EC2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2983	21021263	K66M-MT1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2984	21021264	K66M-MT1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2985	21021267	K66M-MT1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2986	21021288	K66M-MT2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2987	21021306	K66M-MT2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2988	21021338	K66M-MT2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2989	21021368	K66M-MT2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2990	21021519	K66I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2991	21021589	K66E-EC1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2992	21021619	K66E-EC2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2993	21021683	K66I-CS1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2994	22024525	K67I-IS	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2995	22026179	K67M-MT	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2996	22028024	K67I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2997	22028035	K67I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2998	22028079	K67I-CS2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
2999	22028082	K67I-CS1	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3000	22028090	K67I-CS2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3001	22028101	K67I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3002	22028156	K67I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3003	22028172	K67I-CS2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3004	22028225	K67I-CS2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3005	22028232	K67I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3006	22028249	K67I-CS4	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3007	22028254	K67I-CS2	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3008	22029071	K67E-EC	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3009	22029076	K67E-EC	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3010	22029089	K67E-EC	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3011	22029090	K67E-EC	0		18.300.000		18.300.000	0		18.300.000	
3012	21021591	K66E-EC1	-740		18.300.000		18.300.000	0		18.299.260	
3013	24020793	K69P-EP	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3014	24020905	K69M-EM	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3015	24020918	K69C-CE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3016	24021002	K69C-CE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3017	24021245	K69S-AE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3018	24021271	K69S-AE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3019	24022557	K69P-EE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3020	24022560	K69P-EE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0		18.285.650	
3021	20021080	K65CĐT.C	0		20.655.000	-2.429.000	18.226.000	0		18.226.000	Bảng kép
3022	21021580	K66E-EC2	0		18.200.000		18.200.000	0		18.200.000	
3023	22029095	K67E-EC	0		18.200.000		18.200.000	0		18.200.000	
3024	22025155	K67C-CE2	4.672.000		15.237.000		15.237.000	1.800.000		18.109.000	Nợ 1 phần GDQP
3025	24022569	K69P-EE	-2.010.000		20.000.000		20.000.000	0		17.990.000	
3026	22025123	K67C-CE1	5.072.000		12.680.000		12.680.000	0		17.752.000	GDQP
3027	23020024	K68I-IT3	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3028	23020185	K68G-AT	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3029	23020194	K68G-AT	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3030	23020212	K68G-AT	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3031	23020226	K68G-AT	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3032	23020336	K68A-AI2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3033	23020350	K68A-AI2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3034	23020439	K68A-AI1	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3035	23020446	K68A-AI2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3036	23020486	K68P-EE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3037	23020492	K68P-EE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3038	23020506	K68P-EE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3039	23020673	K68I-IT20	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3040	23020699	K68I-IT20	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3041	23020723	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3042	23020725	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3043	23020727	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3044	23020729	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3045	23020730	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3046	23020731	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3047	23020745	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3048	23020746	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3049	23020749	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3050	23020752	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3051	23020755	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3052	23020758	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3053	23020759	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3054	23020764	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3055	23020774	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3056	23020778	K68E-RE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3057	23020905	K68P-EP	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3058	23020937	K68P-EP	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3059	23020960	K68P-EP	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3060	23020967	K68P-EP	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3061	23020990	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3062	23020991	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3063	23020992	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3064	23020993	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3065	23020996	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3066	23020998	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3067	23020999	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3068	23021001	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3069	23021015	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3070	23021046	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3071	23021047	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3072	23021057	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3073	23021059	K68C-CE1	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3074	23021060	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3075	23021061	K68C-CE3	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3076	23021063	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3077	23021066	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3078	23021070	K68C-CE3	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3079	23021077	K68C-CE1	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3080	23021090	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3081	23021093	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3082	23021111	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3083	23021120	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3084	23021122	K68C-CE1	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3085	23021167	K68C-CE1	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3086	23021397	K68S-AE	0		17.738.000		17.738.000	0		17.738.000	
3087	24020942	K69C-CE	-2.320.000		20.000.000		20.000.000	0		17.680.000	
3088	22024130	K67M-EM	6.175.000		11.475.000		11.475.000	0		17.650.000	Nợ 1 phần K1/24-25 và GDQP
3089	22021109	K67I-IT15	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3090	22021124	K67I-IT15	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3091	22021152	K67I-IT15	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3092	22021190	K67I-IT1	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3093	22021208	K67I-IT1	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3094	22021217	K67I-IT1	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3095	22022120	K67E-CE2	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3096	22022158	K67E-CE2	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3097	22022674	K67A-AI1	0		18.360.000	-765.000	17.595.000	0		17.595.000	
3098	22023106	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3099	22023108	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3100	22023113	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3101	22023123	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3102	22023127	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3103	22023140	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3104	22023141	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3105	22023150	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3106	22023165	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3107	22023180	K67P-EP	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3108	22024123	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3109	22024148	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3110	22024152	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3111	22024158	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3112	22024168	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3113	22024169	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3114	22026549	K67I-IT20	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3115	22026559	K67I-IT20	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3116	22027506	K67E-RE	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3117	22027522	K67E-RE	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3118	22027524	K67E-RE	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3119	22027552	K67E-RE	0		17.595.000		17.595.000	0		17.595.000	
3120	21021528	K66I-CN	1.820		17.500.000		17.500.000	0		17.501.820	Nợ lẻ
3121	21021287	K66M-MT3	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0		17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
3122	21021310	K66M-MT2	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0		17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
3123	21021324	K66M-MT2	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0		17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
3124	21021378	K66M-MT2	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0		17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
3125	21020043	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3126	21020044	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3127	21020045	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3128	21020046	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3129	21020103	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3130	21020104	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3131	21020106	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3132	21020112	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3133	21020113	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3134	21020156	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3135	21020157	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3136	21020159	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3137	21020160	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3138	21020162	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3139	21020163	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3140	21020166	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3141	21020167	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3142	21020168	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3143	21020171	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3144	21020183	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3145	21020184	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3146	21020187	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3147	21020190	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3148	21020191	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3149	21020192	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3150	21020193	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3151	21020194	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3152	21020195	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3153	21020196	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3154	21020197	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3155	21020198	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3156	21020201	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3157	21020202	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3158	21020203	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3159	21020205	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3160	21020206	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3161	21020211	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3162	21020216	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3163	21020217	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3164	21020218	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3165	21020219	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3166	21020220	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3167	21020222	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3168	21020223	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3169	21020224	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3170	21020226	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3171	21020229	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3172	21020230	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3173	21020231	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3174	21020232	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3175	21020233	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3176	21020234	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3177	21020235	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3178	21020236	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3179	21020237	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3180	21020241	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3181	21020242	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3182	21020246	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3183	21020247	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3184	21020249	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3185	21020251	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3186	21020253	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3187	21020258	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3188	21020266	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3189	21020267	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3190	21020270	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3191	21020460	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3192	21020461	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3193	21020465	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3194	21020466	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3195	21020469	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3196	21020472	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3197	21020473	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3198	21020474	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3199	21020476	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3200	21020477	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3201	21020478	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3202	21020510	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3203	21020513	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3204	21020518	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3205	21020520	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3206	21020522	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3207	21020524	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3208	21020525	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3209	21020526	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3210	21020529	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3211	21020578	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3212	21020579	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3213	21020581	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3214	21020583	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3215	21020584	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3216	21020586	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3217	21020587	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3218	21020588	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3219	21020593	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3220	21020603	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3221	21020604	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3222	21020605	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3223	21020607	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3224	21020615	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3225	21020618	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3226	21020620	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3227	21020621	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3228	21020622	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3229	21020624	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3230	21020627	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3231	21020629	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3232	21020630	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3233	21020631	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3234	21020633	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3235	21020635	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3236	21020638	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3237	21020641	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3238	21020643	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3239	21020644	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3240	21020645	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3241	21020646	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3242	21020649	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3243	21020651	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3244	21020652	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3245	21020654	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3246	21020656	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3247	21020657	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3248	21020658	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3249	21020661	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3250	21020663	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3251	21020664	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3252	21020666	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3253	21020668	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3254	21020670	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3255	21020674	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3256	21020676	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3257	21020679	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3258	21020681	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3259	21020685	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3260	21020686	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3261	21020687	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3262	21020689	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3263	21020690	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3264	21020692	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3265	21020698	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3266	21020704	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3267	21020707	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3268	21020711	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3269	21020727	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3270	21020728	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3271	21020729	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3272	21020731	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3273	21020733	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3274	21020734	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3275	21020736	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3276	21020737	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3277	21021260	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3278	21021261	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3279	21021269	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3280	21021271	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3281	21021272	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3282	21021273	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3283	21021275	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3284	21021277	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3285	21021278	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3286	21021279	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3287	21021280	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3288	21021282	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3289	21021284	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3290	21021285	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3291	21021289	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3292	21021291	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3293	21021293	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3294	21021294	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3295	21021295	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3296	21021296	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3297	21021298	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3298	21021300	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3299	21021308	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3300	21021315	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3301	21021316	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3302	21021320	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3303	21021325	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3304	21021326	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3305	21021328	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3306	21021329	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3307	21021330	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3308	21021332	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3309	21021333	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3310	21021334	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3311	21021335	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3312	21021340	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3313	21021341	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3314	21021343	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3315	21021344	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3316	21021345	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3317	21021346	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3318	21021348	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3319	21021349	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3320	21021352	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3321	21021355	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3322	21021356	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3323	21021357	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3324	21021362	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3325	21021365	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3326	21021366	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3327	21021367	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3328	21021369	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3329	21021370	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3330	21021371	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3331	21021372	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3332	21021373	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3333	21021377	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3334	21021380	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3335	21021381	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3336	21021386	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3337	21021387	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3338	21021388	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3339	21021389	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3340	21021390	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3341	21021391	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3342	21021393	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3343	21021394	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3344	21021395	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3345	21021452	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3346	21021453	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3347	21021454	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3348	21021455	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3349	21021457	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3350	21021458	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3351	21021461	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3352	21021463	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3353	21021465	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3354	21021470	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3355	21021473	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3356	21021474	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3357	21021478	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3358	21021479	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3359	21021481	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3360	21021482	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3361	21021483	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3362	21021484	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3363	21021487	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3364	21021488	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3365	21021490	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3366	21021492	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3367	21021494	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3368	21021498	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3369	21021501	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3370	21021506	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3371	21021508	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3372	21021512	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3373	21021513	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3374	21021515	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3375	21021521	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3376	21021525	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3377	21021526	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3378	21021527	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3379	21021529	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3380	21021532	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3381	21021533	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3382	21021534	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3383	21021535	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3384	21021538	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3385	21021540	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3386	21021542	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3387	21021543	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3388	21021545	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3389	21021548	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3390	21021549	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3391	21021550	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3392	21021551	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3393	21021554	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3394	21021555	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3395	21021557	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3396	21021559	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3397	21021561	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3398	21021565	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3399	21021566	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3400	21021567	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3401	21021568	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3402	21021570	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3403	21021573	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3404	21021574	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3405	21021578	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3406	21021579	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3407	21021581	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3408	21021582	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3409	21021583	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3410	21021584	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3411	21021585	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3412	21021586	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3413	21021587	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3414	21021588	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3415	21021590	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3416	21021593	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3417	21021594	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3418	21021596	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3419	21021599	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3420	21021601	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3421	21021602	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3422	21021603	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3423	21021607	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3424	21021609	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3425	21021612	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3426	21021614	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3427	21021621	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3428	21021623	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3429	21021624	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3430	21021628	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3431	21021630	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3432	21021632	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3433	21021635	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3434	21021638	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3435	21021639	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3436	21021644	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3437	21021646	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3438	21021648	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3439	21021651	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3440	22024500	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3441	22024501	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3442	22024502	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3443	22024503	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3444	22024504	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3445	22024505	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3446	22024506	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3447	22024508	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3448	22024510	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3449	22024512	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3450	22024513	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3451	22024514	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3452	22024516	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3453	22024517	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3454	22024518	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3455	22024519	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3456	22024520	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3457	22024521	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3458	22024524	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3459	22024527	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3460	22024528	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3461	22024529	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3462	22024530	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3463	22024531	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3464	22024532	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3465	22024533	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3466	22024535	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3467	22024536	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3468	22024540	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3469	22024542	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3470	22024544	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3471	22024545	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3472	22024547	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3473	22024548	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3474	22024549	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3475	22024552	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3476	22024553	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3477	22024554	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3478	22024556	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3479	22024558	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3480	22024559	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3481	22024561	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3482	22024566	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3483	22024567	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3484	22024569	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3485	22024570	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3486	22024571	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3487	22024572	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3488	22024573	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3489	22024574	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3490	22024576	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3491	22024577	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3492	22024578	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3493	22024579	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3494	22025500	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3495	22025501	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3496	22025503	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3497	22025506	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3498	22025507	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3499	22025509	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3500	22025512	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3501	22025518	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3502	22025520	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3503	22025521	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3504	22025522	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3505	22025524	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3506	22025525	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3507	22025526	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3508	22025531	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3509	22025532	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3510	22025535	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3511	22025537	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3512	22025538	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3513	22025543	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3514	22025545	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3515	22025546	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3516	22026100	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3517	22026102	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3518	22026103	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3519	22026104	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3520	22026105	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3521	22026109	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3522	22026110	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3523	22026112	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3524	22026113	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3525	22026115	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3526	22026116	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3527	22026117	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3528	22026119	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3529	22026120	K67M-MT	0	-1.600.000	17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3530	22026121	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3531	22026124	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3532	22026125	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3533	22026127	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3534	22026128	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3535	22026129	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3536	22026130	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3537	22026131	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3538	22026132	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3539	22026133	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3540	22026134	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3541	22026137	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3542	22026138	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3543	22026139	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3544	22026141	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3545	22026143	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3546	22026145	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3547	22026146	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3548	22026147	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3549	22026148	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3550	22026149	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3551	22026151	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3552	22026152	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3553	22026154	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3554	22026155	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3555	22026156	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3556	22026157	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3557	22026158	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3558	22026161	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3559	22026162	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3560	22026163	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3561	22026167	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3562	22026169	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3563	22026170	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3564	22026172	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3565	22026174	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3566	22026176	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3567	22026178	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3568	22026181	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3569	22026183	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3570	22026184	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3571	22026187	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3572	22026188	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3573	22026189	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3574	22026190	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3575	22026191	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3576	22026192	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3577	22026193	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3578	22026194	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3579	22026197	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3580	22026198	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3581	22026199	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3582	22026200	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3583	22026204	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3584	22027547	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3585	22028005	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3586	22028007	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3587	22028008	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3588	22028012	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3589	22028013	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3590	22028018	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3591	22028019	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3592	22028021	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3593	22028022	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3594	22028025	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3595	22028028	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3596	22028030	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3597	22028031	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3598	22028033	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3599	22028034	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3600	22028036	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3601	22028038	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3602	22028039	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3603	22028040	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3604	22028042	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3605	22028046	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3606	22028049	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3607	22028051	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3608	22028052	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3609	22028053	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3610	22028057	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3611	22028058	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3612	22028059	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3613	22028061	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3614	22028063	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3615	22028064	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3616	22028065	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3617	22028066	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3618	22028068	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3619	22028070	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3620	22028071	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3621	22028072	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3622	22028074	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3623	22028075	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3624	22028076	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3625	22028077	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3626	22028078	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3627	22028086	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3628	22028087	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3629	22028091	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3630	22028094	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3631	22028095	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3632	22028096	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3633	22028102	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3634	22028103	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3635	22028111	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3636	22028113	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3637	22028114	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3638	22028115	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3639	22028116	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3640	22028118	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3641	22028120	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3642	22028121	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3643	22028122	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3644	22028123	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3645	22028124	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3646	22028125	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3647	22028126	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3648	22028128	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3649	22028131	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3650	22028132	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3651	22028134	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3652	22028135	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3653	22028136	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3654	22028138	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3655	22028141	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3656	22028143	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3657	22028145	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3658	22028146	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3659	22028147	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3660	22028149	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3661	22028150	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3662	22028152	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3663	22028153	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3664	22028158	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3665	22028159	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3666	22028160	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3667	22028161	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3668	22028163	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3669	22028164	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3670	22028166	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3671	22028167	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3672	22028168	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3673	22028169	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3674	22028170	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3675	22028171	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3676	22028173	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3677	22028174	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3678	22028175	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3679	22028177	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3680	22028180	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3681	22028181	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3682	22028182	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3683	22028183	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3684	22028184	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3685	22028185	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3686	22028186	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3687	22028188	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3688	22028190	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3689	22028192	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3690	22028193	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3691	22028195	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3692	22028196	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3693	22028197	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3694	22028199	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3695	22028201	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3696	22028202	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3697	22028204	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3698	22028206	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3699	22028207	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3700	22028209	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3701	22028210	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3702	22028211	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3703	22028212	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3704	22028213	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3705	22028214	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3706	22028215	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3707	22028216	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3708	22028217	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3709	22028219	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3710	22028221	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3711	22028222	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3712	22028223	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3713	22028224	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3714	22028226	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3715	22028227	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3716	22028230	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3717	22028234	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3718	22028235	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3719	22028236	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3720	22028237	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3721	22028238	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3722	22028239	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3723	22028240	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3724	22028241	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3725	22028242	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3726	22028243	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3727	22028244	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3728	22028246	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3729	22028250	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3730	22028251	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3731	22028252	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3732	22028256	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3733	22028261	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3734	22028263	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3735	22028264	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3736	22028265	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3737	22028267	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3738	22028269	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3739	22028272	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3740	22028278	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3741	22028279	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3742	22028281	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3743	22028282	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3744	22028283	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3745	22028285	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3746	22028286	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3747	22028287	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3748	22028290	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3749	22028291	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3750	22028292	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3751	22028295	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3752	22028296	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3753	22028299	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3754	22028301	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3755	22028302	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3756	22028305	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3757	22028310	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3758	22028313	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3759	22028314	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3760	22028315	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3761	22028316	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3762	22028318	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3763	22028319	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3764	22028320	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3765	22028321	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3766	22028322	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3767	22028326	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3768	22028329	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3769	22028331	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3770	22028335	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3771	22029000	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3772	22029001	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3773	22029002	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3774	22029005	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3775	22029006	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3776	22029009	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3777	22029010	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3778	22029011	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3779	22029013	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3780	22029019	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3781	22029020	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3782	22029021	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3783	22029022	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3784	22029023	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3785	22029024	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3786	22029025	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3787	22029028	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3788	22029029	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3789	22029030	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3790	22029031	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3791	22029032	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3792	22029034	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3793	22029036	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3794	22029038	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3795	22029040	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3796	22029041	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3797	22029042	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3798	22029043	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3799	22029044	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3800	22029045	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3801	22029052	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3802	22029053	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3803	22029054	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3804	22029055	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3805	22029056	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3806	22029057	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3807	22029058	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3808	22029059	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3809	22029065	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3810	22029069	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3811	22029077	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3812	22029078	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3813	22029084	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3814	22029085	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3815	22029086	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3816	22029087	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3817	22029091	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3818	22029094	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3819	22029098	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3820	22029099	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3821	22029105	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0		17.500.000	
3822	21020637	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0	2.400.000	17.500.000	
3823	23020626	K68I-CN	0		17.488.000		17.488.000	0		17.488.000	
3824	24020739	K69P-EP	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0		17.480.000	
3825	24020821	K69P-EP	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0		17.480.000	
3826	24020901	K69M-EM	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0		17.480.000	
3827	24020758	K69P-EP	-2.608.655		20.000.000		20.000.000	0		17.391.345	
3828	24020915	K69C-CE	-2.690.000		20.000.000		20.000.000	0		17.310.000	
3829	24021019	K69C-CE	-2.814.350		20.000.000		20.000.000	0		17.185.650	
3830	24020920	K69C-CE	-2.820.000		20.000.000		20.000.000	0		17.180.000	
3831	24021285	K69S-AE	-2.820.000		20.000.000		20.000.000	0		17.180.000	
3832	24021013	K69C-CE	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0		17.171.300	
3833	24021048	K69C-CE	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0		17.171.300	
3834	24021276	K69S-AE	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0		17.171.300	
3835	22027158	K67S-AE	0		15.216.000	1.902.000	17.118.000	0		17.118.000	
3836	22027180	K67S-AE	0		15.216.000	1.902.000	17.118.000	0		17.118.000	
3837	22027112	K67S-AE	0		15.106.000	1.902.000	17.008.000	0		17.008.000	
3838	21020592	K66M-MT1	-663.390		17.500.000		17.500.000	0		16.836.610	
3839	22028092	K67I-CS2	-663.390		17.500.000		17.500.000	0		16.836.610	
3840	22021106	K67I-IT15	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3841	22021125	K67I-IT15	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3842	22021134	K67I-IT1	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3843	22021159	K67I-IT15	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3844	22021166	K67I-IT15	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3845	22021169	K67I-IT1	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3846	22021176	K67I-IT1	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3847	22021184	K67I-IT1	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3848	22021224	K67I-IT2	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3849	22022137	K67E-CE1	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3850	22022192	K67E-CE2	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3851	22023156	K67P-EP	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3852	22023160	K67E-RE	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3853	22023169	K67P-EP	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3854	22023187	K67P-EP	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3855	22024109	K67M-EM	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3856	22024159	K67M-EM	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3857	22026505	K67I-IT20	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3858	22026553	K67I-IT20	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3859	22026566	K67I-IT20	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3860	22027508	K67E-RE	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3861	22027542	K67E-RE	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3862	22027545	K67E-RE	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3863	22027549	K67E-RE	0		16.830.000		16.830.000	0		16.830.000	
3864	22028179	K67I-CS1	-680.400		17.500.000		17.500.000	0		16.819.600	
3865	22027513	K67E-RE	-15.000		16.830.000		16.830.000	0		16.815.000	
3866	20020152	K65I-CS1	0		16.800.000		16.800.000	0		16.800.000	
3867	22027130	K67S-AE	0		14.865.000	1.902.000	16.767.000	0		16.767.000	
3868	24020903	K69M-EM	-3.428.700		20.000.000		20.000.000	0		16.571.300	
3869	21021645	K66E-EC1	0		17.500.000	-936.000	16.564.000	0		16.564.000	
3870	22027103	K67S-AE	0		14.624.000	1.902.000	16.526.000	0		16.526.000	
3871	24023106	K69P-EP	-3.483.390		20.000.000		20.000.000	0		16.516.610	
3872	22027173	K67S-AE	0		14.472.000	1.902.000	16.374.000	0		16.374.000	
3873	22023163	K67P-EP	20.000		16.065.000		16.065.000	0		16.085.000	Nợ lẻ
3874	22021120	K67I-IT15	6.120.000		9.945.000		9.945.000	0		16.065.000	GDQP
3875	22021131	K67I-IT2	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3876	22021151	K67I-IT2	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3877	22021204	K67I-IT1	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3878	22021211	K67I-IT1	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3879	22021559	K67M-AT	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3880	22022170	K67E-CE2	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3881	22022182	K67E-CE2	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3882	22022528	K67A-AI2	0		16.830.000	-765.000	16.065.000	0		16.065.000	
3883	22022601	K67A-AI1	0		16.830.000	-765.000	16.065.000	0		16.065.000	
3884	22023143	K67P-EP	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3885	22023148	K67P-EP	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3886	22023151	K67P-EP	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3887	22023157	K67P-EP	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3888	22023184	K67P-EP	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3889	22024101	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3890	22024103	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3891	22024125	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3892	22024141	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3893	22024142	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3894	22024146	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3895	22024150	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3896	22024161	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3897	22024165	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3898	22024175	K67M-EM	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3899	22026515	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3900	22026530	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3901	22026543	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3902	22026546	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3903	22026547	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3904	22026551	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3905	22026567	K67I-IT20	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3906	22027503	K67E-RE	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3907	22027505	K67E-RE	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3908	22027507	K67E-RE	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3909	22027536	K67E-RE	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3910	22027546	K67E-RE	0		16.065.000		16.065.000	0		16.065.000	
3911	23020003	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3912	23020004	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3913	23020007	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3914	23020009	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3915	23020011	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3916	23020012	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3917	23020013	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3918	23020014	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3919	23020015	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3920	23020016	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3921	23020019	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3922	23020021	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3923	23020025	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3924	23020026	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3925	23020029	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3926	23020030	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3927	23020031	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3928	23020032	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3929	23020034	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3930	23020036	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3931	23020037	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3932	23020038	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3933	23020041	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3934	23020042	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3935	23020044	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3936	23020045	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3937	23020046	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3938	23020047	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3939	23020048	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3940	23020049	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3941	23020051	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3942	23020053	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3943	23020055	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3944	23020057	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3945	23020058	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3946	23020059	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3947	23020060	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3948	23020062	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3949	23020064	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3950	23020065	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3951	23020066	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3952	23020068	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3953	23020069	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3954	23020070	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3955	23020071	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3956	23020073	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3957	23020074	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3958	23020077	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3959	23020078	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3960	23020081	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3961	23020083	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3962	23020085	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3963	23020088	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3964	23020089	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3965	23020090	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3966	23020092	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3967	23020093	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3968	23020095	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3969	23020096	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3970	23020103	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3971	23020107	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3972	23020108	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3973	23020109	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3974	23020110	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3975	23020114	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3976	23020115	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3977	23020116	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3978	23020118	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3979	23020119	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3980	23020120	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
3981	23020121	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3982	23020122	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3983	23020124	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3984	23020125	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3985	23020128	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3986	23020129	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3987	23020130	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3988	23020131	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3989	23020132	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3990	23020133	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3991	23020134	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3992	23020135	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3993	23020136	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3994	23020137	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3995	23020143	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3996	23020144	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3997	23020147	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3998	23020148	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
3999	23020149	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4000	23020151	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4001	23020154	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4002	23020155	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4003	23020157	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4004	23020161	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4005	23020162	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4006	23020163	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4007	23020165	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4008	23020166	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4009	23020167	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4010	23020168	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4011	23020169	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4012	23020170	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4013	23020171	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4014	23020172	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4015	23020173	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4016	23020175	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4017	23020176	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4018	23020177	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4019	23020181	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4020	23020186	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4021	23020187	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4022	23020189	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4023	23020190	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4024	23020195	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4025	23020196	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4026	23020198	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4027	23020199	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4028	23020206	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4029	23020207	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4030	23020208	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4031	23020213	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4032	23020214	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4033	23020216	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4034	23020217	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4035	23020219	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4036	23020221	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4037	23020222	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4038	23020223	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4039	23020225	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4040	23020228	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4041	23020231	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4042	23020232	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4043	23020233	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4044	23020234	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4045	23020235	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4046	23020236	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4047	23020237	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4048	23020238	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4049	23020239	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4050	23020241	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4051	23020242	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4052	23020243	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4053	23020244	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4054	23020245	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4055	23020247	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4056	23020248	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4057	23020249	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4058	23020251	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4059	23020252	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4060	23020253	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4061	23020255	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4062	23020256	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4063	23020257	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4064	23020258	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4065	23020260	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4066	23020261	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4067	23020262	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4068	23020263	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4069	23020264	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4070	23020266	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4071	23020267	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4072	23020270	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4073	23020272	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4074	23020273	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4075	23020274	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4076	23020276	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4077	23020278	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4078	23020279	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4079	23020280	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4080	23020281	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4081	23020283	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4082	23020285	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4083	23020286	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4084	23020287	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4085	23020288	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4086	23020289	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4087	23020290	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4088	23020291	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4089	23020292	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4090	23020293	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4091	23020295	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4092	23020296	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4093	23020297	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4094	23020298	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4095	23020299	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4096	23020300	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4097	23020301	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4098	23020302	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4099	23020304	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4100	23020305	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4101	23020306	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4102	23020307	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4103	23020308	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4104	23020310	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4105	23020311	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4106	23020312	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4107	23020314	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4108	23020318	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4109	23020320	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4110	23020322	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4111	23020323	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4112	23020324	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4113	23020325	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4114	23020326	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4115	23020327	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4116	23020330	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4117	23020334	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4118	23020337	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4119	23020339	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4120	23020341	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4121	23020342	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4122	23020343	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4123	23020345	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4124	23020348	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4125	23020349	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4126	23020351	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4127	23020353	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4128	23020354	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4129	23020357	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4130	23020358	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4131	23020359	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4132	23020360	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4133	23020366	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4134	23020367	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4135	23020368	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4136	23020370	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4137	23020371	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4138	23020373	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4139	23020374	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4140	23020375	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4141	23020376	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4142	23020377	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4143	23020379	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4144	23020381	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4145	23020382	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4146	23020383	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4147	23020384	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4148	23020385	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4149	23020386	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4150	23020387	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4151	23020388	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4152	23020390	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4153	23020393	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4154	23020396	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4155	23020399	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4156	23020403	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4157	23020404	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4158	23020405	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4159	23020406	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4160	23020408	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4161	23020410	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4162	23020411	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4163	23020414	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4164	23020415	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4165	23020416	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4166	23020417	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4167	23020419	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4168	23020421	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4169	23020422	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4170	23020424	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4171	23020426	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4172	23020427	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4173	23020428	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4174	23020432	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4175	23020433	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4176	23020434	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4177	23020435	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4178	23020438	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4179	23020440	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4180	23020441	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4181	23020444	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4182	23020445	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4183	23020447	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4184	23020449	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4185	23020451	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4186	23020453	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4187	23020454	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4188	23020455	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4189	23020456	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4190	23020459	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4191	23020461	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4192	23020463	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4193	23020465	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4194	23020467	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4195	23020471	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4196	23020475	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4197	23020482	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4198	23020484	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4199	23020488	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4200	23020489	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4201	23020490	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4202	23020491	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4203	23020493	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4204	23020495	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4205	23020497	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4206	23020498	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4207	23020499	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4208	23020500	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4209	23020503	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4210	23020650	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4211	23020651	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4212	23020652	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4213	23020653	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4214	23020654	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4215	23020655	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4216	23020656	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4217	23020657	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4218	23020658	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4219	23020659	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4220	23020660	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4221	23020661	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4222	23020662	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4223	23020663	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4224	23020664	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4225	23020665	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4226	23020666	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4227	23020667	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4228	23020668	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4229	23020669	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4230	23020671	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4231	23020672	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4232	23020674	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4233	23020675	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4234	23020676	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4235	23020680	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4236	23020681	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4237	23020683	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4238	23020684	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4239	23020686	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4240	23020688	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4241	23020689	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4242	23020692	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4243	23020694	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4244	23020695	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4245	23020697	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4246	23020698	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4247	23020700	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4248	23020702	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4249	23020703	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4250	23020707	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4251	23020708	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4252	23020709	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4253	23020712	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4254	23020713	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4255	23020714	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4256	23020715	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4257	23020716	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4258	23020717	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4259	23020718	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4260	23020719	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4261	23020722	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4262	23020728	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4263	23020732	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4264	23020734	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4265	23020735	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4266	23020736	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4267	23020738	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4268	23020740	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4269	23020742	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4270	23020744	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4271	23020751	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4272	23020753	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4273	23020756	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4274	23020757	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4275	23020760	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4276	23020761	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4277	23020762	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4278	23020763	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4279	23020765	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4280	23020766	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4281	23020768	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4282	23020773	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4283	23020776	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4284	23020780	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4285	23020781	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4286	23020784	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4287	23020785	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4288	23020787	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4289	23020788	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4290	23020789	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4291	23020790	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4292	23020791	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4293	23020793	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4294	23020795	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4295	23020797	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4296	23020798	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4297	23020801	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4298	23020802	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4299	23020803	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4300	23020804	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4301	23020805	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4302	23020806	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4303	23020807	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4304	23020809	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4305	23020810	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4306	23020811	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4307	23020812	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4308	23020813	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4309	23020814	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4310	23020815	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4311	23020816	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4312	23020818	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4313	23020819	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4314	23020820	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4315	23020821	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4316	23020822	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4317	23020823	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4318	23020824	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4319	23020827	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4320	23020829	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4321	23020830	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4322	23020831	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4323	23020833	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4324	23020835	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4325	23020837	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4326	23020839	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4327	23020840	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4328	23020841	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4329	23020842	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4330	23020843	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4331	23020844	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4332	23020845	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4333	23020846	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4334	23020848	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4335	23020850	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4336	23020851	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4337	23020853	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4338	23020854	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4339	23020855	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4340	23020858	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4341	23020860	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4342	23020861	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4343	23020862	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4344	23020863	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4345	23020864	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4346	23020866	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4347	23020867	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4348	23020868	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4349	23020869	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4350	23020870	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4351	23020872	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4352	23020874	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4353	23020876	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4354	23020877	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4355	23020881	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4356	23020882	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4357	23020883	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4358	23020884	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4359	23020885	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4360	23020887	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4361	23020888	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4362	23020890	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4363	23020893	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4364	23020894	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4365	23020895	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4366	23020896	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4367	23020897	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4368	23020898	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4369	23020901	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4370	23020903	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4371	23020906	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4372	23020908	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4373	23020909	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4374	23020910	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4375	23020911	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4376	23020912	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4377	23020913	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4378	23020914	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4379	23020915	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4380	23020916	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4381	23020917	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4382	23020919	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4383	23020920	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4384	23020923	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4385	23020924	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4386	23020925	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4387	23020926	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4388	23020927	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4389	23020928	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4390	23020929	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4391	23020932	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4392	23020935	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4393	23020936	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4394	23020938	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4395	23020939	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4396	23020940	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4397	23020943	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4398	23020944	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4399	23020945	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4400	23020946	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4401	23020947	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4402	23020948	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4403	23020950	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4404	23020951	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4405	23020952	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4406	23020954	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4407	23020956	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4408	23020958	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4409	23020959	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4410	23020961	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4411	23020962	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4412	23020964	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4413	23020966	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4414	23020968	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4415	23020969	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4416	23020972	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4417	23020973	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4418	23020974	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4419	23020975	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4420	23020976	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4421	23020979	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4422	23020980	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4423	23020981	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4424	23020982	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4425	23020983	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4426	23020985	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4427	23020986	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4428	23020989	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4429	23020995	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4430	23021003	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4431	23021004	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4432	23021005	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4433	23021006	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4434	23021009	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4435	23021011	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4436	23021013	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4437	23021016	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4438	23021017	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4439	23021018	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4440	23021020	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4441	23021021	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4442	23021022	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4443	23021023	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4444	23021024	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4445	23021027	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4446	23021028	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4447	23021029	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4448	23021030	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4449	23021031	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4450	23021033	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4451	23021034	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4452	23021036	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4453	23021037	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4454	23021039	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4455	23021040	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4456	23021041	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4457	23021042	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4458	23021043	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4459	23021044	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4460	23021045	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4461	23021048	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4462	23021049	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4463	23021050	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4464	23021052	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4465	23021055	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4466	23021056	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4467	23021058	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4468	23021062	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4469	23021065	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4470	23021071	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4471	23021074	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4472	23021076	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4473	23021079	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4474	23021083	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4475	23021086	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4476	23021088	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4477	23021089	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4478	23021091	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4479	23021092	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4480	23021094	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4481	23021095	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4482	23021096	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4483	23021097	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4484	23021098	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4485	23021100	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4486	23021103	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4487	23021109	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4488	23021113	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4489	23021115	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4490	23021119	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4491	23021124	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4492	23021125	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4493	23021126	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4494	23021127	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4495	23021128	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4496	23021129	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4497	23021132	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4498	23021133	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4499	23021134	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4500	23021135	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4501	23021137	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4502	23021139	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4503	23021141	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4504	23021142	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4505	23021143	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4506	23021144	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4507	23021145	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4508	23021147	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4509	23021150	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4510	23021153	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4511	23021154	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4512	23021156	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4513	23021157	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4514	23021158	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4515	23021159	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4516	23021160	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4517	23021162	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4518	23021163	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4519	23021165	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4520	23021169	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4521	23021170	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4522	23021171	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4523	23021173	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4524	23021174	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4525	23021175	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4526	23021176	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4527	23021177	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4528	23021180	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4529	23021181	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4530	23021182	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4531	23021184	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4532	23021185	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4533	23021186	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4534	23021187	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4535	23021188	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4536	23021190	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4537	23021191	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4538	23021192	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4539	23021193	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4540	23021195	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4541	23021196	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4542	23021198	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4543	23021199	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4544	23021201	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4545	23021202	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4546	23021203	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4547	23021373	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4548	23021378	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4549	23021382	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4550	23021383	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4551	23021384	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4552	23021386	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4553	23021390	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4554	23021392	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4555	23021393	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4556	23021396	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4557	23021398	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4558	23021400	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4559	23021401	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4560	23021402	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4561	23021403	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4562	23021405	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4563	23021406	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4564	23021408	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4565	23021409	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4566	23021410	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4567	23021411	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4568	23021413	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4569	23021414	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4570	23021415	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4571	23021416	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4572	23021417	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4573	23021418	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4574	23021419	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4575	23021424	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4576	23021425	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4577	23021426	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4578	23021428	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4579	23021429	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4580	23021430	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4581	23021434	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4582	23021437	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4583	23021439	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4584	23021440	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4585	23021441	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4586	23021445	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4587	23021447	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4588	23021448	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4589	23021449	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4590	23021450	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4591	23021451	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4592	23021453	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4593	23021454	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4594	23021455	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4595	23021457	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4596	23021458	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4597	23021938	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4598	23021939	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4599	23021940	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4600	23021941	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4601	24022027	K69G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4602	24022038	K69G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4603	24022075	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4604	24022076	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4605	24022077	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4606	24022078	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4607	24022079	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4608	24022080	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4609	24022081	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4610	24022082	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4611	24022084	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4612	24022085	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4613	24022090	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4614	24022091	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4615	24022092	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4616	24022093	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4617	24022094	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4618	24022095	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4619	24022096	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4620	24022098	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4621	24022099	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4622	24022100	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4623	24022102	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4624	24022103	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4625	24022104	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4626	24022105	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4627	24022106	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4628	24022110	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4629	24022111	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4630	24022112	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4631	24022113	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4632	24022115	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4633	24022117	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4634	24022118	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4635	24022119	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4636	24022120	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4637	24022121	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4638	24022122	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4639	24022123	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4640	24022124	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4641	24022125	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4642	24022126	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4643	24022129	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4644	24022130	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4645	24022133	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4646	24022136	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4647	24022137	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4648	24022140	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4649	24022141	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4650	24022142	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4651	24022143	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4652	24022144	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4653	24022145	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4654	24022146	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4655	24022147	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4656	24022148	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4657	24022149	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4658	24022150	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4659	24022151	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4660	24022153	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4661	24022157	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4662	24022158	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4663	24022159	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4664	24022160	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4665	24022161	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4666	24022162	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4667	24022164	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4668	24022167	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4669	24022169	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4670	24022170	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4671	24022172	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4672	24022173	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4673	24022174	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4674	24022175	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4675	24022176	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4676	24022178	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4677	24022179	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4678	24022180	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4679	24022181	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4680	24022182	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4681	24022184	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4682	24022185	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4683	24022186	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4684	24022188	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4685	24022190	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4686	24022191	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4687	24022193	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4688	24022194	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4689	24022196	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4690	24022197	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4691	24022198	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4692	24022199	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4693	24022200	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4694	24022203	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4695	24022204	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4696	24022206	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4697	24022209	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4698	24022211	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4699	24022212	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4700	24022213	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4701	24022215	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4702	24022216	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4703	24022217	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4704	24022218	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4705	24022221	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4706	24022222	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4707	24022223	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4708	24022229	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4709	24022230	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4710	24022231	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4711	24022232	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4712	24022233	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4713	24022234	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4714	24022235	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4715	24022236	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4716	24022237	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4717	24022238	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4718	24022241	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4719	24022243	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4720	24022245	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4721	24022246	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4722	24022248	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4723	24022249	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4724	24022250	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4725	24022251	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4726	24022252	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4727	24022253	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4728	24022255	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4729	24022256	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4730	24022257	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4731	24022258	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4732	24022260	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4733	24022261	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4734	24022262	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4735	24022263	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4736	24022264	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4737	24022265	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4738	24022266	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4739	24022269	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4740	24022270	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4741	24022273	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4742	24022274	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4743	24022276	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4744	24022277	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4745	24022278	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4746	24022279	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4747	24022280	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4748	24022281	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4749	24022282	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4750	24022286	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4751	24022287	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4752	24022288	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4753	24022289	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4754	24022290	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4755	24022293	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4756	24022294	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4757	24022295	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4758	24022296	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4759	24022297	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4760	24022298	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4761	24022299	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4762	24022300	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4763	24022301	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4764	24022302	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4765	24022303	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4766	24022307	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4767	24022309	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4768	24022310	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4769	24022311	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4770	24022312	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4771	24022314	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4772	24022315	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4773	24022316	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4774	24022317	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4775	24022318	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4776	24022319	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4777	24022320	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4778	24022322	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4779	24022323	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4780	24022325	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4781	24022327	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4782	24022328	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4783	24022330	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4784	24022331	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4785	24022333	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4786	24022334	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4787	24022335	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4788	24022336	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4789	24022337	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4790	24022338	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4791	24022339	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4792	24022341	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4793	24022342	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4794	24022343	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4795	24022344	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4796	24022347	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4797	24022348	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4798	24022349	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4799	24022350	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4800	24022353	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4801	24022354	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4802	24022355	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4803	24022356	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4804	24022357	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4805	24022360	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4806	24022362	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4807	24022363	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4808	24022364	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4809	24022365	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4810	24022366	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4811	24022367	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4812	24022370	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4813	24022371	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4814	24022373	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4815	24022374	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4816	24022375	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4817	24022378	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4818	24022379	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4819	24022380	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4820	24022381	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4821	24022383	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4822	24022384	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4823	24022385	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4824	24022387	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4825	24022390	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4826	24022391	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4827	24022392	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4828	24022393	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4829	24022394	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4830	24022396	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4831	24022398	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4832	24022399	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4833	24022400	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4834	24022401	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4835	24022402	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4836	24022404	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4837	24022405	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4838	24022406	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4839	24022407	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4840	24022408	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4841	24022409	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4842	24022414	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4843	24022415	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4844	24022416	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4845	24022417	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4846	24022418	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4847	24022419	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4848	24022420	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4849	24022421	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4850	24022422	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4851	24022423	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4852	24022424	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4853	24022425	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4854	24022426	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4855	24022427	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4856	24022430	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4857	24022432	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4858	24022434	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4859	24022435	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4860	24022436	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4861	24022439	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4862	24022440	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4863	24022441	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4864	24022442	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4865	24022443	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4866	24022444	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4867	24022445	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4868	24022449	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4869	24022450	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4870	24022451	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4871	24022452	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4872	24022453	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4873	24022455	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4874	24022456	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4875	24022457	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4876	24022458	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4877	24022460	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4878	24022462	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4879	24022465	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4880	24022466	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4881	24022469	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4882	24022471	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4883	24022472	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4884	24022474	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4885	24022475	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4886	24022476	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4887	24022477	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4888	24022478	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4889	24022480	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4890	24022481	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4891	24022482	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4892	24022483	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4893	24022486	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4894	24022487	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4895	24022488	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4896	24022489	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4897	24022491	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4898	24022492	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4899	24022493	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4900	24022934	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4901	24022936	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4902	24022937	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4903	24022938	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4904	24022939	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4905	24022940	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4906	24022941	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4907	24022942	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4908	24022947	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4909	24022948	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4910	24022949	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4911	24022950	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4912	24022951	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4913	24022953	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4914	24022955	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4915	24022956	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4916	24022957	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4917	24022960	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4918	24022961	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4919	24022963	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4920	24022965	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4921	24022966	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4922	24022967	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4923	24022968	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4924	24022969	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4925	24022970	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4926	24022971	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4927	24022972	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4928	24022973	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4929	24022974	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4930	24022975	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4931	24022976	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4932	24022977	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4933	24022978	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4934	24022979	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4935	24022980	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4936	24022981	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4937	24022982	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4938	24022983	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4939	24022984	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4940	24022985	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4941	24022987	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4942	24022988	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4943	24022989	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4944	24022990	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4945	24022991	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4946	24022993	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4947	24022994	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4948	24022995	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4949	24022996	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4950	24022997	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4951	24022998	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4952	24023000	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4953	24023001	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4954	24023002	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4955	24023003	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4956	24023004	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4957	24023005	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4958	24023006	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4959	24023007	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4960	24023008	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4961	24023009	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4962	24023011	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4963	24023012	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4964	24023013	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4965	24023014	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4966	24023015	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
4967	24023017	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4968	24023018	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4969	24023019	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4970	24023020	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4971	24023021	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4972	24023022	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4973	24023024	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4974	24023025	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4975	24023026	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4976	24023027	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4977	24023028	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4978	24023030	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4979	24023031	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4980	24023032	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4981	24023033	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4982	24023034	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4983	24023035	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4984	24023036	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4985	24023037	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4986	24023038	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4987	24023039	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4988	24023040	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4989	24023041	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4990	24023042	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4991	24023043	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4992	24023044	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4993	24023046	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4994	24023048	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4995	24023049	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4996	24023051	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4997	24023053	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4998	24023055	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
4999	24023056	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5000	24023057	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5001	24023058	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5002	24023060	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5003	24023061	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5004	24023062	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5005	24023064	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5006	24023066	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5007	24023067	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5008	24023069	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5009	24023072	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5010	24023074	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5011	24023075	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5012	24023076	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5013	24023077	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5014	24023078	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5015	24023079	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5016	24023080	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5017	24023081	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5018	24023082	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5019	24023084	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5020	24023085	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5021	24023086	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5022	24023088	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5023	24023089	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5024	24023090	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5025	24023092	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5026	24023093	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5027	24023095	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5028	24023096	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5029	24023097	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5030	24023102	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5031	20020308	K65I-CS1	0		16.000.000		16.000.000	0		16.000.000	
5032	23020464	K68P-EE	-500		16.000.000		16.000.000	0		15.999.500	
5033	23021138	K68C-CE2	-9.450		16.000.000		16.000.000	0		15.990.550	
5034	24022376	K69A-AI	-14.350		16.000.000		16.000.000	0		15.985.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5035	24022964	K69C-ID	-28.700		16.000.000		16.000.000	0		15.971.300	
5036	23020101	K68I-IT2	-43.000		16.000.000		16.000.000	0		15.957.000	
5037	24022411	K69A-AI	-64.350		16.000.000		16.000.000	0		15.935.650	
5038	23020514	K68I-IS	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5039	23020628	K68I-CN	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5040	23021499	K68I-CS1	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5041	23021910	K68E-EC1	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5042	24020523	K69E-CE	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5043	24021073	K69M-MT	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5044	24021206	K69M-MT	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5045	24021496	K69I-CS	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5046	24021777	K69E-EC	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5047	24021810	K69E-EC	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5048	24021866	K69E-EC	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5049	24021979	K69E-EC	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5050	24022910	K69E-RE	0		15.900.000		15.900.000	0		15.900.000	
5051	24022497	K69P-EE	-4.350		15.900.000		15.900.000	0		15.895.650	
5052	22027168	K67S-AE	0		13.948.000	1.902.000	15.850.000	0		15.850.000	
5053	23020084	K68I-IT3	-172.000		16.000.000		16.000.000	0		15.828.000	
5054	24021200	K69M-MT	-270.000		16.000.000		16.000.000	0		15.730.000	
5055	22025131	K67C-CE2	0		15.478.000		15.478.000	0		15.478.000	
5056	23021108	K68C-CE2	-2.297.700		17.738.000		17.738.000	0		15.440.300	
5057	23020010	K68I-IT1	-663.390		16.000.000		16.000.000	0		15.336.610	
5058	23020481	K68P-EE	-663.390		16.000.000		16.000.000	0		15.336.610	
5059	22021156	K67I-IT1	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5060	22021174	K67I-IT2	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5061	22021177	K67I-IT2	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5062	22021185	K67I-IT2	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5063	22021201	K67I-IT1	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5064	22021212	K67I-IT1	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5065	22021568	K67M-AT	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5066	22021569	K67M-AT	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5067	22022132	K67E-CE2	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5068	22022142	K67E-CE1	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5069	22022149	K67E-CE2	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5070	22022150	K67E-CE1	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5071	22022206	K67E-CE1	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5072	22022539	K67A-AI2	0		16.065.000	-765.000	15.300.000	0		15.300.000	
5073	22023104	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5074	22023107	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5075	22023112	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5076	22023142	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5077	22023145	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5078	22023159	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5079	22023166	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5080	22023170	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5081	22023171	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5082	22023173	K67P-EP	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5083	22023501	K67P-EE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5084	22023509	K67P-EE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5085	22023510	K67P-EE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5086	22024128	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5087	22024131	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5088	22024172	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5089	22024177	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5090	22024178	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5091	22024184	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5092	22024193	K67M-EM	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5093	22026510	K67I-IT20	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5094	22026540	K67I-IT20	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5095	22026562	K67I-IT20	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5096	22027512	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5097	22027514	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5098	22027516	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5099	22027521	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5100	22027530	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5101	22027532	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5102	22027535	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5103	22027544	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5104	22027553	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0		15.300.000	
5105	22025148	K67C-CE1	0		15.237.000		15.237.000	0		15.237.000	
5106	22025186	K67C-CE2	0		15.237.000		15.237.000	0		15.237.000	
5107	22027129	K67S-AE	0		13.314.000	1.902.000	15.216.000	0		15.216.000	
5108	22027150	K67S-AE	0		13.314.000	1.902.000	15.216.000	0		15.216.000	
5109	22027182	K67S-AE	0		13.314.000	1.902.000	15.216.000	0		15.216.000	
5110	23020942	K68P-EP	-884.520		16.000.000		16.000.000	0		15.115.480	
5111	22027109	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5112	22027117	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5113	22027128	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5114	22027131	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5115	22027133	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5116	22027137	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5117	22027157	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5118	22027162	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5119	22027170	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5120	22027171	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5121	22027176	K67S-AE	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0		15.106.000	
5122	21020854	K66G-AT	8.756.000		6.300.000		6.300.000	0		15.056.000	Nợ kỳ 2/23-24
5123	23021518	K68I-CS4	0		15.028.000		15.028.000	0		15.028.000	
5124	24022028	K69G-AT	-1.004.350		16.000.000		16.000.000	0		14.995.650	
5125	22025129	K67C-CE1	0		14.975.000		14.975.000	0		14.975.000	
5126	23020191	K68G-AT	-1.026.000		16.000.000		16.000.000	0		14.974.000	
5127	22027102	K67S-AE	0		12.832.000	1.902.000	14.734.000	0		14.734.000	
5128	22025140	K67C-CE1	0		14.603.000		14.603.000	0		14.603.000	
5129	22025144	K67C-CE2	0		14.603.000		14.603.000	0		14.603.000	
5130	22025104	K67C-CE1	0		14.582.000		14.582.000	0		14.582.000	
5131	22020101	K67G-AT	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5132	22021115	K67I-IT1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5133	22021135	K67I-IT2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5134	22021142	K67I-IT2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5135	22021154	K67I-IT1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5136	22021161	K67I-IT15	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5137	22021170	K67I-IT1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5138	22021173	K67I-IT1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5139	22021175	K67I-IT2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5140	22021191	K67I-IT2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5141	22021193	K67I-IT2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5142	22021206	K67I-IT1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5143	22021509	K67M-AT	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5144	22021527	K67M-AT	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5145	22021534	K67M-AT	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5146	22021577	K67M-AT	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5147	22022106	K67E-CE1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5148	22022119	K67E-CE2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5149	22022154	K67E-CE2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5150	22022164	K67E-CE1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5151	22022176	K67E-CE1	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5152	22022185	K67E-CE2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5153	22022188	K67E-CE2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5154	22022545	K67A-AI2	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0		14.535.000	
5155	22022574	K67A-AI2	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5156	22022586	K67A-AI1	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0		14.535.000	
5157	22022593	K67A-AI1	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0		14.535.000	
5158	22022657	K67A-AI1	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0		14.535.000	
5159	22023114	K67P-EP	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5160	22023116	K67P-EP	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5161	22023128	K67P-EP	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5162	22023508	K67P-EE	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5163	22024111	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5164	22024112	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5165	22024116	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5166	22024122	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5167	22024133	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5168	22024135	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5169	22024143	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5170	22024144	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5171	22024147	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5172	22024153	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5173	22024156	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5174	22024160	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5175	22024162	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5176	22024164	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5177	22024174	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5178	22024181	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5179	22024182	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5180	22024185	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5181	22024190	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5182	22024191	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5183	22024192	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5184	22026502	K67I-IT20	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5185	22026511	K67I-IT20	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5186	22026542	K67I-IT20	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5187	22027504	K67E-RE	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5188	22027509	K67E-RE	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5189	22027517	K67E-RE	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5190	22027520	K67E-RE	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5191	22027540	K67E-RE	0		14.535.000		14.535.000	0		14.535.000	
5192	22027116	K67S-AE	0		12.570.000	1.902.000	14.472.000	0		14.472.000	
5193	22027125	K67S-AE	0		12.570.000	1.902.000	14.472.000	0		14.472.000	
5194	20021403	K65I-IS	0		14.400.000		14.400.000	0		14.400.000	
5195	22025120	K67C-CE1	0		14.341.000		14.341.000	0		14.341.000	
5196	22027105	K67S-AE	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0		14.341.000	
5197	22027167	K67S-AE	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0		14.341.000	
5198	22027169	K67S-AE	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0		14.341.000	
5199	24020067	K69I-IT	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5200	24020482	K69E-CE	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5201	24020517	K69E-CE	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5202	24020540	K69E-CE	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5203	24021211	K69M-MT	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5204	24021635	K69I-CS	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5205	24021680	K69I-CS	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5206	24021958	K69E-EC	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5207	24022839	K69I-CN	0		14.260.000		14.260.000	0		14.260.000	
5208	22025201	K67C-CE1	0		14.100.000		14.100.000	0		14.100.000	
5209	21021351	K66M-MT3	0		14.100.000		14.100.000	0		14.100.000	
5210	24020486	K69E-CE	-180.000		14.260.000		14.260.000	0		14.080.000	
5211	22020103	K67G-AT	1.780.000		12.240.000		12.240.000	0		14.020.000	Nợ 1 phần K1/24-25
5212	22025145	K67C-CE1	0		13.969.000		13.969.000	0		13.969.000	
5213	22025174	K67C-CE2	0		13.969.000		13.969.000	0		13.969.000	
5214	22025175	K67C-CE1	0		13.969.000		13.969.000	0		13.969.000	
5215	21021190	K66C-CE1	0		13.950.000		13.950.000	0		13.950.000	
5216	21021196	K66C-CE1	0		13.950.000		13.950.000	0		13.950.000	
5217	21021242	K66C-CE1	0		13.950.000		13.950.000	0		13.950.000	
5218	22027108	K67S-AE	0		12.046.000	1.902.000	13.948.000	0		13.948.000	
5219	22021113	K67I-IT15	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5220	22021114	K67I-IT2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5221	22021132	K67I-IT2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5222	22021143	K67I-IT1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5223	22021145	K67I-IT2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5224	22021178	K67I-IT1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5225	22021188	K67I-IT1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5226	22021192	K67I-IT2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5227	22021194	K67I-IT1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5228	22021202	K67I-IT2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5229	22021531	K67M-AT	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5230	22021551	K67M-AT	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5231	22021560	K67M-AT	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5232	22021587	K67M-AT	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5233	22021589	K67M-AT	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5234	22021590	K67M-AT	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5235	22022104	K67E-CE1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5236	22022122	K67E-CE1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5237	22022156	K67E-CE2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5238	22022197	K67E-CE2	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5239	22022202	K67E-CE1	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5240	22022535	K67A-AI2	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5241	22022576	K67A-AI1	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5242	22022584	K67A-AI1	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5243	22022599	K67A-AI1	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5244	22022612	K67A-AI2	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5245	22022624	K67A-AI2	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5246	22022627	K67A-AI1	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0		13.770.000	
5247	22023109	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5248	22023110	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5249	22023129	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5250	22023132	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5251	22023139	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5252	22023154	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5253	22023177	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5254	22023179	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5255	22023181	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5256	22024114	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5257	22024115	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5258	22024117	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5259	22024119	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5260	22024121	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5261	22024129	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5262	22024134	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5263	22024140	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5264	22024176	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5265	22024188	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5266	22024195	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5267	22026550	K67I-IT20	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5268	22026554	K67I-IT20	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5269	22027527	K67E-RE	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5270	22027528	K67E-RE	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5271	22027548	K67E-RE	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5272	22027551	K67E-RE	0		13.770.000		13.770.000	0		13.770.000	
5273	22024120	K67M-EM	-6.120.000		19.890.000		19.890.000	0		13.770.000	
5274	22022653	K67A-AI2	0		14.535.000	-780.000	13.755.000	0		13.755.000	
5275	22025160	K67C-CE1	0		13.707.000		13.707.000	0		13.707.000	
5276	20021145	K65M-MT1	2.400.000	-2.400.000	13.600.000		11.200.000	0		13.600.000	Nợ 1 phần K1/24-25
5277	20020075	K65I-CS3	0		13.600.000		13.600.000	0		13.600.000	
5278	20020135	K65I-CS2	0		13.600.000		13.600.000	0		13.600.000	
5279	20020244	K65M-MT3	0		13.600.000		13.600.000	0		13.600.000	
5280	20020326	K65I-CN	0		13.600.000		13.600.000	0		13.600.000	
5281	22027126	K67S-AE	0		11.674.000	1.902.000	13.576.000	0		13.576.000	
5282	22027146	K67S-AE	0		11.674.000	1.902.000	13.576.000	0		13.576.000	
5283	22024132	K67M-EM	-1.000.000		14.535.000		14.535.000	0		13.535.000	
5284	22020111	K67G-AT	0		13.515.000		13.515.000	0		13.515.000	
5285	21020673	K66I-CS3	0		13.400.000		13.400.000	0		13.400.000	
5286	21021505	K66I-CN	0		13.400.000		13.400.000	0		13.400.000	
5287	21021576	K66E-EC1	0		13.400.000		13.400.000	0		13.400.000	
5288	21021597	K66E-EC2	0		13.400.000		13.400.000	0		13.400.000	
5289	22025530	K67I-CN	0		13.400.000		13.400.000	0		13.400.000	
5290	22028203	K67I-CS1	0		13.400.000		13.400.000	0		13.400.000	
5291	23020209	K68G-AT	-4.340.100		17.738.000		17.738.000	0		13.397.900	
5292	22027151	K67S-AE	-1.005.000		12.460.000	1.902.000	14.362.000	0		13.357.000	
5293	22025147	K67C-CE2	0		13.314.000		13.314.000	0		13.314.000	
5294	22025173	K67C-CE1	0		13.314.000		13.314.000	0		13.314.000	
5295	22027107	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0		13.314.000	
5296	22027120	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0		13.314.000	
5297	22027124	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0		13.314.000	
5298	22027152	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0		13.314.000	
5299	22027155	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0		13.314.000	
5300	22027160	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0		13.314.000	
5301	22025108	K67C-CE2	0		13.073.000		13.073.000	0		13.073.000	
5302	22025128	K67C-CE2	0		13.073.000		13.073.000	0		13.073.000	
5303	22027135	K67S-AE	0		11.171.000	1.902.000	13.073.000	0		13.073.000	
5304	19020380	K64I-IT1	0		13.050.000		13.050.000	0		13.050.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5305	21020575	K66M-EM	0		13.050.000		13.050.000	0		13.050.000	
5306	21021150	K66C-CE1	0		13.050.000		13.050.000	0		13.050.000	
5307	22021121	K67I-IT15	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5308	22021123	K67I-IT15	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5309	22021146	K67I-IT2	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5310	22021148	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5311	22021155	K67I-IT15	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5312	22021165	K67I-IT2	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5313	22021167	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5314	22021172	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5315	22021205	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5316	22021216	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5317	22021219	K67I-IT2	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5318	22021220	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5319	22021226	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5320	22021515	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5321	22021529	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5322	22021530	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5323	22021583	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5324	22021584	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5325	22021585	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5326	22022134	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5327	22022136	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5328	22022141	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5329	22022163	K67E-CE2	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5330	22022186	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5331	22022190	K67E-CE2	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5332	22022200	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5333	22022207	K67E-CE2	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5334	22022538	K67A-AI1	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	
5335	22022544	K67A-AI2	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	
5336	22022546	K67A-AI2	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	
5337	22022580	K67A-AI2	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	
5338	22022587	K67A-AI2	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5339	22022613	K67A-AI1	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	
5340	22022668	K67A-AI2	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0		13.005.000	
5341	22023118	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5342	22023119	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5343	22023137	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5344	22023144	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5345	22023158	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5346	22024145	K67M-EM	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5347	22026522	K67I-IT20	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5348	22026552	K67I-IT20	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5349	22026565	K67I-IT20	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5350	22027511	K67E-RE	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5351	22027515	K67E-RE	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5352	22027518	K67E-RE	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5353	22027519	K67E-RE	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5354	22027537	K67E-RE	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5355	22027539	K67E-RE	0		13.005.000		13.005.000	0		13.005.000	
5356	19021370	K64I-CS3	0		12.800.000		12.800.000	0		12.800.000	
5357	20021125	K65M-MT1	0		12.800.000		12.800.000	0		12.800.000	
5358	22020115	K67G-AT	0		12.750.000		12.750.000	0		12.750.000	
5359	22025167	K67C-CE1	0		12.680.000		12.680.000	0		12.680.000	
5360	22027115	K67S-AE	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0		12.680.000	
5361	22027134	K67S-AE	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0		12.680.000	
5362	22027142	K67S-AE	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0		12.680.000	
5363	22027179	K67S-AE	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0		12.680.000	
5364	19021146	K64S-AE	0		12.600.000		12.600.000	0		12.600.000	
5365	21020090	K66I-IT15	0		12.600.000		12.600.000	0		12.600.000	
5366	21021143	K66M-EM	0		12.600.000		12.600.000	0		12.600.000	
5367	21021221	K66C-CE2	0		12.600.000		12.600.000	0		12.600.000	
5368	22027123	K67S-AE	0		10.668.000	1.902.000	12.570.000	0		12.570.000	
5369	20021430	K65I-CN	0		12.560.000		12.560.000	0		12.560.000	
5370	21021620	K66E-EC1	0		12.500.000		12.500.000	0		12.500.000	
5371	22020126	K67G-AT	0		12.495.000		12.495.000	0		12.495.000	
5372	22020134	K67G-AT	0		12.495.000		12.495.000	0		12.495.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5373	22020137	K67G-AT	0		12.495.000		12.495.000	0		12.495.000	
5374	22022130	K67E-CE2	0		12.405.000		12.405.000	0		12.405.000	
5375	21020810	K66G-AT	2.000.000		10.350.000		10.350.000	0		12.350.000	Nợ 1 phần K1/24-25
5376	22025200	K67C-CE2	0		12.308.000		12.308.000	0		12.308.000	
5377	22020119	K67G-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5378	22021108	K67I-IT15	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5379	22021126	K67I-IT15	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5380	22021147	K67I-IT1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5381	22021149	K67I-IT1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5382	22021164	K67I-IT2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5383	22021196	K67I-IT2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5384	22021197	K67I-IT1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5385	22021213	K67I-IT1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5386	22021511	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5387	22021513	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5388	22021514	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5389	22021518	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5390	22021522	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5391	22021525	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5392	22021526	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5393	22021532	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5394	22021537	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5395	22021538	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5396	22021539	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5397	22021540	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5398	22021544	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5399	22021549	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5400	22021556	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5401	22021565	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5402	22021578	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5403	22021580	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5404	22022100	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5405	22022102	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5406	22022105	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5407	22022116	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5408	22022121	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5409	22022139	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5410	22022146	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5411	22022155	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5412	22022166	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5413	22022169	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5414	22022171	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5415	22022172	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5416	22022173	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5417	22022178	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5418	22022183	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5419	22022187	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5420	22022215	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5421	22022564	K67A-AI2	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5422	22022588	K67A-AI1	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5423	22022600	K67A-AI2	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5424	22022608	K67A-AI1	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5425	22022631	K67A-AI2	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5426	22022634	K67A-AI1	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5427	22022647	K67A-AI1	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5428	22022651	K67A-AI1	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5429	22022660	K67A-AI1	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5430	22022669	K67A-AI2	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0		12.240.000	
5431	22023176	K67P-EP	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5432	22024137	K67M-EM	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5433	22024163	K67M-EM	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5434	22024173	K67M-EM	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5435	22026506	K67I-IT20	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5436	22026532	K67I-IT20	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5437	22026541	K67I-IT20	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5438	22026544	K67I-IT20	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	
5439	22026556	K67I-IT20	0		12.240.000		12.240.000	0		12.240.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5440	22022644	K67A-AI1	0		13.005.000	-780.000	12.225.000	0		12.225.000	
5441	22021543	K67M-AT	-30.000		12.240.000		12.240.000	0		12.210.000	
5442	22026524	K67I-IT20	-30.000		12.240.000		12.240.000	0		12.210.000	
5443	22023500	K67P-EE	0		15.300.000	-3.120.000	12.180.000	0		12.180.000	
5444	22027164	K67S-AE	0		10.275.000	1.902.000	12.177.000	0		12.177.000	
5445	21020809	K66G-AT	8.100.000		4.050.000		4.050.000	0		12.150.000	Nợ K1/24-25
5446	19021173	K64S-AE	1.800.000	-1.800.000	12.150.000		10.350.000	0		12.150.000	Nợ HP theo QĐ 2936
5447	21021181	K66C-CE2	0		12.150.000		12.150.000	0		12.150.000	
5448	21021184	K66C-CE1	0		12.150.000		12.150.000	0		12.150.000	
5449	21021204	K66C-CE1	0		12.150.000		12.150.000	0		12.150.000	
5450	22025103	K67C-CE2	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5451	22025109	K67C-CE1	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5452	22025114	K67C-CE2	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5453	22025121	K67C-CE2	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5454	22025135	K67C-CE2	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5455	22025154	K67C-CE1	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5456	22025164	K67C-CE1	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5457	22025170	K67C-CE2	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5458	22025209	K67C-CE2	0		12.046.000		12.046.000	0		12.046.000	
5459	22027118	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5460	22027121	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5461	22027136	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5462	22027145	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5463	22027147	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5464	22027154	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5465	22027159	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5466	22027175	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0		12.046.000	
5467	24022600	K69I-IS	-8.000.000		20.000.000		20.000.000	0		12.000.000	
5468	19021344	K64I-IS	0		12.000.000		12.000.000	0		12.000.000	
5469	22020122	K67G-AT	0		11.985.000		11.985.000	0		11.985.000	
5470	22025125	K67C-CE1	0		11.936.000		11.936.000	0		11.936.000	
5471	22027149	K67S-AE	0		10.034.000	1.902.000	11.936.000	0		11.936.000	
5472	23020531	K68I-IS	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5473	23021484	K68I-CS2	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5474	23021732	K68I-CS2	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5475	23021810	K68E-EC1	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5476	23021854	K68E-EC1	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5477	23021917	K68E-EC2	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5478	24020100	K69I-IT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5479	24020208	K69I-IT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5480	24020251	K69I-IT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5481	24020319	K69I-IT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5482	24020439	K69E-CE	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5483	24020474	K69E-CE	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5484	24020643	K69E-CE	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5485	24021096	K69M-MT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5486	24021165	K69M-MT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5487	24021168	K69M-MT	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5488	24021423	K69I-CS	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5489	24021849	K69E-EC	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5490	24022652	K69I-IS	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5491	24022712	K69I-IS	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5492	24022793	K69I-CN	0		11.800.000		11.800.000	0		11.800.000	
5493	21021671	K66M-MT2	0		11.760.000		11.760.000	0		11.760.000	
5494	22028259	K67I-CS2	0		11.760.000		11.760.000	0		11.760.000	
5495	20020120	K65I-IT2	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5496	20021267	K65S-AE	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5497	21020504	K66M-AT	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5498	21021081	K66M-EM	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5499	21021177	K66C-CE2	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5500	21021206	K66C-CE1	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5501	21021214	K66C-CE1	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5502	21021241	K66C-CE2	0		11.700.000		11.700.000	0		11.700.000	
5503	22025111	K67C-CE1	0		11.674.000		11.674.000	0		11.674.000	
5504	22025122	K67C-CE2	0		11.674.000		11.674.000	0		11.674.000	
5505	22025191	K67C-CE2	0		11.674.000		11.674.000	0		11.674.000	
5506	22027106	K67S-AE	0		12.046.000	-393.000	11.653.000	0		11.653.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5507	24022019	K69G-AT	-4.404.350		16.000.000		16.000.000	0		11.595.650	
5508	22023515	K67P-EE	-663.390		15.300.000	-3.120.000	12.180.000	0		11.516.610	
5509	24022049	K69G-AT	-4.504.350		16.000.000		16.000.000	0		11.495.650	
5510	22020109	K67G-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5511	22020118	K67G-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5512	22020124	K67G-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5513	22021117	K67I-IT15	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5514	22021128	K67I-IT1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5515	22021133	K67I-IT2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5516	22021157	K67I-IT2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5517	22021160	K67I-IT2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5518	22021168	K67I-IT1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5519	22021199	K67I-IT2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5520	22021222	K67I-IT1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5521	22021512	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5522	22021521	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5523	22021528	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5524	22021536	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5525	22021541	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5526	22021548	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5527	22021550	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5528	22021553	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5529	22021571	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5530	22021574	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5531	22021576	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5532	22021579	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5533	22021582	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5534	22022103	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5535	22022109	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5536	22022117	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5537	22022123	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5538	22022124	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5539	22022126	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5540	22022128	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5541	22022133	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5542	22022143	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5543	22022151	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5544	22022177	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5545	22022179	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5546	22022189	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5547	22022191	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5548	22022194	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5549	22022196	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5550	22022199	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5551	22022203	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5552	22022208	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5553	22022210	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5554	22022217	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5555	22022526	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5556	22022527	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5557	22022542	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5558	22022563	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5559	22022571	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5560	22022573	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5561	22022575	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5562	22022581	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5563	22022582	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5564	22022589	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5565	22022611	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5566	22022642	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5567	22022643	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5568	22022649	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5569	22022664	K67A-AI2	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0		11.475.000	
5570	22023100	K67P-EP	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5571	22023103	K67P-EP	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5572	22023120	K67P-EP	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5573	22023121	K67P-EP	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5574	22023161	K67P-EP	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5575	22023168	K67P-EP	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5576	22023506	K67E-RE	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5577	22024113	K67M-EM	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5578	22026503	K67I-IT20	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5579	22026519	K67I-IT20	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5580	22026531	K67I-IT20	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5581	22026537	K67I-IT20	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5582	22027502	K67E-RE	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5583	22027525	K67E-RE	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5584	22027541	K67E-RE	0		11.475.000		11.475.000	0		11.475.000	
5585	22022510	K67A-AI2	0		12.240.000	-780.000	11.460.000	0		11.460.000	
5586	22025113	K67C-CE1	0		11.412.000		11.412.000	0		11.412.000	
5587	22025143	K67C-CE1	0		11.412.000		11.412.000	0		11.412.000	
5588	22025189	K67C-CE2	0		11.412.000		11.412.000	0		11.412.000	
5589	22027156	K67S-AE	0		9.510.000	1.902.000	11.412.000	0		11.412.000	
5590	19020072	K64I-CN	0		11.300.000		11.300.000	0		11.300.000	
5591	24022060	K69G-AT	-4.702.850		16.000.000		16.000.000	0		11.297.150	
5592	19020174	K64I-IT20	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5593	21020853	K66G-AT	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5594	21020868	K66M-AT	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5595	21020881	K66M-AT	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5596	21021152	K66C-CE1	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5597	21021186	K66C-CE1	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5598	21021191	K66C-CE2	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5599	21021216	K66C-CE1	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5600	21021664	K66E-CE	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5601	21021676	K66P-EE	0		11.250.000		11.250.000	0		11.250.000	
5602	22020104	K67G-AT	0		11.220.000		11.220.000	0		11.220.000	
5603	20021106	K65M-MT2	0		11.200.000		11.200.000	0		11.200.000	
5604	20021116	K65M-MT3	0		11.200.000		11.200.000	0		11.200.000	
5605	20021325	K65I-IS	0		11.200.000		11.200.000	0		11.200.000	
5606	20021376	K65I-CN	0		11.200.000		11.200.000	0		11.200.000	
5607	22027119	K67S-AE	0		11.412.000	-393.000	11.019.000	0		11.019.000	
5608	22020131	K67G-AT	0		10.965.000		10.965.000	0		10.965.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5609	24022054	K69G-AT	-5.184.349		16.000.000		16.000.000	0		10.815.651	
5610	20020961	K65C-CE2	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5611	21020300	K66I-IT3	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5612	21020801	K66G-AT	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5613	21020813	K66G-AT	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5614	21021010	K66P-EE	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5615	21021041	K66P-EE	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5616	21021042	K66P-EE	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5617	21021160	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5618	21021164	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5619	21021188	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5620	21021203	K66C-CE2	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5621	21021210	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5622	21021228	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5623	21021230	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5624	21021236	K66C-CE1	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5625	21021245	K66C-CE2	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5626	21021247	K66C-CE2	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5627	21021429	K66S-AE	0		10.800.000		10.800.000	0		10.800.000	
5628	24022066	K69G-AT	-5.220.350		16.000.000		16.000.000	0		10.779.650	
5629	22025107	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5630	22025132	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5631	22025133	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5632	22025134	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5633	22025136	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5634	22025146	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5635	22025150	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5636	22025152	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5637	22025157	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5638	22025162	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5639	22025166	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5640	22025169	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5641	22025172	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5642	22025180	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5643	22025181	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5644	22025182	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5645	22025184	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5646	22025188	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5647	22025192	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5648	22025193	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5649	22025199	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5650	22025206	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5651	22025207	K67C-CE2	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5652	22025212	K67C-CE1	0		10.778.000		10.778.000	0		10.778.000	
5653	24022064	K69G-AT	-5.229.850		16.000.000		16.000.000	0		10.770.150	
5654	22021163	K67I-IT1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5655	22021198	K67I-IT1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5656	22021501	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5657	22021508	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5658	22021542	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5659	22021546	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5660	22021552	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5661	22021558	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5662	22021561	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5663	22021570	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5664	22021572	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5665	22022110	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5666	22022115	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5667	22022125	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5668	22022129	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5669	22022144	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5670	22022145	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5671	22022147	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5672	22022152	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5673	22022159	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5674	22022184	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5675	22022193	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5676	22022198	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5677	22022204	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5678	22022212	K67E-CE2	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5679	22022214	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5680	22022216	K67E-CE1	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5681	22022502	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5682	22022531	K67A-AI2	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5683	22022532	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5684	22022533	K67A-AI2	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5685	22022541	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5686	22022553	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5687	22022557	K67A-AI2	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5688	22022561	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5689	22022579	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5690	22022591	K67A-AI2	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5691	22022607	K67A-AI2	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5692	22022630	K67A-AI2	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5693	22022646	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5694	22022652	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5695	22022654	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0		10.710.000	
5696	22023111	K67P-EP	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5697	22023115	K67P-EP	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5698	22024180	K67M-EM	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5699	22026533	K67I-IT20	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5700	22026545	K67I-IT20	0		10.710.000		10.710.000	0		10.710.000	
5701	22022508	K67A-AI2	0		11.475.000	-780.000	10.695.000	0		10.695.000	
5702	22022550	K67A-AI1	0		11.475.000	-780.000	10.695.000	0		10.695.000	
5703	24022044	K69G-AT	-5.404.350		16.000.000		16.000.000	0		10.595.650	
5704	24022012	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5705	24022013	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5706	24022014	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5707	24022016	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5708	24022017	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5709	24022018	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5710	24022021	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5711	24022024	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5712	24022025	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5713	24022026	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5714	24022029	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5715	24022032	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5716	24022036	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5717	24022037	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5718	24022039	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5719	24022040	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5720	24022041	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5721	24022043	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5722	24022045	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5723	24022046	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5724	24022052	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5725	24022055	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5726	24022056	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5727	24022058	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5728	24022059	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5729	24022063	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5730	24022067	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5731	24022069	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5732	24022070	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5733	24022072	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5734	24022073	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5735	24022074	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0		10.585.650	
5736	24020943	K69C-CE	-9.414.350		20.000.000		20.000.000	0		10.585.650	
5737	19021118	K64M-MT1	0		10.400.000		10.400.000	0		10.400.000	
5738	19021294	K64I-CS2	0		10.400.000		10.400.000	0		10.400.000	
5739	20020148	K65I-CS2	0		10.400.000		10.400.000	0		10.400.000	
5740	20021212	K65M-MT1	0		10.400.000		10.400.000	0		10.400.000	
5741	20020272	K65I-IT20	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5742	20020729	K65E-CE	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5743	21020056	K66I-IT20	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5744	21020070	K66I-IT3	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5745	21020390	K66I-IT2	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5746	21020508	K66E-CE	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5747	21020808	K66G-AT	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5748	21020849	K66G-AT	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5749	21020851	K66G-AT	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5750	21020856	K66G-AT	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5751	21020956	K66P-EE	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5752	21021011	K66P-EE	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5753	21021193	K66C-CE2	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5754	21021234	K66C-CE1	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5755	21021407	K66S-AE	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5756	21021434	K66S-AE	0		10.350.000		10.350.000	0		10.350.000	
5757	24022047	K69G-AT	-5.714.350		16.000.000		16.000.000	0		10.285.650	
5758	24021272	K69S-AE	-5.694.350		15.900.000		15.900.000	0		10.205.650	
5759	22020112	K67G-AT	0		10.200.000		10.200.000	0		10.200.000	
5760	22020114	K67G-AT	0		10.200.000		10.200.000	0		10.200.000	
5761	22020123	K67G-AT	0		10.200.000		10.200.000	0		10.200.000	
5762	22020132	K67G-AT	0		10.200.000		10.200.000	0		10.200.000	
5763	22020133	K67G-AT	0		10.200.000		10.200.000	0		10.200.000	
5764	20021250	K65S-AE	4.776.000		5.400.000		5.400.000	0		10.176.000	Nợ K2/23-24
5765	22025102	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5766	22025115	K67C-CE2	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5767	22025119	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5768	22025124	K67C-CE2	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5769	22025127	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5770	22025130	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5771	22025141	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5772	22025153	K67C-CE2	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5773	22025156	K67C-CE2	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5774	22025190	K67C-CE2	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5775	22025205	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5776	22025210	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5777	22025214	K67C-CE1	0		10.144.000		10.144.000	0		10.144.000	
5778	22021100	K67I-IT2	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5779	22021129	K67I-IT2	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5780	22021221	K67I-IT2	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5781	22021533	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5782	22021545	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5783	22021563	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5784	22021564	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5785	22021567	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5786	22021581	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5787	22021588	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5788	22022113	K67E-CE2	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5789	22022114	K67E-CE2	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5790	22022168	K67E-CE1	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5791	22022201	K67E-CE1	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5792	22022524	K67A-AI1	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0		9.945.000	
5793	22022622	K67A-AI2	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0		9.945.000	
5794	22022632	K67A-AI2	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0		9.945.000	
5795	22022655	K67A-AI2	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0		9.945.000	
5796	22022662	K67A-AI1	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0		9.945.000	
5797	22023136	K67P-EP	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5798	22023146	K67P-EP	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5799	22023172	K67P-EP	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5800	22026535	K67I-IT20	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5801	22026555	K67I-IT20	0		9.945.000		9.945.000	0		9.945.000	
5802	20020340	K65I-IT20	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5803	20020837	K65P-EE	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5804	20021070	K65C-CE1	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5805	21020013	K66I-IT1	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5806	21020435	K66E-CE	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5807	21020778	K66I-IT2	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5808	21020819	K66G-AT	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5809	21020844	K66G-AT	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5810	21020860	K66G-AT	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5811	21020912	K66E-RE	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5812	21020943	K66E-CE	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5813	21021146	K66C-CE1	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5814	21021151	K66C-CE2	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5815	21021155	K66C-CE2	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5816	21021163	K66C-CE2	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5817	21021179	K66C-CE2	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5818	21021192	K66C-CE1	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5819	21021232	K66C-CE1	0		9.900.000		9.900.000	0		9.900.000	
5820	22027111	K67S-AE	0		7.870.000	1.902.000	9.772.000	0		9.772.000	
5821	20021159	K65M-MT1	0		9.600.000		9.600.000	0		9.600.000	
5822	20021559	K65E-EC2	0		9.600.000		9.600.000	0		9.600.000	
5823	22025100	K67C-CE1	0		9.510.000		9.510.000	0		9.510.000	
5824	22025149	K67C-CE2	0		9.510.000		9.510.000	0		9.510.000	
5825	22025159	K67C-CE1	0		9.510.000		9.510.000	0		9.510.000	
5826	22025163	K67C-CE2	0		9.510.000		9.510.000	0		9.510.000	
5827	22025176	K67C-CE1	0		9.510.000		9.510.000	0		9.510.000	
5828	22025197	K67C-CE1	0		9.510.000		9.510.000	0		9.510.000	
5829	19020534	K64E-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5830	20020526	K65G-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5831	21020459	K66E-CE	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5832	21020480	K66M-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5833	21020498	K66M-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5834	21020499	K66M-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5835	21020829	K66G-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5836	21020833	K66G-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5837	21020864	K66M-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5838	21021061	K66P-EE	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5839	21021138	K66M-EM	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5840	21021147	K66C-CE2	0	-1.194.000	9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5841	21021153	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5842	21021161	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5843	21021168	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5844	21021174	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5845	21021178	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5846	21021180	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5847	21021198	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5848	21021212	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5849	21021215	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5850	21021218	K66C-CE1	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5851	21021249	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5852	21021413	K66S-AE	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5853	21021670	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5854	21021675	K66M-AT	0		9.450.000		9.450.000	0		9.450.000	
5855	22020116	K67G-AT	0		10.710.000		10.710.000	0	1.320.000	9.390.000	
5856	20021408	K65I-CN	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5857	21020696	K66E-EC2	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5858	21020699	K66E-EC1	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5859	21021307	K66M-MT3	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5860	22026114	K67M-MT	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5861	22028037	K67I-CS1	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5862	22028093	K67I-CS2	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5863	22028304	K67I-CS2	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5864	22028307	K67I-CS2	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5865	22028328	K67I-CS4	0		9.300.000		9.300.000	0		9.300.000	
5866	22020117	K67G-AT	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5867	22021153	K67I-IT2	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5868	22021158	K67I-IT2	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5869	22021520	K67M-AT	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5870	22021575	K67M-AT	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5871	22022107	K67E-CE2	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5872	22022148	K67E-CE2	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5873	22022153	K67E-CE2	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5874	22022213	K67E-CE2	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5875	22022514	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5876	22022519	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5877	22022534	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5878	22022551	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5879	22022558	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5880	22022559	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5881	22022562	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5882	22022570	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5883	22022572	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5884	22022577	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5885	22022594	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5886	22022604	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5887	22022605	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5888	22022610	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5889	22022623	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5890	22022628	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5891	22022629	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5892	22022670	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5893	22022671	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5894	22022672	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0		9.180.000	
5895	22023101	K67P-EP	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5896	22026507	K67I-IT20	0		9.180.000		9.180.000	0		9.180.000	
5897	24022022	K69G-AT	-6.820.000		16.000.000		16.000.000	0		9.180.000	
5898	22022521	K67A-AI2	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0		9.165.000	
5899	19020896	K64C-CE	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5900	20020111	K65I-IT1	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5901	21020058	K66I-IT1	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5902	21020489	K66M-AT	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5903	21020569	K66E-RE	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5904	21020715	K66M-AT	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5905	21020862	K66M-AT	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5906	21020988	K66P-EE	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5907	21021045	K66P-EE	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5908	21021078	K66M-EM	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5909	21021213	K66C-CE2	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5910	21021237	K66C-CE2	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5911	21021254	K66C-CE1	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5912	21021427	K66S-AE	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5913	21021674	K66M-AT	0		9.000.000		9.000.000	0		9.000.000	
5914	22025110	K67C-CE2	0		8.876.000		8.876.000	0		8.876.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5915	22025126	K67C-CE2	0		8.876.000		8.876.000	0		8.876.000	
5916	22025137	K67C-CE1	0		8.876.000		8.876.000	0		8.876.000	
5917	22025179	K67C-CE2	0		8.876.000		8.876.000	0		8.876.000	
5918	22025194	K67C-CE2	0		8.876.000		8.876.000	0		8.876.000	
5919	22025204	K67C-CE2	0		8.876.000		8.876.000	0		8.876.000	
5920	20020243	K65M-MT3	0		8.800.000		8.800.000	0		8.800.000	
5921	20020331	K65E-EC2	0		8.800.000		8.800.000	0		8.800.000	
5922	20021085	K65M-MT3	0		8.800.000		8.800.000	0		8.800.000	
5923	20021110	K65M-MT1	0		8.800.000		8.800.000	0		8.800.000	
5924	22027178	K67S-AE	0		6.885.000	1.902.000	8.787.000	0		8.787.000	
5925	24020872	K69M-EM	-11.274.350		20.000.000		20.000.000	0		8.725.650	
5926	22020100	K67G-AT	0		8.670.000		8.670.000	0		8.670.000	
5927	22020121	K67G-AT	0		8.670.000		8.670.000	0		8.670.000	
5928	20020699	K65E-CE	0		8.600.000		8.600.000	0		8.600.000	
5929	20020199	K65I-IT20	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5930	20020347	K65E-CE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5931	20020549	K65G-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5932	20020682	K65E-RE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5933	21020062	K66I-IT15	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5934	21020085	K66I-IT3	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5935	21020481	K66M-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5936	21020571	K66E-RE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5937	21020804	K66G-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5938	21020831	K66G-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5939	21020866	K66M-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5940	21020877	K66M-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5941	21020885	K66M-AT	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5942	21020938	K66E-CE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5943	21020997	K66P-EE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5944	21021053	K66P-EE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5945	21021070	K66M-EM	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5946	21021119	K66M-EM	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5947	21021162	K66C-CE1	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5948	21021165	K66C-CE2	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5949	21021182	K66C-CE1	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5950	21021199	K66C-CE2	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5951	21021207	K66C-CE2	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5952	21021223	K66C-CE2	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5953	21021224	K66C-CE1	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5954	21021243	K66C-CE2	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5955	21021256	K66C-CE1	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5956	21021405	K66S-AE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5957	21021406	K66S-AE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5958	21021418	K66S-AE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5959	21021436	K66S-AE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5960	21021451	K66S-AE	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5961	21021669	K66M-EM	0		8.550.000		8.550.000	0		8.550.000	
5962	22025151	K67C-CE1	0		13.466.000		13.466.000	0	4.952.000	8.514.000	
5963	22021517	K67M-AT	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5964	22022101	K67E-CE1	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5965	22022162	K67E-CE1	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5966	22022165	K67E-CE1	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5967	22022509	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5968	22022515	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5969	22022518	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5970	22022525	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5971	22022536	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5972	22022547	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5973	22022556	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5974	22022578	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5975	22022585	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5976	22022590	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5977	22022598	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5978	22022615	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5979	22022616	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5980	22022619	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5981	22022621	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5982	22022638	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
5983	22022656	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5984	22022658	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5985	22022659	K67A-AI1	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5986	22022665	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.415.000	
5987	22024151	K67M-EM	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5988	22026523	K67I-IT20	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5989	22026526	K67I-IT20	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5990	22026534	K67I-IT20	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5991	22026538	K67I-IT20	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5992	22026560	K67I-IT20	0		8.415.000		8.415.000	0		8.415.000	
5993	22022548	K67A-AI2	0		9.180.000	-780.000	8.400.000	0		8.400.000	
5994	22022566	K67A-AI2	0		9.180.000	-780.000	8.400.000	0		8.400.000	
5995	22022569	K67A-AI2	0		9.180.000	-780.000	8.400.000	0		8.400.000	
5996	22022567	K67A-AI2	-150.000		9.180.000	-765.000	8.415.000	0		8.265.000	
5997	22020113	K67G-AT	0		8.160.000		8.160.000	0		8.160.000	
5998	22020135	K67G-AT	0		8.160.000		8.160.000	0		8.160.000	
5999	19021569	K64G-AT	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6000	20020220	K65I-IT20	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6001	21020386	K66I-IT1	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6002	21020488	K66M-AT	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6003	21020500	K66M-AT	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6004	21020598	K66S-AE	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6005	21020722	K66M-EM	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6006	21020823	K66G-AT	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6007	21020871	K66M-AT	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6008	21020876	K66M-AT	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6009	21021051	K66P-EE	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6010	21021115	K66M-EM	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6011	21021129	K66M-EM	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6012	21021149	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6013	21021157	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6014	21021171	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6015	21021173	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6016	21021175	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6017	21021197	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6018	21021201	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6019	21021217	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6020	21021227	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6021	21021253	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6022	21021255	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6023	21021411	K66S-AE	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6024	21021416	K66S-AE	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6025	21021425	K66S-AE	0		8.100.000		8.100.000	0		8.100.000	
6026	19021242	K64I-CS2	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6027	19021312	K64I-IS	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6028	19021333	K64I-CS3	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6029	19021337	K64I-CS3	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6030	20020015	K65I-CS1	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6031	20020136	K65I-CS1	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6032	20020154	K65I-CS3	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6033	20020155	K65I-CS2	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6034	20021174	K65M-MT2	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6035	20021335	K65I-IS	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6036	20021409	K65I-IS	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6037	20021428	K65I-CS1	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6038	20021436	K65I-CN	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6039	20021451	K65I-IS	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6040	20021474	K65I-IS	0		8.000.000		8.000.000	0		8.000.000	
6041	19021182	K64S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6042	20020650	K65E-RE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6043	21020115	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6044	21020260	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6045	21020434	K66E-CE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6046	21020436	K66E-CE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6047	21020485	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6048	21020486	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6049	21020487	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6050	21020490	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6051	21020491	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6052	21020492	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6053	21020494	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6054	21020501	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6055	21020503	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6056	21020558	K66E-CE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6057	21020567	K66E-RE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6058	21020725	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6059	21020817	K66G-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6060	21020861	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6061	21020863	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6062	21020865	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6063	21020873	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6064	21020874	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6065	21020878	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6066	21020879	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6067	21020880	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6068	21020883	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6069	21020919	K66E-RE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6070	21020929	K66E-CE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6071	21020963	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6072	21020970	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6073	21020977	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6074	21020996	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6075	21021012	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6076	21021031	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6077	21021043	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6078	21021054	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6079	21021089	K66M-EM	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6080	21021111	K66M-EM	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6081	21021131	K66M-EM	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6082	21021194	K66C-CE1	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6083	21021403	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6084	21021414	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6085	21021417	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6086	21021437	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6087	21021439	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6088	21021445	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6089	21021446	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6090	21021447	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6091	22021502	K67M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6092	22022529	K67A-AI2	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0		7.650.000	
6093	22022620	K67A-AI2	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0		7.650.000	
6094	22022641	K67A-AI1	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0		7.650.000	
6095	22022661	K67A-AI2	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0		7.650.000	
6096	22026557	K67I-IT20	0		7.650.000		7.650.000	0		7.650.000	
6097	22022501	K67A-AI1	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0		7.635.000	
6098	22022511	K67A-AI1	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0		7.635.000	
6099	22022543	K67A-AI2	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0		7.635.000	
6100	22022666	K67A-AI2	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0		7.635.000	
6101	22027114	K67S-AE	0		5.520.000	1.902.000	7.422.000	0		7.422.000	
6102	19021160	K64S-AE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6103	20020253	K65G-AT	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6104	20020668	K65E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6105	21020088	K66I-IT3	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6106	21020099	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6107	21020100	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6108	21020332	K66I-IT2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6109	21020565	K66E-RE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6110	21020805	K66G-AT	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6111	21020839	K66G-AT	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6112	21020887	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6113	21020888	K66E-RE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6114	21020909	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6115	21020913	K66E-RE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6116	21020921	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6117	21020925	K66E-RE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6118	21020949	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6119	21021013	K66P-EE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6120	21021040	K66P-EE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6121	21021060	K66P-EE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6122	21021087	K66M-EM	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6123	21021091	K66M-EM	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6124	21021109	K66M-EM	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6125	21021114	K66M-EM	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6126	21021144	K66M-EM	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6127	21021167	K66C-CE2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6128	21021169	K66C-CE2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6129	21021225	K66C-CE2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6130	21021235	K66C-CE2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6131	21021239	K66C-CE2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6132	21021398	K66S-AE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6133	21021409	K66S-AE	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6134	19021322	K64I-CS4	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6135	20020252	K65E-EC1	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6136	20021572	K65E-EC2	0		7.200.000		7.200.000	0		7.200.000	
6137	20021211	K65M-MT3	0		17.600.000		17.600.000	10.600.000		7.000.000	
6138	24020731	K69P-EP	-7.334.350		14.260.000		14.260.000	0		6.925.650	
6139	24020825	K69P-EP	-7.334.350		14.260.000		14.260.000	0		6.925.650	
6140	24021303	K69S-AE	-7.334.350		14.260.000		14.260.000	0		6.925.650	
6141	22022549	K67A-AI2	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0		6.885.000	
6142	22022614	K67A-AI2	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0		6.885.000	
6143	22022625	K67A-AI1	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0		6.885.000	
6144	22022663	K67A-AI2	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0		6.885.000	
6145	22022516	K67A-AI2	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0		6.870.000	
6146	22022537	K67A-AI2	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0		6.870.000	
6147	22022597	K67A-AI1	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0		6.870.000	
6148	21020973	K66P-EP	0		6.800.000		6.800.000	0		6.800.000	
6149	21020502	K66M-AT	-884.520		7.650.000		7.650.000	0		6.765.480	
6150	21021029	K66P-EE	12.000		6.750.000		6.750.000	0		6.762.000	Nợ lẻ
6151	19020075	K64I-IT1	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6152	19020163	K64I-IT3	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6153	19020169	K64I-IT4	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6154	20021063	K65C-CE2	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6155	21020423	K66I-IT20	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6156	21020563	K66E-RE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6157	21020601	K66S-AE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6158	21020721	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6159	21020811	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6160	21020824	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6161	21020837	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6162	21020843	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6163	21020855	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6164	21020895	K66E-CE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6165	21020910	K66E-CE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6166	21020933	K66E-CE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6167	21021050	K66P-EE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6168	21021080	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6169	21021088	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6170	21021126	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6171	21021128	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6172	21021145	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6173	21021156	K66C-CE1	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6174	21021250	K66C-CE1	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6175	21021401	K66S-AE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6176	21021410	K66S-AE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6177	21021449	K66S-AE	0		6.750.000		6.750.000	0		6.750.000	
6178	21021662	K66E-RE	0		6.510.000		6.510.000	0		6.510.000	
6179	19021093	K64M-MT1	0		6.400.000		6.400.000	0		6.400.000	
6180	20020277	K65I-CS1	0		6.400.000		6.400.000	0		6.400.000	
6181	20020283	K65I-CS1	0		6.400.000		6.400.000	0		6.400.000	
6182	20021169	K65M-MT3	0		6.400.000		6.400.000	0		6.400.000	
6183	20021437	K65I-IS	0		6.400.000		6.400.000	0		6.400.000	
6184	22022520	K67A-AI1	0		6.395.000		6.395.000	0		6.395.000	
6185	20020334	K65I-IT1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6186	20020430	K65I-IT3	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6187	20020518	K65G-AT	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6188	21020141	K66E-CE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6189	21020154	K66C-CE1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6190	21020301	K66I-IT1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6191	21020320	K66I-IT2	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6192	21020329	K66I-IT2	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6193	21020334	K66I-IT1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6194	21020389	K66I-IT1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6195	21020719	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6196	21020848	K66G-AT	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6197	21020884	K66M-AT	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6198	21020886	K66E-CE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6199	21020920	K66E-CE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6200	21020951	K66E-CE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6201	21020980	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6202	21020986	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6203	21021014	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6204	21021021	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6205	21021026	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6206	21021028	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6207	21021037	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6208	21021039	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6209	21021048	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6210	21021052	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6211	21021057	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6212	21021058	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6213	21021059	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6214	21021063	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6215	21021065	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6216	21021068	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6217	21021074	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6218	21021082	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6219	21021101	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6220	21021123	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6221	21021208	K66C-CE1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6222	21021246	K66C-CE1	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6223	21021396	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6224	21021397	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6225	21021400	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6226	21021408	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6227	21021423	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6228	21021424	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6229	21021435	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6230	21021438	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0		6.300.000	
6231	22021566	K67M-AT	0		6.120.000		6.120.000	0		6.120.000	
6232	22022523	K67A-AI1	0		6.120.000		6.120.000	0		6.120.000	
6233	22022596	K67A-AI1	0		6.885.000	-765.000	6.120.000	0		6.120.000	
6234	22026512	K67I-IT20	0		6.120.000		6.120.000	0		6.120.000	
6235	22027550	K67E-RE	0		6.120.000		6.120.000	0		6.120.000	
6236	23021019	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	10.000.000	6.000.000	
6237	23020596	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	14.000.000	6.000.000	
6238	20020786	K65P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0	334.000	5.966.000	
6239	23020080	K68I-IT2	0		5.936.000		5.936.000	0		5.936.000	
6240	20020530	K65G-AT	72.000		5.850.000		5.850.000	0		5.922.000	Nợ lẻ
6241	19020300	K64I-IT5	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6242	19021163	K64S-AE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6243	20020002	K65I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6244	20020087	K65E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6245	20020374	K65I-IT2	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6246	20021016	K65C-CE1	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6247	20021023	K65C-CE2	0	-2.700.000	5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6248	20021237	K65S-AE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6249	20021249	K65S-AE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6250	21020005	K66I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6251	21020010	K66I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6252	21020032	K66I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6253	21020040	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6254	21020052	K66I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6255	21020055	K66I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6256	21020136	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6257	21020284	K66I-IT20	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6258	21020295	K66I-IT20	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6259	21020377	K66I-IT1	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6260	21020394	K66I-IT15	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6261	21020397	K66I-IT3	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6262	21020432	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6263	21020439	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6264	21020457	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6265	21020720	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6266	21020802	K66G-AT	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6267	21020807	K66G-AT	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6268	21020894	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6269	21020907	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6270	21020922	K66E-RE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6271	21020931	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6272	21020934	K66E-RE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6273	21020942	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6274	21020950	K66E-RE	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6275	21020975	K66P-EP	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6276	21020981	K66P-EP	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6277	21020994	K66P-EP	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6278	21021005	K66P-EP	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6279	21021022	K66P-EP	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6280	21021075	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6281	21021077	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6282	21021090	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6283	21021130	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6284	21021133	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6285	21021134	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6286	21021136	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6287	21021141	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	
6288	21021661	K66I-IT1	0		5.850.000		5.850.000	0		5.850.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6289	21021093	K66M-EM	-20.000		5.850.000		5.850.000	0		5.830.000	
6290	21020003	K66I-IT15	-30.000		5.850.000		5.850.000	0		5.820.000	
6291	19021259	K64I-CS2	0		5.600.000		5.600.000	0		5.600.000	
6292	20021301	K65I-IS	0		5.600.000		5.600.000	0		5.600.000	
6293	19020459	K64I-IT4	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6294	20020805	K65P-EE	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6295	20020897	K65M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6296	20020972	K65C-CE1	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6297	21020002	K66I-IT2	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6298	21020557	K66E-RE	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6299	21020562	K66E-RE	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6300	21020821	K66G-AT	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6301	21020832	K66G-AT	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6302	21020948	K66E-CE	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6303	21021066	K66P-EP	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6304	21021072	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6305	21021076	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6306	21021079	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6307	21021083	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6308	21021084	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6309	21021085	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6310	21021092	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6311	21021094	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6312	21021096	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6313	21021098	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6314	21021100	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6315	21021103	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6316	21021105	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6317	21021107	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6318	21021108	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6319	21021113	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6320	21021116	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6321	21021121	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6322	21021122	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6323	21021124	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6324	21021135	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6325	21021140	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6326	21021200	K66C-CE1	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6327	21021222	K66C-CE1	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6328	21021238	K66C-CE1	0		5.400.000		5.400.000	0		5.400.000	
6329	22024110	K67M-EM	0		5.355.000		5.355.000	0		5.355.000	
6330	21020264	K66I-IT2	-2.504.000		7.650.000		7.650.000	0		5.146.000	
6331	19020379	K64I-IT4	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6332	19021195	K64S-AE	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6333	19021634	K64M-AT	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6334	20020191	K65I-IT2	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6335	20020475	K65I-IT20	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6336	20021005	K65C-CE2	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6337	20021053	K65C-CE2	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6338	21020053	K66I-IT20	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6339	21020076	K66I-IT15	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6340	21020083	K66I-IT1	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6341	21020142	K66E-CE	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6342	21020556	K66I-IT2	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6343	21020769	K66I-IT2	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6344	21020822	K66G-AT	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6345	21020840	K66G-AT	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6346	21020955	K66P-EP	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6347	21020983	K66P-EP	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6348	21021001	K66P-EP	0	-1.350.000	6.300.000		4.950.000	0		4.950.000	
6349	21021008	K66P-EP	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6350	21021025	K66P-EP	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6351	21021404	K66S-AE	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6352	21021428	K66S-AE	0		4.950.000		4.950.000	0		4.950.000	
6353	19021119	K64M-MT1	0		4.800.000		4.800.000	0		4.800.000	
6354	19021432	K64E-EC1	0	-2.400.000	4.800.000		4.800.000	0		4.800.000	
6355	20020325	K65I-CN	0		4.800.000		4.800.000	0		4.800.000	
6356	20021113	K65M-MT2	0		4.800.000		4.800.000	0		4.800.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6357	20021176	K65M-MT1	0		4.800.000		4.800.000	0		4.800.000	
6358	22021183	K67I-IT2	0		4.755.000		4.755.000	0		4.755.000	
6359	22021519	K67M-AT	0		4.755.000		4.755.000	0		4.755.000	
6360	22022131	K67E-CE2	0		4.755.000		4.755.000	0		4.755.000	
6361	21021097	K66M-EM	-663.390		5.400.000		5.400.000	0		4.736.610	
6362	20020552	K65G-AT	450.000		4.260.000		4.260.000	0		4.710.000	Nợ 1 phần K1/24-25
6363	22020138	K67G-AT	0		4.590.000		4.590.000	0		4.590.000	
6364	22022640	K67A-AI1	0		4.590.000		4.590.000	0		4.590.000	
6365	22022540	K67A-AI1	0		5.355.000	-780.000	4.575.000	0		4.575.000	
6366	22022645	K67A-AI1	0		5.355.000	-780.000	4.575.000	0		4.575.000	
6367	19020302	K64I-CN	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6368	19020360	K64I-CN	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6369	19020495	K64E-CE1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6370	19020513	K64E-CE2	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6371	19020545	K64E-CE2	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6372	19020712	K64P-EP	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6373	20020177	K65E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6374	20020348	K65E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6375	20020361	K65I-IT20	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6376	20020365	K65I-IT20	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6377	20020473	K65I-IT3	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6378	20020520	K65G-AT	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6379	20020544	K65G-AT	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6380	20020615	K65M-AT	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6381	20020645	K65E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6382	20020657	K65E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6383	20020690	K65E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6384	20020715	K65E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6385	20021048	K65C-CE1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6386	20021257	K65S-AE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6387	20021258	K65S-AE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6388	21020006	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6389	21020014	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6390	21020015	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6391	21020024	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6392	21020035	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6393	21020038	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6394	21020039	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6395	21020054	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6396	21020065	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6397	21020089	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6398	21020091	K66I-IT20	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6399	21020133	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6400	21020146	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6401	21020147	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6402	21020148	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6403	21020151	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6404	21020304	K66I-IT1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6405	21020322	K66I-IT1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6406	21020325	K66I-IT1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6407	21020333	K66I-IT20	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6408	21020337	K66I-IT1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6409	21020354	K66I-IT3	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6410	21020374	K66I-IT1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6411	21020427	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6412	21020441	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6413	21020444	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6414	21020448	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6415	21020449	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6416	21020450	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6417	21020458	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6418	21020555	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6419	21020568	K66E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6420	21020763	K66I-IT1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6421	21020896	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6422	21020897	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6423	21020899	K66E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6424	21020902	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6425	21020905	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6426	21020927	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6427	21020932	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6428	21020939	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6429	21020945	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6430	21020967	K66P-EP	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6431	21020978	K66P-EP	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6432	21021000	K66P-EP	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6433	21021170	K66C-CE1	0		4.500.000		4.500.000	0		4.500.000	
6434	23021105	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0	13.238.000	4.500.000	
6435	21021657	K66I-IT2	0		4.260.000		4.260.000	0		4.260.000	
6436	23020748	K68E-RE	-9.500		4.198.000		4.198.000	0		4.188.500	
6437	21020917	K66E-RE	0		4.100.000		4.100.000	0		4.100.000	
6438	22021555	K67M-AT	0		4.100.000		4.100.000	0		4.100.000	
6439	22022552	K67A-AI2	0		4.100.000		4.100.000	0		4.100.000	
6440	22022560	K67A-AI2	0		4.100.000		4.100.000	0		4.100.000	
6441	23020164	K68I-IT2	0		4.100.000		4.100.000	0		4.100.000	
6442	23020792	K68E-CE2	0		4.100.000		4.100.000	0		4.100.000	
6443	19021143	K64S-AE	0	-1.800.000	5.850.000		4.050.000	0		4.050.000	
6444	20020446	K65I-IT2	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6445	21020075	K66I-IT2	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6446	21020101	K66E-CE	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6447	21020135	K66E-RE	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6448	21020150	K66E-RE	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6449	21020446	K66E-RE	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6450	21020451	K66E-CE	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6451	21020826	K66G-AT	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6452	21020940	K66E-CE	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6453	21021007	K66P-EP	0		4.050.000		4.050.000	0		4.050.000	
6454	21021680	K66I-IT1	-1.350.000		5.400.000		5.400.000	0		4.050.000	
6455	19021134	K64M-MT2	0		4.000.000		4.000.000	0		4.000.000	
6456	20021393	K65I-IS	0		4.000.000		4.000.000	0		4.000.000	
6457	22022500	K67A-AI2	0		4.590.000	-780.000	3.810.000	0		3.810.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6458	20020980	K65C-CE1	98.000		3.600.000		3.600.000	0		3.698.000	Nợ K1/24-25
6459	19020708	K64P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6460	20020166	K65E-CE	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6461	20020463	K65I-IT20	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6462	20020863	K65P-EE	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6463	20020903	K65M-EM	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6464	20021247	K65S-AE	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6465	21020084	K66I-IT2	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6466	21020360	K66I-IT2	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6467	21020366	K66I-IT2	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6468	21020426	K66E-CE	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6469	21020542	K66I-IT1	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6470	21020551	K66I-IT3	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6471	21020750	K66I-IT3	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6472	21020775	K66I-IT2	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6473	21020954	K66P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6474	21020972	K66P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6475	21020985	K66P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6476	21020992	K66P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6477	21021064	K66P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6478	21021219	K66C-CE2	0		3.600.000		3.600.000	0		3.600.000	
6479	19020399	K64I-IT4	1.343.000		2.250.000		2.250.000	0		3.593.000	Kỳ hè 22-23 và K1/23-24
6480	20021043	K65C-CE2	284.000		3.150.000		3.150.000	0		3.434.000	Nợ HP theo QĐ 2936 và QĐ 64
6481	20020820	K65P-EE	680.400		2.700.000		2.700.000	0		3.380.400	Thiếu BHYT năm 2024
6482	20021089	K65M-MT1	0		3.200.000		3.200.000	0		3.200.000	
6483	20021100	K65M-MT3	0		3.200.000		3.200.000	0		3.200.000	
6484	20021302	K65I-CS3	0		3.200.000		3.200.000	0		3.200.000	
6485	20021402	K65I-IS	0		3.200.000		3.200.000	0		3.200.000	
6486	20021421	K65I-CN	0		3.200.000		3.200.000	0		3.200.000	
6487	20021485	K65E-EC2	0		3.200.000		3.200.000	0		3.200.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6488	20020042	K65I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6489	20020188	K65I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6490	20020207	K65I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6491	20020359	K65I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6492	20020422	K65I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6493	20020429	K65I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6494	20020462	K65I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6495	20020485	K65I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6496	20020497	K65I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6497	20020531	K65G-AT	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6498	20020714	K65E-RE	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6499	21020011	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6500	21020023	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6501	21020026	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6502	21020061	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6503	21020068	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6504	21020072	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6505	21020073	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6506	21020078	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6507	21020079	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6508	21020080	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6509	21020082	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6510	21020087	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6511	21020092	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6512	21020098	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6513	21020116	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6514	21020118	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6515	21020120	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6516	21020121	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6517	21020122	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6518	21020125	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6519	21020128	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6520	21020132	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6521	21020268	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6522	21020273	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6523	21020275	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6524	21020278	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6525	21020282	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6526	21020285	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6527	21020287	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6528	21020289	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6529	21020296	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6530	21020298	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6531	21020305	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6532	21020306	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6533	21020308	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6534	21020315	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6535	21020321	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6536	21020328	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6537	21020331	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6538	21020335	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6539	21020341	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6540	21020346	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6541	21020350	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6542	21020351	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6543	21020352	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6544	21020357	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6545	21020362	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6546	21020364	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6547	21020365	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6548	21020371	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6549	21020372	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6550	21020373	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6551	21020385	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6552	21020395	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6553	21020396	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6554	21020401	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6555	21020402	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6556	21020403	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6557	21020406	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6558	21020408	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6559	21020410	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6560	21020413	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6561	21020416	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6562	21020419	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6563	21020424	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6564	21020438	K66E-CE	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6565	21020507	K66E-CE	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6566	21020538	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6567	21020547	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6568	21020549	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6569	21020717	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6570	21020752	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6571	21020756	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6572	21020771	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6573	21020772	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6574	21020774	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6575	21020784	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6576	21020786	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6577	21020790	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6578	21020794	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6579	21020795	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6580	21020796	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6581	21020797	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6582	21020857	K66G-AT	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6583	21020903	K66E-CE	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6584	21020930	K66E-CE	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6585	21020952	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6586	21020953	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6587	21020961	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6588	21020968	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6589	21020976	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6590	21020987	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6591	21020995	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6592	21020998	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6593	21021009	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6594	21021015	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6595	21021017	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6596	21021018	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6597	21021038	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6598	21021047	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6599	21021062	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0		3.150.000	
6600	21020336	K66I-IT20	-20.000		3.150.000		3.150.000	0		3.130.000	
6601	18020708	K63VLKT	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6602	19020354	K64I-IT4	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6603	19020996	K64C-CE	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6604	20020046	K65I-IT1	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6605	20020509	K65G-AT	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6606	20020850	K65P-EP	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6607	20020858	K65VLKT	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	Bảng kép
6608	20020982	K65C-CE1	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6609	20021054	K65C-CE1	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6610	21020007	K66I-IT15	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6611	21020430	K66E-RE	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6612	21020443	K66E-CE	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6613	21020453	K66E-CE	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6614	21020770	K66I-IT1	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6615	21020889	K66E-CE	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6616	21020911	K66E-CE	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6617	21021658	K66I-IT3	0		2.700.000		2.700.000	0		2.700.000	
6618	23020347	K68A-AI1	0		2.607.000		2.607.000	0		2.607.000	
6619	22021187	K67I-IT2	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6620	22021223	K67I-IT2	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6621	22021524	K67M-AT	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6622	22022673	K67A-AI2	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6623	22024102	K67M-EM	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6624	22026528	K67I-IT20	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6625	23020017	K68I-IT2	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6626	23020705	K68I-IT20	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6627	23021026	K68M-EM	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6628	23021107	K68C-CE1	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6629	24022089	K69M-AT	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6630	24022397	K69A-AI	0		2.460.000		2.460.000	0		2.460.000	
6631	19020034	K64I-CS1	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6632	19021448	K64E-EC1	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6633	20020247	K65E-EC1	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6634	20021193	K65M-MT2	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6635	20021379	K65I-CN	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6636	20021452	K65I-IS	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6637	20021487	K65E-EC2	0		2.400.000		2.400.000	0		2.400.000	
6638	21020693	K66E-EC1	0		19.900.000		19.900.000	0	17.500.000	2.400.000	
6639	22022140	K67E-CE2	0		2.295.000		2.295.000	0		2.295.000	
6640	20020792	K65P-EE	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6641	20020981	K65C-CE2	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6642	20020999	K65C-CE2	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6643	20021014	K65C-CE1	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6644	20021041	K65C-CE2	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6645	20021279	K65S-AE	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6646	21020302	K66I-IT2	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6647	21020969	K66P-EP	0		2.250.000		2.250.000	0		2.250.000	
6648	21020259	K66G-AT	0		7.200.000		7.200.000	0	5.200.000	2.000.000	
6649	22027161	K67S-AE	0		0	1.902.000	1.902.000	0		1.902.000	
6650	21020816	K66G-AT	0		9.900.000		9.900.000	8.000.000		1.900.000	
6651	18020531	K63CNTT	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6652	19020349	K64I-IT4	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6653	19020948	K64C-CE	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6654	19021638	K64P-EE	0	-1.350.000	1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6655	20020162	K65M-AT	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6656	20020335	K65I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6657	20020341	K65I-IT1	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6658	20020486	K65I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6659	20020487	K65I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6660	20020533	K65G-AT	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6661	20020568	K65G-AT	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6662	20020681	K65E-RE	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6663	20020794	K65P-EP	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6664	20020796	K65P-EP	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6665	20020823	K65P-EE	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6666	20020853	K65P-EP	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6667	20020933	K65M-EM	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6668	20020948	K65M-EM	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6669	21020067	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6670	21020119	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6671	21020263	K66I-IT1	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6672	21020276	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6673	21020290	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6674	21020313	K66I-IT1	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6675	21020318	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6676	21020342	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6677	21020348	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6678	21020383	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6679	21020393	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6680	21020418	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6681	21020534	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6682	21020755	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6683	21020779	K66I-IT1	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6684	21020799	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6685	21020800	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0		1.800.000	
6686	23021385	K68S-AE	0		1.738.000		1.738.000	0		1.738.000	
6687	24022155	K69M-AT	0		17.738.000		17.738.000	0	16.000.000	1.738.000	
6688	24022537	K69P-EE	-10.094.350		11.800.000		11.800.000	0		1.705.650	
6689	24022166	K69M-AT	-2.494.350		4.100.000		4.100.000	0		1.605.650	
6690	24022326	K69A-AI	-2.494.350		4.100.000		4.100.000	0		1.605.650	
6691	21021137	K66M-EM	0		8.550.000		8.550.000	0	7.000.000	1.550.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6692	18020440	K63KTCĐT	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6693	19020353	K64I-IT3	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6694	19020386	K64I-IT1	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6695	19020552	K64E-CE1	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6696	19020679	K64P-EE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6697	19020918	K64C-CE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6698	19021149	K64S-AE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6699	20020099	K65I-IT1	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6700	20020226	K65M-AT	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6701	20020343	K65M-AT	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6702	20020389	K65I-IT3	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6703	20020419	K65I-IT20	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6704	20020534	K65G-AT	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6705	20020563	K65G-AT	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6706	20020639	K65E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6707	20020673	K65E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6708	20020770	K65P-EE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6709	20020851	K65P-EE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6710	20020966	K65C-CE1	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6711	20021035	K65C-CE2	0	-796.000	1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6712	21020066	K66I-IT2	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6713	21020081	K66I-IT2	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6714	21020281	K66I-IT20	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6715	21020314	K66I-IT2	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6716	21020564	K66E-RE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6717	21020916	K66E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6718	21020928	K66E-RE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6719	21021663	K66E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0		1.350.000	
6720	17020607	K62CNTT	0		900.000		900.000	0		900.000	SV còn học môn GDTC
6721	20020675	K65E-RE	0		900.000		900.000	0		900.000	
6722	20020700	K65E-RE	0		900.000		900.000	0		900.000	
6723	20021072	K65C-CE1	0		900.000		900.000	0		900.000	
6724	20021076	K65C-CE1	0		900.000		900.000	0		900.000	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6725	19021418	K64E-EC2	0		800.000		800.000	0		800.000	
6726	19021412	K64E-EC2	0		14.400.000		14.400.000	13.600.000		800.000	
6727	20020165	K65E-CE	0		450.000		450.000	0		450.000	
6728	20020175	K65E-CE	0		450.000		450.000	0		450.000	
6729	21020311	K66I-IT20	0		450.000		450.000	0		450.000	
6730	21021681	K66I-IT1	-1.350.000		1.800.000		1.800.000	0		450.000	
6731	23020687	K68I-IT20	0		21.214.000		21.214.000	0	21.000.000	214.000	
6732	24022564	K69P-EE	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	10.000	
6733	20020860	K65P-EP	450.000		450.000		450.000	0	900.000	0	Nợ K1/24-25
6734	21021257	K66C-CE2	0		900.000		900.000	0	900.000	0	
6735	19020227	K64I-CN	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6736	19020335	K64I-CN	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6737	20020338	K65I-IT1	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6738	20020510	K65G-AT	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6739	20020542	K65G-AT	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6740	20020597	K65M-AT	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6741	20020827	K65P-EP	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6742	21020358	K66I-IT3	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6743	21020455	K66E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6744	21020936	K66E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6745	21020941	K66E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6746	21020947	K66E-CE	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	0	
6747	20020169	K65E-CE	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6748	21020093	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6749	21020123	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6750	21020277	K66I-IT1	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6751	21020353	K66I-IT2	-663.390		1.800.000		1.800.000	0	1.136.610	0	
6752	21020422	K66I-IT1	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6753	21020559	K66E-RE	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6754	21020759	K66I-IT2	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6755	21020785	K66I-IT3	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	0	
6756	21020773	K66I-IT3	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6757	21020789	K66I-IT3	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6758	21020798	K66M-AT	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6759	21021023	K66P-EE	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6760	21021656	K66I-IT1	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6761	22021180	K67I-IT2	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6762	22021215	K67I-IT1	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6763	22023185	K67P-EP	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6764	22026536	K67I-IT20	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6765	23020677	K68I-IT20	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6766	23020817	K68E-CE1	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6767	23020849	K68E-CE1	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6768	23021121	K68C-CE3	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	0	
6769	19020617	K64E-CE2	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	0	
6770	20020009	K65M-AT	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	0	
6771	21020138	K66E-RE	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	0	
6772	21020428	K66E-RE	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	0	
6773	21020456	K66E-CE	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	0	
6774	21020891	K66E-RE	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	0	
6775	22022517	K67A-AI1	0		3.825.000	-780.000	3.045.000	0	3.045.000	0	
6776	20020447	K65I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6777	21020001	K66I-IT15	1.350.000	-1.350.000	4.500.000		3.150.000	0	4.500.000	0	Nợ HP theo QĐ 64
6778	21020016	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6779	21020020	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6780	21020059	K66I-IT15	1.350.000	-1.350.000	4.500.000		3.150.000	0	4.500.000	0	Nợ HP theo QĐ 64
6781	21020124	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6782	21020127	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6783	21020279	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6784	21020280	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6785	21020286	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6786	21020291	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6787	21020294	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6788	21020303	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6789	21020307	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6790	21020323	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6791	21020324	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6792	21020327	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6793	21020343	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6794	21020347	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6795	21020349	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6796	21020363	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6797	21020375	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6798	21020376	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6799	21020382	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6800	21020384	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6801	21020391	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6802	21020404	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6803	21020411	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6804	21020425	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6805	21020541	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6806	21020544	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6807	21020548	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6808	21020552	K66I-IT20	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6809	21020553	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6810	21020718	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6811	21020753	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6812	21020758	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6813	21020760	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6814	21020762	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6815	21020764	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6816	21020768	K66I-IT1	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6817	21020776	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6818	21020783	K66I-IT3	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6819	21020787	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6820	21020792	K66I-IT2	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6821	21020914	K66E-CE	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6822	21020957	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6823	21020959	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6824	21020960	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6825	21020984	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6826	21021019	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6827	21021033	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6828	21021044	K66P-EP	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	0	
6829	21020398	K66I-IT1	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	0	
6830	21021024	K66P-EP	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	0	
6831	21021430	K66S-AE	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	0	
6832	21021660	K66I-IT20	0		3.810.000		3.810.000	0	3.810.000	0	
6833	21020145	K66E-CE	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	0	
6834	21020918	K66E-CE	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	0	
6835	21020946	K66E-CE	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	0	
6836	21020993	K66P-EP	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	0	
6837	21021046	K66P-EP	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	0	
6838	22021586	K67M-AT	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	0	
6839	22022626	K67A-AI1	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	0	
6840	23020997	K68M-EM	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	0	
6841	24022944	K69C-ID	-2.494.350		4.100.000		4.100.000	0	1.605.650	0	
6842	24023094	K69C-ID	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	0	
6843	19020232	K64I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6844	19020551	K64E-CE2	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6845	20021269	K65S-AE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6846	21020017	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6847	21020033	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6848	21020051	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6849	21020064	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6850	21020144	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6851	21020297	K66I-IT3	-1.194.000		4.500.000		4.500.000	0	3.306.000	0	
6852	21020355	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6853	21020388	K66I-IT20	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6854	21020405	K66I-IT2	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6855	21020431	K66E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6856	21020442	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6857	21020445	K66E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6858	21020537	K66I-IT20	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6859	21020554	K66I-IT15	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6860	21020566	K66E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6861	21020898	K66E-RE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6862	21020901	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6863	21020908	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6864	21020923	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6865	21020924	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6866	21020935	K66E-CE	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6867	21021036	K66P-EP	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	0	
6868	22022648	K67A-AI1	0		5.355.000	-780.000	4.575.000	0	4.575.000	0	
6869	21020312	K66I-IT3	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	0	
6870	21020381	K66I-IT2	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	0	
6871	21021003	K66P-EE	0		5.160.000		5.160.000	0	5.160.000	0	
6872	22022522	K67A-AI1	0		6.120.000	-780.000	5.340.000	0	5.340.000	0	
6873	21020153	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6874	21021002	K66P-EP	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6875	21021086	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6876	21021095	K66M-EM	3.576.000		5.400.000		5.400.000	7.650.000	1.326.000	0	Nợ 1 phần K1/24-25
6877	21021106	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6878	21021110	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6879	21021120	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6880	21021125	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6881	21021142	K66M-EM	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6882	21021421	K66S-AE	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	0	
6883	22026529	K67I-IT20	0		5.520.000		5.520.000	0	5.520.000	0	
6884	19020901	K64C-CE	398.000		5.850.000		5.850.000	0	6.248.000	0	Nợ HP theo QĐ 2936
6885	20020268	K65I-IT20	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6886	21020134	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6887	21020137	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6888	21020440	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6889	21020852	K66G-AT	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6890	21020890	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6891	21020906	K66E-RE	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6892	21020926	K66E-CE	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6893	21021104	K66M-EM	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	0	
6894	22022504	K67A-AI1	0		6.885.000	-780.000	6.105.000	0	6.105.000	0	
6895	21020447	K66E-CE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6896	21020724	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6897	21020858	K66G-AT	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6898	21020875	K66M-AT	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6899	21020900	K66E-CE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6900	21020971	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6901	21020979	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6902	21020991	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6903	21021020	K66P-EE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6904	21021027	K66P-EP	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6905	21021069	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6906	21021102	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6907	21021132	K66M-EM	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6908	21021420	K66S-AE	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	0	
6909	19020426	K64I-IT3	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6910	21020433	K66E-CE	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6911	21020830	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6912	21020847	K66G-AT	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6913	21021006	K66P-EE	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6914	21021067	K66P-EE	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6915	21021118	K66M-EM	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	0	
6916	22022512	K67A-AI2	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0	6.870.000	0	
6917	21020029	K66I-IT15	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	0	
6918	21020825	K66G-AT	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	0	
6919	21020835	K66G-AT	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	0	
6920	21020937	K66E-CE	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	0	
6921	21021117	K66M-EM	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	0	
6922	22022503	K67A-AI1	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0	7.635.000	0	
6923	21020479	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6924	21020483	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6925	21020484	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6926	21020493	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6927	21020495	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6928	21020496	K66M-AT	-884.520		7.650.000		7.650.000	0	6.765.480	0	
6929	21020497	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6930	21020533	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6931	21020714	K66M-AT	-884.520		7.650.000		7.650.000	0	6.765.480	0	
6932	21020793	K66I-IT3	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6933	21020869	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6934	21020870	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6935	21020872	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6936	21020882	K66M-AT	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6937	21020989	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6938	21020999	K66P-EE	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6939	21021030	K66P-EP	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6940	21021419	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6941	21021431	K66S-AE	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	0	
6942	22022639	K67A-AI1	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0	7.650.000	0	
6943	21020712	K66M-AT	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	0	
6944	21020780	K66I-IT3	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	0	
6945	21021159	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	0	
6946	21021209	K66C-CE2	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	0	
6947	21021244	K66C-CE1	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	0	
6948	21021441	K66S-AE	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	0	
6949	22022127	K67E-CE1	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	0	
6950	22022135	K67E-CE2	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	0	
6951	22022617	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	0	
6952	22022650	K67A-AI2	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	0	
6953	20021239	K65S-AE	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	0	
6954	21020482	K66M-AT	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	0	
6955	21020815	K66G-AT	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	0	
6956	21020982	K66P-EP	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	0	
6957	21021099	K66M-EM	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	0	
6958	22020107	K67G-AT	0		8.670.000		8.670.000	0	8.670.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6959	21020437	K66E-CE	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	0	
6960	21020572	K66P-EE	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	0	
6961	21020806	K66G-AT	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	0	
6962	22022505	K67A-AI2	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	0	
6963	22022602	K67A-AI2	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	0	
6964	22022606	K67A-AI1	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	0	
6965	22022636	K67A-AI2	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	0	
6966	22022554	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	0	
6967	22022555	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	0	
6968	22022565	K67A-AI1	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	0	
6969	22022603	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	0	
6970	22022635	K67A-AI2	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	0	
6971	21020818	K66G-AT	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	0	
6972	21021049	K66P-EE	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	0	
6973	21021187	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	0	
6974	21021211	K66C-CE2	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	0	
6975	21020827	K66G-AT	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	0	
6976	21020841	K66G-AT	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	0	
6977	21021226	K66C-CE1	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	0	
6978	22022530	K67A-AI2	0		10.710.000	-780.000	9.930.000	0	9.930.000	0	
6979	22021554	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	0	
6980	22021557	K67M-AT	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	0	
6981	22025105	K67C-CE2	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	0	
6982	22020102	K67G-AT	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	0	
6983	22021507	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	0	
6984	22021516	K67M-AT	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	0	
6985	22022633	K67A-AI1	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	0	
6986	22026520	K67I-IT20	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	0	
6987	22026525	K67I-IT20	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	0	
6988	21020265	K66M-AT	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	0	
6989	21020060	K66I-IT2	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	0	
6990	22021102	K67I-IT15	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6991	22021127	K67I-IT1	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6992	22021523	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
6993	22021535	K67M-AT	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6994	22022112	K67E-CE1	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6995	22022160	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6996	22022161	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6997	22022167	K67E-CE2	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
6998	22022513	K67A-AI1	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	0	
6999	22026516	K67I-IT20	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	0	
7000	21021176	K66C-CE1	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	0	
7001	23021178	K68C-CE3	0		12.019.000		12.019.000	0	12.019.000	0	
7002	22027138	K67S-AE	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	0	
7003	22023513	K67P-EE	0		15.300.000	-3.120.000	12.180.000	0	12.180.000	0	
7004	22021110	K67I-IT2	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7005	22021111	K67I-IT1	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7006	22021119	K67I-IT2	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7007	22021144	K67I-IT2	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7008	22021207	K67I-IT2	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7009	22021500	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7010	22021503	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7011	22021504	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7012	22021573	K67M-AT	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7013	22022157	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7014	22022175	K67E-CE2	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7015	22022181	K67E-CE1	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	0	
7016	22021104	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7017	22021141	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7018	22021209	K67I-IT1	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7019	22021505	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7020	22021510	K67M-AT	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7021	22022108	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7022	22022111	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7023	22022174	K67E-CE2	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7024	22022195	K67E-CE2	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7025	22022211	K67E-CE1	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7026	22022609	K67A-AI1	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7027	22023125	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7028	22023174	K67P-EP	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7029	22024118	K67M-EM	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	0	
7030	22025138	K67C-CE1	0		13.204.000		13.204.000	0	13.204.000	0	
7031	22027122	K67S-AE	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	0	
7032	22021138	K67I-IT2	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7033	22022118	K67E-CE2	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7034	22022568	K67A-AI1	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	0	
7035	22022667	K67A-AI1	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	0	
7036	22023164	K67P-EP	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7037	22024105	K67M-EM	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7038	22026521	K67I-IT20	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7039	22027529	K67E-RE	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7040	22027543	K67E-RE	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	0	
7041	22027165	K67S-AE	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0	14.341.000	0	
7042	22021116	K67I-IT15	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7043	22021122	K67I-IT15	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7044	22021218	K67I-IT1	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7045	22021506	K67M-AT	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7046	22024138	K67M-EM	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7047	22026508	K67I-IT20	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7048	22026513	K67I-IT20	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	0	
7049	22021140	K67I-IT2	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	0	
7050	22022618	K67A-AI1	0		16.065.000	-765.000	15.300.000	0	15.300.000	0	
7051	22023502	K67P-EE	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	0	
7052	22023505	K67P-EE	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	0	
7053	22027500	K67E-RE	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	0	
7054	22027163	K67S-AE	0		13.707.000	1.902.000	15.609.000	0	15.609.000	0	
7055	22027110	K67S-AE	0		13.948.000	1.902.000	15.850.000	0	15.850.000	0	
7056	23020001	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7057	23020005	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7058	23020008	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7059	23020018	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7060	23020022	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7061	23020023	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7062	23020028	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7063	23020035	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7064	23020040	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7065	23020043	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7066	23020056	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7067	23020061	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7068	23020063	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7069	23020067	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7070	23020075	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7071	23020079	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7072	23020082	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7073	23020086	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7074	23020087	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7075	23020098	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7076	23020102	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7077	23020104	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7078	23020112	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7079	23020117	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7080	23020127	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7081	23020138	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7082	23020140	K68I-IT2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7083	23020141	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7084	23020142	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7085	23020145	K68I-IT1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7086	23020150	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7087	23020156	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7088	23020159	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7089	23020174	K68I-IT3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7090	23020188	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7091	23020229	K68G-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7092	23020246	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7093	23020254	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7094	23020265	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7095	23020268	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7096	23020269	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7097	23020275	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7098	23020277	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7099	23020294	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7100	23020303	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7101	23020313	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7102	23020315	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7103	23020317	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7104	23020319	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7105	23020321	K68M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7106	23020333	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7107	23020335	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7108	23020356	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7109	23020365	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7110	23020380	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7111	23020397	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7112	23020401	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7113	23020407	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7114	23020412	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7115	23020431	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7116	23020442	K68A-AI2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7117	23020443	K68A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7118	23020457	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7119	23020460	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7120	23020494	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7121	23020501	K68P-EE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7122	23020670	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7123	23020679	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7124	23020690	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7125	23020696	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7126	23020701	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7127	23020706	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7128	23020710	K68I-IT20	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7129	23020733	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7130	23020747	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7131	23020750	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7132	23020754	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7133	23020767	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7134	23020770	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7135	23020772	K68E-RE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7136	23020783	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7137	23020786	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7138	23020794	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7139	23020800	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7140	23020808	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7141	23020825	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7142	23020826	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7143	23020828	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7144	23020836	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7145	23020838	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7146	23020847	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7147	23020857	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7148	23020859	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7149	23020871	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7150	23020873	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7151	23020875	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7152	23020878	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7153	23020879	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7154	23020880	K68E-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7155	23020889	K68E-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7156	23020899	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7157	23020904	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7158	23020918	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7159	23020921	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7160	23020931	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7161	23020933	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7162	23020941	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7163	23020963	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7164	23020970	K68P-EP	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7165	23020984	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7166	23020994	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7167	23021007	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7168	23021008	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7169	23021025	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7170	23021035	K68M-EM	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7171	23021053	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7172	23021054	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7173	23021075	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7174	23021106	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7175	23021112	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7176	23021117	K68C-CE2	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7177	23021136	K68C-CE3	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7178	23021140	K68C-CE1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7179	23021389	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7180	23021391	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7181	23021394	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7182	23021399	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7183	23021404	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7184	23021422	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7185	23021436	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7186	23021442	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7187	23021443	K68S-AE	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7188	24022011	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	0	
7189	24022030	K69G-AT	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	0	
7190	24022083	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7191	24022086	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7192	24022088	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7193	24022097	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7194	24022101	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7195	24022107	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7196	24022108	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7197	24022109	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7198	24022114	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7199	24022116	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7200	24022127	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7201	24022128	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7202	24022131	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7203	24022132	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7204	24022134	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7205	24022138	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7206	24022154	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7207	24022156	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7208	24022163	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7209	24022165	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7210	24022168	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7211	24022171	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7212	24022177	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7213	24022183	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7214	24022187	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7215	24022189	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7216	24022192	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7217	24022202	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7218	24022205	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7219	24022207	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7220	24022208	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7221	24022210	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7222	24022214	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7223	24022220	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7224	24022224	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7225	24022225	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7226	24022226	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7227	24022227	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7228	24022228	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7229	24022239	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7230	24022240	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7231	24022242	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7232	24022244	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7233	24022247	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7234	24022254	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7235	24022259	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7236	24022267	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7237	24022271	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7238	24022272	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7239	24022275	K69A-AI1	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7240	24022283	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7241	24022285	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7242	24022291	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7243	24022304	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7244	24022306	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7245	24022308	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7246	24022313	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7247	24022321	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7248	24022329	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7249	24022332	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7250	24022345	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7251	24022346	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7252	24022352	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7253	24022358	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7254	24022359	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7255	24022361	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7256	24022368	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7257	24022369	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7258	24022372	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7259	24022377	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7260	24022386	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7261	24022388	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7262	24022389	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7263	24022395	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7264	24022403	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7265	24022410	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7266	24022413	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7267	24022431	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7268	24022433	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7269	24022437	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7270	24022438	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7271	24022446	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7272	24022447	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7273	24022454	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7274	24022461	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7275	24022463	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7276	24022464	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7277	24022467	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7278	24022470	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7279	24022473	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7280	24022479	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7281	24022484	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7282	24022485	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7283	24022490	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7284	24022494	K69A-AI	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7285	24022935	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7286	24022943	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7287	24022952	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7288	24022954	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7289	24022958	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7290	24022959	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7291	24022962	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7292	24022986	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7293	24022992	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7294	24022999	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7295	24023010	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7296	24023016	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7297	24023023	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7298	24023047	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7299	24023050	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7300	24023052	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7301	24023054	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7302	24023059	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7303	24023063	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7304	24023068	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7305	24023071	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7306	24023083	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7307	24023087	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7308	24023091	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7309	24023098	K69C-ID	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7310	24023101	K69M-AT	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	0	
7311	22021150	K67I-IT1	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	0	
7312	22025112	K67C-CE1	0		16.133.000		16.133.000	0	16.133.000	0	
7313	22023117	K67P-EP	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	0	
7314	22021189	K67I-IT2	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	0	
7315	22024155	K67M-EM	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	0	
7316	22026514	K67I-IT20	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	0	
7317	23020105	K68I-IT3	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	0	
7318	23020953	K68P-EP	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	0	
7319	23020987	K68M-EM	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	0	
7320	23021068	K68C-CE1	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	0	
7321	23021114	K68C-CE2	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	0	
7322	23021161	K68C-CE1	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	0	
7323	22027100	K67S-AE	0		16.243.000	1.902.000	18.145.000	0	18.145.000	0	
7324	22024189	K67M-EM	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	0	
7325	22026558	K67I-IT20	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	0	
7326	23020344	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	
7327	23020364	K68A-AI2	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	
7328	23020429	K68A-AI1	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	
7329	23020504	K68P-EE	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	
7330	23020678	K68I-IT20	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	
7331	23020832	K68E-CE2	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	
7332	23021412	K68S-AE	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7333	22023507	K67P-EE	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	0	
7334	22026548	K67I-IT20	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	0	
7335	23020020	K68I-IT2	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	0	
7336	23020123	K68I-IT3	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	0	
7337	23021376	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	0	
7338	23021433	K68S-AE	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	0	
7339	22021105	K67I-IT2	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	0	
7340	22021203	K67I-IT1	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	0	
7341	23020425	K68A-AI1	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	0	
7342	23020332	K68A-AI2	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	0	
7343	23020743	K68E-RE	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	0	
7344	23020685	K68I-IT20	0		22.952.000		22.952.000	0	22.952.000	0	
7345	23020565	K68I-IS	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7346	23021570	K68I-CS4	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7347	23021820	K68E-EC1	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7348	24020121	K69I-IT	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7349	24020764	K69P-EP	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7350	24020921	K69C-CE	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7351	24021613	K69I-CS	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	0	
7352	24020484	K69E-CE	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	0	
7353	24021485	K69I-CS	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	0	
7354	24020475	K69E-CE	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	0	
7355	24020564	K69E-CE	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	0	
7356	24021931	K69E-EC	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	0	
7357	24022926	K69E-RE	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	0	
7358	23020402	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7359	23020516	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7360	23020519	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7361	23020529	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7362	23020532	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7363	23020544	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7364	23020551	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7365	23020554	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7366	23020556	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7367	23020560	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7368	23020562	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7369	23020571	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7370	23020576	K68I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7371	23020586	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7372	23020590	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7373	23020593	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7374	23020605	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7375	23020607	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7376	23020620	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7377	23020636	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7378	23020641	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7379	23020645	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7380	23020646	K68I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7381	23021210	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7382	23021217	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7383	23021235	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7384	23021268	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7385	23021295	K68M-MT2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7386	23021334	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7387	23021341	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7388	23021344	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7389	23021345	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7390	23021346	K68M-MT1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7391	23021461	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7392	23021469	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7393	23021471	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7394	23021500	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7395	23021503	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7396	23021514	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7397	23021517	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7398	23021534	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7399	23021541	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7400	23021545	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7401	23021553	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7402	23021561	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7403	23021574	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7404	23021575	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7405	23021579	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7406	23021580	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7407	23021597	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7408	23021605	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7409	23021607	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7410	23021614	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7411	23021638	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7412	23021640	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7413	23021641	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7414	23021652	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7415	23021653	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7416	23021654	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7417	23021665	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7418	23021667	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7419	23021675	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7420	23021685	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7421	23021690	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7422	23021691	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7423	23021693	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7424	23021695	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7425	23021697	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7426	23021699	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7427	23021709	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7428	23021711	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7429	23021724	K68I-CS2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7430	23021730	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7431	23021738	K68I-CS4	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7432	23021747	K68I-CS1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7433	23021784	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7434	23021794	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7435	23021842	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7436	23021858	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7437	23021885	K68E-EC2	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7438	23021930	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7439	23021934	K68E-EC1	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7440	24020002	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7441	24020025	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7442	24020033	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7443	24020039	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7444	24020040	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7445	24020043	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7446	24020049	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7447	24020050	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7448	24020056	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7449	24020057	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7450	24020060	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7451	24020061	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7452	24020065	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7453	24020066	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7454	24020077	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7455	24020079	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7456	24020083	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7457	24020084	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7458	24020088	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7459	24020091	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7460	24020092	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7461	24020106	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7462	24020107	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7463	24020109	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7464	24020110	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7465	24020115	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7466	24020125	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7467	24020137	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7468	24020139	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7469	24020142	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7470	24020143	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7471	24020146	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7472	24020149	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7473	24020151	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7474	24020163	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7475	24020166	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7476	24020169	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7477	24020171	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7478	24020175	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7479	24020177	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7480	24020183	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7481	24020184	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7482	24020193	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7483	24020195	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7484	24020196	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7485	24020201	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7486	24020203	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7487	24020206	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7488	24020214	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7489	24020216	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7490	24020219	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7491	24020227	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7492	24020229	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7493	24020231	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7494	24020233	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7495	24020234	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7496	24020242	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7497	24020249	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7498	24020254	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7499	24020257	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7500	24020265	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7501	24020274	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7502	24020277	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7503	24020284	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7504	24020285	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7505	24020286	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7506	24020296	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7507	24020298	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7508	24020301	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7509	24020304	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7510	24020307	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7511	24020310	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7512	24020337	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7513	24020339	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7514	24020341	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7515	24020344	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7516	24020355	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7517	24020359	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7518	24020360	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7519	24020363	K69I-IT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7520	24020373	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7521	24020381	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7522	24020387	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7523	24020389	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7524	24020394	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7525	24020398	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7526	24020417	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7527	24020425	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7528	24020449	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7529	24020455	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7530	24020460	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7531	24020462	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7532	24020464	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7533	24020476	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7534	24020491	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7535	24020493	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7536	24020508	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7537	24020509	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7538	24020521	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7539	24020527	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7540	24020530	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7541	24020531	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7542	24020533	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7543	24020538	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7544	24020543	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7545	24020551	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7546	24020562	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7547	24020565	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7548	24020580	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7549	24020585	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7550	24020599	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7551	24020601	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7552	24020606	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7553	24020616	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7554	24020618	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7555	24020639	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7556	24020646	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7557	24020649	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7558	24020657	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7559	24020660	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7560	24020663	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7561	24020665	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7562	24020670	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7563	24020680	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7564	24020684	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7565	24020686	K69E-CE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7566	24020710	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7567	24020717	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7568	24020721	K69P-EP	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7569	24020723	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7570	24020727	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7571	24020729	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7572	24020736	K69P-EP	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0	17.480.000	0	
7573	24020744	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7574	24020747	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7575	24020757	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7576	24020766	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7577	24020773	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7578	24020776	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7579	24020791	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7580	24020798	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7581	24020802	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7582	24020807	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7583	24020809	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7584	24020812	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7585	24020820	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7586	24020828	K69P-EP	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7587	24020829	K69P-EP	-1.078.850		20.000.000		20.000.000	0	18.921.150	0	
7588	24020836	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7589	24020839	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7590	24020841	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7591	24020851	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7592	24020857	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7593	24020867	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7594	24020906	K69M-EM	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7595	24020922	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7596	24020931	K69C-CE	-764.350		20.000.000		20.000.000	0	19.235.650	0	
7597	24021044	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7598	24021049	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7599	24021052	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7600	24021078	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7601	24021112	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7602	24021115	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7603	24021127	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7604	24021129	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7605	24021140	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7606	24021150	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7607	24021162	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7608	24021194	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7609	24021196	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7610	24021214	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7611	24021221	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7612	24021224	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7613	24021225	K69M-MT	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7614	24021234	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7615	24021239	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7616	24021242	K69S-AE	-1.604.350		20.000.000		20.000.000	0	18.395.650	0	
7617	24021247	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7618	24021256	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7619	24021262	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7620	24021267	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7621	24021277	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7622	24021278	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7623	24021294	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7624	24021296	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7625	24021299	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7626	24021312	K69S-AE	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	0	
7627	24021321	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7628	24021322	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7629	24021324	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7630	24021341	K69S-AE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7631	24021350	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7632	24021354	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7633	24021357	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7634	24021363	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7635	24021375	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7636	24021383	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7637	24021391	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7638	24021393	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7639	24021394	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7640	24021407	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7641	24021411	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7642	24021413	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7643	24021425	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7644	24021440	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7645	24021442	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7646	24021445	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7647	24021447	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7648	24021448	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7649	24021452	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7650	24021454	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7651	24021464	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7652	24021470	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7653	24021475	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7654	24021482	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7655	24021489	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7656	24021494	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7657	24021499	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7658	24021508	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7659	24021510	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7660	24021512	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7661	24021517	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7662	24021524	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7663	24021534	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7664	24021537	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7665	24021543	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7666	24021550	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7667	24021553	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7668	24021557	K69I-CS	-20.000		20.000.000		20.000.000	0	19.980.000	0	
7669	24021559	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7670	24021561	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7671	24021565	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7672	24021566	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7673	24021567	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7674	24021574	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7675	24021575	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7676	24021577	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7677	24021579	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7678	24021581	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7679	24021582	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7680	24021589	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7681	24021590	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7682	24021596	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7683	24021599	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7684	24021608	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7685	24021612	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7686	24021615	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7687	24021617	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7688	24021622	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7689	24021627	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7690	24021633	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7691	24021648	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7692	24021654	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7693	24021660	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7694	24021664	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7695	24021669	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7696	24021679	K69I-CS	0		20.000.000		20.000.000	20.000.000		0	ĐHQGHN hỗ trợ HP
7697	24021688	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7698	24021689	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7699	24021697	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7700	24021698	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7701	24021706	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7702	24021707	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7703	24021709	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7704	24021715	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7705	24021727	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7706	24021733	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7707	24021741	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7708	24021745	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7709	24021756	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7710	24021761	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7711	24021780	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7712	24021782	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7713	24021788	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7714	24021791	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7715	24021792	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7716	24021795	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7717	24021799	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7718	24021802	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7719	24021809	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7720	24021813	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7721	24021816	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7722	24021821	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7723	24021822	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7724	24021834	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7725	24021844	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7726	24021871	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7727	24021877	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7728	24021880	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7729	24021886	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7730	24021893	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7731	24021901	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7732	24021902	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7733	24021921	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7734	24021922	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7735	24021932	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7736	24021937	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7737	24021942	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7738	24021943	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7739	24021946	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7740	24021947	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7741	24021957	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7742	24021964	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7743	24021968	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7744	24021987	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7745	24021989	K69E-EC	-1.107.000		20.000.000		20.000.000	0	18.893.000	0	
7746	24021990	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7747	24022000	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7748	24022003	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7749	24022009	K69E-EC	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7750	24022511	K69P-EE	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0	17.171.300	0	
7751	24022515	K69P-EE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7752	24022523	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7753	24022524	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7754	24022525	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7755	24022547	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7756	24022571	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7757	24022578	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7758	24022590	K69P-EE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	0	
7759	24022610	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7760	24022617	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7761	24022618	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7762	24022623	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7763	24022631	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7764	24022632	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7765	24022637	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7766	24022638	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7767	24022640	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7768	24022654	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7769	24022658	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7770	24022668	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7771	24022672	K69I-IS	-1.500.000		20.000.000		20.000.000	0	18.500.000	0	
7772	24022690	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7773	24022691	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7774	24022697	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7775	24022701	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7776	24022708	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7777	24022711	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7778	24022723	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7779	24022724	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7780	24022729	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7781	24022735	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7782	24022737	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7783	24022738	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7784	24022749	K69I-IS	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7785	24022778	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7786	24022779	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7787	24022782	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7788	24022784	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7789	24022787	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7790	24022795	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7791	24022805	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7792	24022807	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7793	24022810	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7794	24022816	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7795	24022818	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7796	24022823	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7797	24022825	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7798	24022827	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7799	24022838	K69I-CN	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7800	24022850	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7801	24022852	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7802	24022860	K69E-RE	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	0	
7803	24022861	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7804	24022863	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7805	24022872	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7806	24022876	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7807	24022886	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7808	24022899	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7809	24022917	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7810	24022919	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7811	24022923	K69E-RE	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	0	
7812	23021311	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	0	
7813	23021321	K68M-MT2	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	0	
7814	23021936	K68E-EC1	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	0	
7815	24021389	K69I-CS	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	0	
7816	23020541	K68I-IS	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	0	
7817	23021230	K68M-MT1	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	0	
7818	23021731	K68I-CS1	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	0	
7819	23021926	K68E-EC1	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	0	
7820	23020648	K68I-CN	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	0	
7821	23021571	K68I-CS1	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	0	
7822	23021681	K68I-CS3	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	0	
7823	24020393	K69E-CE	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	0	
7824	24022739	K69I-IS	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	0	
7825	23021599	K68I-CS1	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	0	
7826	20021580	K65E-EC2	0		5.600.000		5.600.000	0	5.600.000	0	
7827	20020124	K65I-IS	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	0	
7828	20021387	K65I-CN	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	0	
7829	22028298	K67I-CS2	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	0	
7830	22028176	K67I-CS3	0		11.760.000		11.760.000	0	11.760.000	0	
7831	20020310	K65I-CS1	0		14.400.000		14.400.000	0	14.400.000	0	
7832	21021314	K66M-MT2	1.600.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	800.000	17.500.000	0	Nợ HP theo QĐ 2936
7833	21020111	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7834	21020155	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7835	21020165	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7836	21020169	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7837	21020170	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7838	21020178	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7839	21020180	K66I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7840	21020189	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7841	21020200	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7842	21020207	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7843	21020212	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7844	21020238	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7845	21020252	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7846	21020256	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7847	21020463	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7848	21020467	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7849	21020468	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7850	21020470	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7851	21020511	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7852	21020512	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7853	21020528	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7854	21020530	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7855	21020596	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7856	21020602	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7857	21020606	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7858	21020611	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7859	21020612	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7860	21020639	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7861	21020647	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7862	21020659	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7863	21020669	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7864	21020672	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7865	21020710	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7866	21020726	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7867	21020730	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7868	21020735	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7869	21021259	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7870	21021262	K66M-MT1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7871	21021297	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7872	21021303	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7873	21021323	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7874	21021339	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7875	21021353	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7876	21021363	K66M-MT3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7877	21021376	K66M-MT2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7878	21021456	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7879	21021462	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7880	21021466	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7881	21021469	K66I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7882	21021472	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7883	21021475	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7884	21021476	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7885	21021491	K66I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7886	21021504	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7887	21021536	K66I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7888	21021539	K66I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7889	21021592	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7890	21021598	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7891	21021616	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7892	21021617	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7893	21021618	K66E-EC1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7894	21021637	K66E-EC2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7895	22024515	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7896	22024523	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7897	22024546	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7898	22024562	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7899	22024564	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7900	22024568	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7901	22024575	K67I-IS	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7902	22025508	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7903	22025510	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7904	22025513	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7905	22025515	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7906	22025517	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7907	22025523	K67I-CN	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7908	22026106	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7909	22026107	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7910	22026108	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7911	22026111	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7912	22026118	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7913	22026122	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7914	22026126	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7915	22026140	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7916	22026142	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7917	22026144	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7918	22026165	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7919	22026166	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7920	22026173	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7921	22026175	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7922	22026186	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7923	22026202	K67M-MT	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7924	22028009	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7925	22028016	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7926	22028017	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7927	22028020	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7928	22028027	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7929	22028032	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7930	22028041	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7931	22028048	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7932	22028056	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7933	22028060	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7934	22028080	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7935	22028081	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7936	22028084	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7937	22028089	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7938	22028098	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7939	22028104	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7940	22028107	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7941	22028119	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7942	22028129	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7943	22028130	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7944	22028137	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7945	22028140	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7946	22028142	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7947	22028144	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7948	22028148	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7949	22028151	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7950	22028155	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7951	22028162	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7952	22028191	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7953	22028198	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7954	22028200	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7955	22028205	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7956	22028228	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7957	22028229	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7958	22028231	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7959	22028245	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7960	22028253	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7961	22028266	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7962	22028268	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7963	22028271	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7964	22028274	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7965	22028276	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7966	22028280	K67I-CS3	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7967	22028284	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7968	22028288	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7969	22028303	K67I-CS2	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7970	22028306	K67I-CS1	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7971	22028332	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7972	22028334	K67I-CS4	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7973	22028336	K67I-CS1	-828.000		17.500.000		17.500.000	0	16.672.000	0	
7974	22029046	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7975	22029051	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	
7976	22029067	K67E-EC	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	0	

TT	MSV	Mã lớp	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Đã nộp trước thu	Nộp tới 15h 17.4	Chưa nộp tới 15h 17.4	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng				
7977	22028108	K67I-CS3	0		18.300.000		18.300.000	663.390	17.636.610	0	
7978	22026195	K67M-MT	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	0	
7979	22028073	K67I-CS2	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	0	
7980	22028289	K67I-CS1	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	0	
7981	22029093	K67E-EC	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	0	
7982	21020047	K66I-CS2	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7983	21021477	K66I-CS3	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7984	21021500	K66I-CN	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7985	21021552	K66E-EC2	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7986	22028069	K67I-CS1	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7987	22028294	K67I-CS4	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7988	22029012	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7989	22029083	K67E-EC	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	0	
7990	21020179	K66I-CS2	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	0	
7991	21021514	K66I-CS1	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	0	
7992	21020464	K66I-CS3	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	0	
7993	21021563	K66E-EC1	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	0	
7994	22029064	K67E-EC	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	0	
7995	21020590	K66M-MT1	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	0	
7996	21021544	K66I-CS3	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	0	
7997	21021546	K66I-IS	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	0	
7998	22025504	K67I-CN	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	0	
7999	21021292	K66M-MT2	0		28.975.000	-1.560.000	27.415.000	0	27.415.000	0	
8000	22029033	K67E-EC	0		32.700.000		32.700.000	0	32.700.000	0	
8001	24021011	K69C-CE	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.600.000	-14.350	
8002	24020023	K69I-IT	-1.585.650		20.000.000		20.000.000	0	18.500.000	-85.650	
8003	23021529	K68I-CS3	0		20.000.000		20.000.000	0	20.200.000	-200.000	
8004	19020665	K64P-EE	-1.878.000		1.350.000		1.350.000	0		-528.000	
8005	23020555	K68I-IS	-3.000.000		24.304.000		24.304.000	0	22.000.000	-696.000	
8006	23020834	K68E-CE2	-19.932.610		16.000.000		16.000.000	0		-3.932.610	SV nộp trước cho nhiều kỳ
8007	22022595	K67A-AI1	0		2.295.000	-765.000	1.530.000	0	6.120.000	-4.590.000	
8008	24020718	K69P-EP	-105.414.350		20.000.000		20.000.000	0		-85.414.350	SV nộp trước cho nhiều kỳ